

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	4
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	7
3. Mục tiêu nghiên cứu	9
4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
4.1. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu	9
4.1.1. Cách tiếp cận	9
4.1.2. Phương pháp nghiên cứu.....	9
4.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
4.2.1. Đối tượng nghiên cứu	9
4.2.2. Phạm vi nghiên cứu	9
5. Cấu trúc đề tài.....	10

NỘI DUNG

Chương 1: Ý NGHĨA VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

1.1. Ý nghĩa và vai trò của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp.	11
1.2. Đặc điểm các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp	13
1.2.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ	14
1.2.1.1. Di tích lịch sử mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc [Phường IV, TP Cao Lãnh]	14
1.2.1.2. Di tích Lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp [xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười].	18
1.2.1.3. Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng [xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình].	22

1.2.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng	25
1.2.2.1. Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong (Căn cứ Xẻo Quýt) [Xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh].	25
1.2.2.2. Di tích lịch sử Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung [Xã Tân Phước, huyện Tân Hồng].	31
1.2.2.3. Di tích lịch sử Vụ thảm sát Bình Thành [TT Thanh Bình, huyện Thanh Bình].	37
1.2.2.4. Di tích lịch sử Địa điểm cơ quan Giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ [Xã Phú Cường, huyện Tam Nông].	39
1.2.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật	45
1.2.3.1. Di tích kiến trúc Kiến An cung [Phường II, TX Sa Đéc].	45
1.2.3.2. Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng [Xã Long Thắng, huyện Lai Vung].	50

Chương 2: HIỆN TRẠNG, GIẢI PHÁP BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ KHAI THÁC PHÁT HUY TÁC DỤNG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

2.1. Hiện trạng bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích này.	55
2.1.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ	55
2.1.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng	60
2.1.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật	64
2.2. Những nhóm giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp	67
2.2.1. Giải pháp chung.....	67
2.2.1.1. Đối với các cấp lãnh đạo và các ngành chức năng.....	67
2.2.1.2. Đối với nhân dân và cư dân quanh khu vực có di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.	70
2.2.2. Giải pháp cụ thể cho từng nhóm di tích.....	71
2.2.2.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ	71

2.2.2.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng	76
2.2.2.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật	77

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
PHỤ LỤC	91

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hợp nhất từ hai tỉnh Kiến Phong (phía bắc sông Tiền) gắn với vùng Đồng Tháp Mười và tỉnh Sa Đéc (phía Nam sông Tiền) nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, từng được mệnh danh là “*trái tim sông Hậu*”, Đồng Tháp là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, trong giới hạn $10^{\circ} 07' 14''$ - $10^{\circ} 58' 18''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ} 56' 42''$ kinh độ Đông. Phía Bắc giáp Campuchia với đường biên giới 47,8 km; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và TP Cần Thơ; phía Đông giáp tỉnh Tiền Giang, Long An, phía Tây giáp tỉnh An Giang.

Con sông Tiền cắt dọc tỉnh Đồng Tháp từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chia ra hai mảng lớn: mảng phía Bắc và mảng phía Nam.

Mảng phía Bắc chiếm 70% diện tích toàn tỉnh Đồng Tháp (tức 239.000 ha/ 339.000 ha), và chiếm 38% diện tích vùng Đồng Tháp Mười (tức 239.000 ha/ 632.952 ha) bao gồm thành phố Cao Lãnh, thị xã Hồng Ngự và các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Thanh Bình, Tam Nông, Cao Lãnh, Tháp Mười.

Mảng phía Nam: chiếm 30% diện tích còn lại, bao gồm thị xã Sa Đéc và các huyện Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành.

Địa hình trống trải, ít có vật che khuất, trừ các tuyến cây ven kinh, rạch và một số khu rừng tràm.

Nhìn chung, độ chênh lệch của mặt đất không lớn. Cao độ phổ biến từ 1- 2m (so với mực nước biển chuẩn Hà Tiên), cao nhất trên 4m, thấp nhất 0,7m.

Từ vị trí địa lý như vậy, nên địa bàn Đồng Tháp đã trở thành nơi người Việt đến tụ cư và khai phá sớm, nhất là vùng giữa sông Tiền, sông Hậu và ven sông Tiền, mà khó trường Bả Canh được thành lập vào khoảng năm 1741 tại vùng Cao Lãnh là một minh chứng (xem nội dung bia tiền hiền Mỹ Trà bên dốc cầu Đình Trung). Đây còn là trạm trung chuyển để cư dân tỏa ra các vùng chung quanh trong quá trình khai phá vùng đất mới. Các di tích lịch sử - cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp đã nói lên điều đó.

Mặt khác, Đồng Tháp là một tỉnh lẻ nằm ở góc trời biên giới phía Tây Nam nên trong quá trình khai phá, người Việt đã ra sức bảo vệ lãnh thổ đất nước trong cuộc chiến

chống Xiêm từ 1833 (ghi dấu là Đền thờ Thượng tướng Quận Công Trần Văn Năng tại Đốc Vàng, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình).

Đồng Tháp, nhất là địa bàn Đồng Tháp Mười, là căn cứ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chứng tích tội ác của chiến tranh mà các di tích lịch sử - văn hóa còn ghi đậm như: Khu di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp (huyện Tháp Mười), Di tích lịch sử chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung (huyện Tân Hồng), Khu tưởng niệm ngành giao thông liên lạc vô tuyến điện Nam Bộ (huyện Tam Nông), Di tích lịch sử Vụ Thảm Sát Bình Thành (huyện Thanh Bình).

Đáng chú ý là Khu di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp vừa mang tính chất khảo cổ với nền văn hóa Óc Eo của Vương quốc Phù Nam (có niên đại cách nay trên dưới 1.500 năm) và lịch sử với Gò Tháp là đại bản doanh của Thiên hộ Võ Duy Dương và Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều trong buổi đầu chống Pháp (từ 1864 - 1866), vừa mang tính chất cách mạng: Gò Tháp là nơi tọa lạc của Trường Quân Chính khu VIII trong 9 năm chống Pháp. Các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Nguyễn Thị Thập... từng hoạt động tại vùng đất này.

Đồng Tháp còn là đất lưu đầy của các yếu nhân trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục như cụ Võ Hoành ở Sa Đéc, cụ Tú Phương Sơn Nguyễn Hoàng Cồn ở Đốc Vàng (Thanh Bình).

Đặc biệt, Đồng Tháp là vùng “*địa linh nhân kiệt*” để cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc tìm đến truyền bá chủ nghĩa yêu nước và chọn làm quê hương thứ hai cho mình lúc cuối đời (Khu lưu niệm mộ cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc). Ngoài ra, còn nhiều di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Như chúng ta đã biết: lịch sử là những sự việc đã xảy ra, trải qua nhiều đời; còn văn hóa theo Tự điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên “*là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử*”

Quá khứ sẽ qua đi nhưng lịch sử - văn hóa chính là những di sản còn lại,...mà cụ thể ở đây chúng ta muốn nói đến, đó là các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp. Nó “bám chặt” trên mảnh đất quê hương (trong lòng đất hay trên mặt đất), nó biểu hiện thông qua các phong tục tập quán, các lễ hội,... đó là sợi dây truyền thống kết

nổi giữa quá khứ và hiện tại, là chất liệu nuôi lớn những tâm hồn và là suối nguồn chắp cánh những ước mơ,...

Mỗi di tích lịch sử cấp quốc gia đều có những tính chất hoặc đan xen nhiều tính chất khác nhau, nhưng nhìn chung tất cả những tính chất đó đã tạo thành một dòng chảy xuyên suốt, tạo nên một bức tranh sinh động giới thiệu tiến trình phát triển về lịch sử - văn hóa tỉnh Đồng Tháp, trong sự ảnh hưởng qua lại giữa địa bàn tỉnh Đồng Tháp hiện nay với khu vực Đồng Tháp Mười, Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả Nam Bộ, không loại trừ khả năng mở rộng xa hơn với Chăm Pa, Chân Lạp, Phù Nam, Ấn Độ,...

Vì vậy, việc tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về mối quan hệ, sự giao lưu, ảnh hưởng của những nét văn hóa nói trên là như thế nào? Và những giá trị lịch sử - văn hóa này có vai trò gì trong nền văn hóa khu vực? Sau một quá trình tồn tại và phát triển, những giá trị văn hóa - lịch sử mà chúng ta có được còn lại những gì và mất đi những gì? Đồng thời, đưa ra những giải pháp nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy những giá trị văn hóa mà chúng ta có được, khôi phục những giá trị văn hóa đã mất, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống.

Mặc khác, đây cũng có thể được xem là cuốn lịch sử được viết bằng các di tích văn hóa - lịch sử vật thể phong phú và đa dạng mang tính trực quan sinh động, truyền tải một phần thông tin về lịch sử - văn hóa, truyền thống cách mạng để thu hút khách tham quan du lịch; đồng thời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, trong đó có học sinh, sinh viên,...góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và những nét văn hóa đặc trưng của địa phương.

Hiện nay, mặc dù các di tích lịch sử này đã được Bộ VH TT & DL công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, nhưng chưa được phát huy đúng mức. Một số di tích dần mất nét văn hóa truyền thống vốn có, chịu sự ảnh hưởng mạnh của cơ chế thị trường chạy theo mục đích kinh tế, các điểm di tích vô tình là nơi phát sinh những tệ nạn xã hội như: các hoạt động mê tín dị đoan (thường là các tại các điểm di tích về tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội dân gian), trộm cắp, móc túi,...các hiện tượng như: ùn tắc giao thông (nhất là trong các thời kỳ lễ hội), ô nhiễm môi trường, phá hủy cảnh quan sinh thái (đặc biệt đối với các di tích mang đặc điểm về sinh thái)...tạo những nét “*văn hóa tiêu cực*” trái ngược với nét văn hóa truyền thống vốn có tại các điểm di tích. Năng lực của Ban tổ chức còn

yếu, chưa thực sự hiểu rõ về những nét văn hóa truyền thống, về nội dung cũng như hình thức biểu hiện của nó, từ đó dẫn đến việc đưa ra những định hướng, những biện pháp không phù hợp, có khi lại trái ngược lại với mục đích ra đời của di tích cụ thể như: việc chưa định rõ tính chất của từng lễ hội để kết cấu nghi lễ, nghi thức và không gian cho phù hợp làm nổi rõ chủ đề, trọng tâm lễ hội cho khách (ở đây muốn nói đến khách tham quan du lịch) lựa chọn và tham gia, đặc biệt có di tích tên gọi chưa chính xác, thậm chí còn có nơi vẽ vôi, thêm thắt làm sai lệch nội dung của di tích,... Tất cả những vấn đề nói trên nếu không được khắc phục, chỉnh sửa sao cho phù hợp thì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vốn có của tỉnh và nguy cơ bị “hòa tan” trong “hội nhập” là đáng báo động. Do vậy, đề tài sẽ nghiên cứu tìm ra đặc điểm chung, đồng thời khai thác một cách hợp lý, giới thiệu các giá trị lịch sử - văn hóa của từng di tích để nâng cao việc quảng bá du lịch nhằm thu hút khách tham quan; phục vụ nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương cho học sinh, sinh viên; giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ.

Trên tinh thần đó, chúng tôi chọn đề tài **“Đặc điểm di tích lịch sử -văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Tháp, giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng ”** để nghiên cứu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Phần lớn các di tích này đã được giới thiệu khái quát trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài phát thanh, đài truyền hình. Riêng 3 di tích: Di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp, Di tích lịch sử mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc và Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng đã được viết thành chuyên đề và in thành tài liệu để phục vụ khách tham quan, hành hương trong những ngày lễ hội.

- Đồng Tháp điểm hẹn du lịch, do Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Đồng Tháp thực hiện, NXB Tổng hợp Đồng Tháp xuất bản năm 1995. Trong đó có giới thiệu 3 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Đó là khu di tích lịch sử văn hóa – khảo cổ Gò Tháp, Khu di tích lịch sử mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu di tích lịch sử căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong, cả ba đều mang tính chất bút ký giới thiệu du lịch.

- Tiếng sấm đầu mùa, do Nguyễn Đắc Hiền chủ biên, Nhà xuất bản Tổng Hợp Đồng Tháp xuất bản năm 1994. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp tái bản vào tháng 08 năm 2000. Đây là tác phẩm hồi ký viết về chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung vào ngày 26 tháng 09 năm 1959.

Các công trình nghiên cứu có tính chất khoa học và đi sâu hơn về mặt chuyên môn, kỹ thuật như:

- Căn cứ Xẻo Quít trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), luận văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử, năm 2009, của Nguyễn Thị Kim Thắm, nghiên cứu quá trình thành lập, xây dựng, bảo vệ, phát triển, tổ chức hoạt động, sinh hoạt trong căn cứ Xẻo Quít. Qua đó làm nổi bật vai trò của căn cứ Xẻo Quít trong kháng chiến chống Mỹ.

- Đo đạc kẻ vẽ kỹ thuật tại các điểm di tích của họa sĩ Phạm Ngọc Hiếu (Phó giám Đốc Bảo Tàng Đồng Tháp).

- Báo cáo khảo cổ học qua các đợt khảo sát, khai quật tại các di tích (đặc biệt là di tích Gò Tháp) của Trung tâm nghiên cứu khảo cổ, Viện KHXH tại TP. Hồ Chí Minh.

- Kiểm kê, đặc tả các di tích lịch sử - văn hóa để xếp hạng của Bảo tàng Đồng Tháp.

- Đồng Tháp di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, do Sở VH TT & DL xuất bản năm 1997.

Nhìn chung, các bài viết thường là các bài bút ký giới thiệu sơ lược về di tích nhằm phục vụ khách tham quan du lịch, có tác phẩm nghiêng về văn học, nặng về lịch sử cách mạng hoặc chủ yếu là thống kê, lược ghi tất cả các di tích trong tỉnh (kể cả di tích cấp Tỉnh và cấp Quốc gia).

Đề tài này có tham khảo, kế thừa các bài viết, công trình nêu trên, nhưng theo hướng nêu lên đặc điểm của từng di tích nhằm tìm ra giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng của chúng và cuối cùng là kết hợp giữa khu di tích với du lịch. Nói cách khác là khai thác du lịch từ các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- + Trước tiên, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước trong nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.
- + Kế đến, là phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương cho học sinh, sinh viên.
- + Đồng thời, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Đồng Tháp nhằm thu hút khách tham quan du lịch,...

4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

4.1.1. Cách tiếp cận

Vận dụng cách tiếp cận hệ thống để nghiên cứu và tiến hành thu thập tài liệu, thông tin theo các yếu tố thời gian, không gian; Tiếp cận với các cơ quan chức năng có liên quan đến đề tài, với các Ban quản lý di tích, nhân dân địa phương cũng như khách tham quan, du lịch để trao đổi, nắm bắt các thông tin, số liệu cụ thể đảm bảo tính thực tiễn khách quan và khả thi của đề tài.

4.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, hai phương pháp được sử dụng xuyên suốt là phương pháp lịch sử và phương pháp lô - gích. Phương pháp lịch sử đặc tả từng di tích; phương pháp lô - gích tìm ra mối liên hệ, đặc điểm của từng di tích, nhóm di tích. Bên cạnh, nhóm tác giả còn chú trọng đến phương pháp điền dã để thu thập số liệu về mặt kỹ thuật và trình diễn của các lễ hội, phương pháp chuyên gia để tìm hiểu sâu từng lĩnh vực.

4.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Cụ thể là 09 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp

- + *Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ*

- Di tích lịch sử mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc [Phường IV, TP Cao Lãnh].
- Di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp [xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười].
- Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng [xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình].
- + *Nhóm di tích lịch sử cách mạng*
 - Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong (Căn cứ Xẻo Quýt) [Xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh].
 - Di tích lịch sử Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung [Xã Tân Phước, huyện Tân Hồng].
 - Di tích lịch sử Vụ thẩm sát Bình Thành [TT Thanh Bình, huyện Thanh Bình].
 - Di tích lịch sử Địa điểm cơ quan Giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ [Xã Phú Cường, huyện Tam Nông]
- + *Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật*
 - Di tích kiến trúc Kiến An cung [Phường II, TX Sa Đéc].
 - Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng [Xã Long Thắng, huyện Lai Vung]

4.2.2. Phạm vi nghiên cứu

- + Không gian: Trên địa bàn các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh Đồng Tháp.
- + Thời gian: Từ năm 1757 (khi Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long cho Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát) đến nay (2010). Cá biệt, có thời điểm xa hơn như khi đề cập đến nền văn hóa Phù Nam, tại khu di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp với niên đại cách nay trên dưới 1.500 năm.

5. Cấu trúc đề tài

Báo cáo tổng kết dài 84 trang, ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, còn có nội dung bao gồm 2 chương:

Chương 1: Ý nghĩa và đặc điểm các Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp quốc gia ở Tỉnh Đồng Tháp.

Chương 2: Hiện trạng, giải pháp để bảo tồn, tôn tạo và khai thác phát huy các Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp quốc gia ở Tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG

Chương 1: Ý NGHĨA VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

1.1. Ý nghĩa và vai trò của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp.

Các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp là cuốn lịch sử bằng vật thể giới thiệu từ thời khẩn hoang mở cõi đến bảo vệ quê hương của dân tộc ta tại địa phương. Nó là những di sản văn hóa Việt Nam *“là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”* và *“Để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới”*¹.

Nghiên cứu đề tài “Đặc điểm các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia của tỉnh Đồng Tháp giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng” với hai mục đích chính:

- Thứ nhất, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, giáo dục sâu rộng cho thế hệ trẻ về giá trị lịch sử - văn hóa, quảng bá hình ảnh đất và người Đồng Tháp. Thông qua các di tích, giúp các em có những chuyên về nguồn đầy ý nghĩa, có lẽ không cần học nhiều lí thuyết suông qua sách vở mà qua các hiện vật và hình ảnh trưng bày hay những lời thuyết minh. Đây là cách giáo dục thế hệ trẻ một cách thực tế mà sâu sắc. Qua đó, thế hệ trẻ chúng ta thấy được ý chí, tinh thần, công sức của cha ông trong công cuộc khẩn hoang lập ấp, đấu tranh giành độc lập cho dân tộc và vận dụng nó vào xây dựng, phát triển đất nước trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Ngoài ra, các di tích này còn phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu và học tập cho học sinh, sinh viên muốn tìm hiểu về lịch sử - văn hóa địa phương.

Chẳng hạn, các đền thờ Thiên hộ Dương - Độc binh Kiều ở Khu di tích Gò Tháp, đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng là nơi thờ tự các vị anh hùng dân tộc được nhân dân “thần thánh hóa” thành những vị thần trong tâm thức người dân Đồng

¹ Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội – 2003, tr 11.

Tháp nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Trong các kì lễ hội, lịch sử của những trận đánh được tái hiện thông qua chương trình “sân khấu hóa”. Đây là bài học lịch sử thực tế mà sống động, mọi người được nhìn thấy hình ảnh trực quan sinh động không cần phải tư duy trừu tượng, không phải qua lí thuyết sách vở nên dễ nhớ về cuộc khởi nghĩa Thiên hộ Dương - Đốc binh Kiều chống Pháp ở vùng Đồng Tháp Mười hay Trần Văn Năng ở Vàm Nao đánh đuổi quân Xiêm.

- Thứ hai, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa các di tích tác động mạnh đến tiềm năng phát triển du lịch cho tỉnh Đồng Tháp. Đồng Tháp là một tỉnh nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long trù phú, cách thành phố Hồ Chí Minh 165 km về phía Tây Nam. Diện tích tự nhiên 3.374 km² bao gồm chín huyện, hai thị xã và một thành phố Cao Lãnh. Có đường biên giới giáp nước bạn Campuchia dài gần 50 km với 7 cửa khẩu, trong đó có 4 cửa khẩu quốc tế: Thường Phước, Thông Bình, Dinh Bà và Sở Hạ; Bắc và Tây giáp Campuchia; Nam và Đông giáp Vĩnh Long; Đông giáp Tiền Giang và Long An; Tây giáp An Giang và Cần Thơ. Vị trí địa lí thuận lợi của các Khu di tích ở Đồng Tháp, tạo điều kiện cho sự kết nối “tua” du lịch liên hoàn giữa 9 di tích. Chắc chắn các di tích này sẽ là điểm đến hấp dẫn, thu hút lượng khách du lịch khá lớn từ các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Hồ Chí Minh và du khách nước ngoài đến với nhu cầu tham quan và nghiên cứu.

Mặt khác, phát triển du lịch còn làm tác động mạnh đến văn hóa - xã hội. Du lịch trực tiếp góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh đất - người Đồng Tháp, tạo nên môi trường việc làm lành mạnh, giảm di cư từ các vùng nông thôn lên thành thị. Nhờ vào lợi ích do du lịch mang lại, cuộc sống cộng đồng trở nên sôi động, các nền văn hóa có điều kiện hòa nhập làm cho đời sống văn hóa tinh thần con người trở nên phong phú. Một trong những tác động mang nhiều ý nghĩa của ngành du lịch là góp phần cho việc phục hồi và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Đó là những ảnh hưởng tích cực do du lịch mang lại khi du lịch được tổ chức và phát triển một cách hợp lí, bền vững.

Như vậy, nó tạo nên một mắt xích chặt chẽ, liên kết và tác động qua lại với nhau. Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích là điều kiện phát triển thế mạnh du lịch, ngược lại du lịch tác động đến văn hóa - xã hội, văn hóa - xã hội có vai trò rất lớn đến bảo tồn và tôn tạo các di tích. Từ ý nghĩa và vai trò của các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng

Tháp, cho thấy vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích mang tính cấp thiết trong việc phát huy tiềm năng du lịch - văn hóa.

Tóm lại, tìm hiểu “Đặc điểm các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia của tỉnh Đồng Tháp giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng” nhằm: Giáo dục, khơi dậy truyền thống yêu nước, giữ gìn được kiến trúc gốc, nâng cao việc giữ gìn, bảo vệ, trùng tu và phát huy giá trị của di tích. Đồng thời, đưa ra các giải pháp để bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa và vai trò hết sức to lớn.

1.2. Đặc điểm các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp

Muốn biết đặc điểm của các di tích, chúng ta có thể dựa vào tính chất, đặc trưng của từng di tích. Tính chất và đặc trưng được nhận ra trước tiên ở tên gọi của nó mà cơ quan chuyên môn tại địa phương (trực tiếp hiện nay là Bảo tàng Đồng Tháp thuộc sở Văn hóa Thể thao và Du lịch) kiểm kê, đề nghị và đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận.

Tuy nhiên, công việc cũng không đơn giản, bởi lẽ có những di tích nội dung và tên gọi là một, nhưng cũng có những di tích vừa có đặc trưng chính vừa có đặc trưng phụ. Bên cạnh đó có những di tích mang nhiều tính chất khác nhau, ví dụ: “Di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp” vừa mang tính chất khảo cổ, lịch sử (lịch sử dân tộc và cả lịch sử cách mạng) lại có cả tính chất sinh thái vì cảnh quan, môi trường nơi đây như một vùng Đồng Tháp Mười thu hẹp hay “Khu di tích lịch sử căn cứ kháng chiến của tỉnh Kiến Phong” (Căn cứ Xẻo Quýt) với tính chất cách mạng nổi bật ban đầu, nhưng theo quá trình bảo tồn, tôn tạo thì tính chất sinh thái ngày càng rõ nét.

Để nhận biết rõ nét đặc điểm các di tích, chúng ta không thể bỏ qua việc khảo sát, đặc tả từng di tích.

Nhằm tiện cho việc theo dõi, chúng tôi mạnh dạng xếp 09 di tích này theo 3 nhóm tính chất như sau: Tính chất lịch sử - khảo cổ, tính chất lịch sử cách mạng và tính chất kiến trúc nghệ thuật.

1.2.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ

Nhóm này bao gồm Di tích lịch sử mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp và di tích lịch sử đền thờ Trần Văn Năng (Độc Binh Vàng).

1.2.1.1. Di tích lịch sử mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc [Phường IV, TP Cao Lãnh]

Cách nội ô TP. Cao Lãnh hơn 1 cây số đi theo đường Phạm Hữu Lầu về hướng bên phà Cao Lãnh, khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc nằm bên tay trái, cạnh Miếu Trời Sanh (nay là chùa Hòa Long, Miếu Trời Sanh nay nằm trong khuôn viên Chùa).

Ngược dòng lịch sử, năm Nhâm Tuất (1860), tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, trong gia đình vợ chồng người nông dân Nguyễn Sinh Nhậm và Hà Thị Hy, cậu bé Nguyễn Sinh Sắc chào đời. Mới ba tuổi cậu mất cha và bốn tuổi lại mất mẹ. Cậu phải về ở với người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Sinh Trự.

Nhà nghèo, không được tới trường nhưng cậu Sắc tỏ ra thông minh và rất ham học. Cậu thường đứng cạnh trường lén nghe thầy giảng bài và ngồi trên lưng trâu vừa cho trâu ăn, vừa học. Thấy đứa trẻ hiếu học, cụ Hoàng Đường ở làng Hoàng Trù thương tình đưa cậu Sắc về nhà mình nuôi dạy và sau đó gả con gái Hoàng Thị Loan cho cậu.

Được người vợ hiền tảo tần lo cho ăn học, năm Giáp Ngọ (1894) Nguyễn Sinh Sắc đỗ Cử nhân và năm Tân Sửu (1901) đỗ Phó bảng. Học không phải để làm quan, nên Phó bảng Sắc trở về quê sống cuộc đời dân dã, vừa dạy học vừa chăm lo giáo dục con cái. Bị triều đình thúc ép, năm 1906, Phó bảng Sắc vô Huế nhậm chức Thừa Biện Bộ Lễ. Câu nói nổi tiếng của Phó bảng Sắc lúc làm quan là: “Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ hựu nô lệ”. Có nghĩa: Quan trường là nô lệ, trong nhóm người nô lệ càng nô lệ hơn. Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thường khuyên các con: “Đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình”.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh mất nước, dân ta làm nô lệ, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc mang nặng lòng yêu nước thương dân, thường gặp gỡ tiếp xúc với các sĩ phu yêu nước, luận bàn quốc sự. Khi làm tri huyện Bình Khê (Bình Định), Nguyễn Sinh Sắc ra sức giúp dân nghèo thiếu thuế và trừng trị tên cường hào Tạ Đức Quang. Vì vậy, Nguyễn Sinh Sắc bị triều đình cách chức năm 1910.

Trở lại đời dân thường, Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vào Nam, vừa làm nghề thuốc để sống, vừa tiếp xúc các sĩ phu, các nhà yêu nước ở các tỉnh Nam Kỳ và sang tận Phnông Pênh. Năm 1917 cụ về Cao Lãnh, mở trường dạy chữ Nho và làm nghề thuốc cạnh nhà ông Cả nhì Nguru (Trần Bá Lê). Cụ lại đi đến nhiều nơi, gặp những nhà yêu nước và nơi nào cụ đến sau đó đều có phong trào cách mạng. Năm 1927, cụ về ở hẳn tại Cao Lãnh, ngụ nhà ông Năm Giáo bên bờ rạch Cái Tôm, làng Hòa An. Ở đây, cụ quan hệ với cụ Võ Hoành đang bị Pháp bắt an trí ở Sa Đéc, kết bạn tâm giao với cụ Lê Văn Đáng. Một sự trùng hợp đến kỳ lạ mà hai cụ không biết là lúc đó, bên Pháp, Lê Văn Sao con cụ Đáng đang hoạt động chung với Nguyễn Ái Quốc, con cụ Phó bảng Sắc. Cụ thường tiếp xúc với các đồng chí Tổ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội do Phạm Hữu Lầu lãnh đạo. Cụ qua đời vì bệnh nặng vào ngày 26 tháng 10 năm Kỷ Ty (26/11/1929), hưởng thọ 67 tuổi.

Tiểu thương cụ là nhà nho giàu lòng yêu nước, thương dân, hết lòng lo trị bệnh cứu người, khi cụ mất, dân làng Hòa An, Cao Lãnh cùng nhau đóng góp tiền, của,...mua đất và làm lễ an táng cụ cạnh Miếu Trời Sanh.

Biết cụ là người hoạt động yêu nước, mật thám Pháp ở Trung Kỳ và Nam Kỳ theo dõi từng bước đi của cụ, báo cáo thường xuyên về Tòa Khâm Sứ, với hồ sơ mang ký số C 2791, A 3780, như là khi chúng biết cụ là cha đẻ của Nguyễn Ái Quốc.

Dù bị Pháp cấm đoán, bà con Cao Lãnh vẫn tới viếng mộ cụ, từ mộ đất được đắp núp xi măng.

Từ cuối tháng 7/1954, trong 100 ngày tập kết ở Cao Lãnh để chuyển quân ra Bắc theo Hiệp định Giơ - ne - vơ, Đảng bộ và quân dân tỉnh Long Châu Sa xây dựng lại mộ cụ bằng gạch trên nền cao, có bia mộ và rào sắt luôn xi măng.

Chính quyền Sài Gòn có âm mưu bóc hài cốt, hủy ngôi mộ cụ, nhằm làm mất lòng tin của nhân dân với Bác Hồ, với Đảng Cộng sản Việt Nam¹. Chúng gặp phải sự đấu tranh kiên quyết của các tầng lớp nhân dân, vừa trực diện với nhà cầm quyền vừa loan trên báo chí Sài Gòn, buộc chúng phải dừng tay. Mặc cho chúng dùng lính, mật thám canh gác, rình rập ngày đêm, cấm không cho ai tới gần mộ cụ, song dân Cao Lãnh có nhiều mưu trí luôn dọn sạch cỏ, sơn phết, trồng hoa, cắm hương mộ cụ, như là dịp tết âm

¹ Nguyễn Đắc Hiền chủ biên (1990), cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc xuất bản, trang 198-202

lịch. Chính quyền tỉnh kiến phong ngấm ngấm cho lính đục bỏ những dòng chữ trên bia mộ, phá hàng rào và nền mộ cụ. Việc đấu tranh bảo vệ ngôi mộ cụ diễn ra thật dũng cảm, mưu trí, kiên trì của nhân dân Cao Lãnh một lòng hướng về Bác Hồ, về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong cuộc lễ mừng toàn thắng, Đảng quân dân chánh tỉnh Sa Đéc mang cờ, hoa đến viếng mộ cụ và làm lễ rước ảnh Bác Hồ về viếng mộ cụ trong lễ sinh nhật Bác 19/5.

Thể theo nguyện vọng của nhân dân, lãnh đạo tỉnh Sa Đéc (sau này là Đồng Tháp) lấy ý kiến nhân dân về mô hình xây dựng khu mộ cụ. Ngày 22/8/1975, lễ đóng cây cừ đầu tiên tiến hành xây dựng khu mộ cụ trước sự chứng kiến, vui mừng và sẵn sàng đóng góp công sức của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ... Đến ngày 13/2/1977, tỉnh nhà long trọng tổ chức lễ khánh thành khu mộ cụ trước sự có mặt của Phó chủ tịch nước Nguyễn Hữu Thọ và đại diện Đảng bộ, nhân dân Nghệ Tĩnh, dòng họ Nguyễn Sinh.

Khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc rộng hơn 1 hecta, được san lấp tôn cao, xung quanh có rào thấp bao bọc, trước có cổng vào. Từ đường Phạm Hữu Lầu rẽ vào, con đường đá nhỏ dẫn tới cổng vào khu mộ, khách đi bên hàng cây vú sữa, như đi giữa đường làng Hòa An xanh mát.

Từ cổng, theo trục thẳng, bên phải là ngôi nhà hình bát giác, nơi trưng bày hình ảnh và hiện vật về cuộc đời cụ Phó bảng, những người thân trong gia đình cụ và tặng phẩm lưu niệm của các đoàn khách tới viếng từ trong nước và quốc tế. Đối diện, phía bên trái là ngôi nhà kiếng, tầng trên trưng bày hình ảnh, hiện vật về cuộc đời sự nghiệp Hồ Chí Minh, tầng trệt trưng bày hình ảnh thời sự và nơi tiếp khách trong lễ giỗ cụ, những cuộc họp mặt... Phía trước là bệ cột treo cờ Tổ quốc, tới hồ sao năm cánh, giữa hồ sao là đài sen sừng sững, uy nghiêm, tượng trưng cuộc đời thanh bạch, cao thượng của cụ như đoá sen trắng giữa lòng Tổ quốc Việt Nam. Trước vòm mộ là đỉnh trầm tạc bằng đá Non Nước, cách điệu hình búp sen, do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ Tĩnh tặng. Vòm mộ có hình một cánh hoa sen và đáng đáp một bàn tay xòe úp xuống, trên có chín đầu rồng cách điệu, thể hiện lòng dân Đồng Tháp, Cửu Long ấp yêu, bảo vệ, chăm sóc ngôi mộ cụ. Mộ cụ giữ y vị trí cũ, được tôn cao và xây đá hoa cương

màu xám, nổi bật trên nền cao bằng đá mài màu trắng. Trước mộ là đỉnh cắm hương. Sau mộ là bệ thờ, đặt di ảnh cụ và luôn luôn có hoa tươi, trái ngọt trong vườn.

Khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một vườn hoa, cây kiểng, bao gồm hàng trăm loài hoa quý, kiểng quý được nhân dân từ các nơi mang về làm tăng thêm vẻ đẹp. Đặc biệt là hai cây kiểng cổ: cây sộp trên 300 năm tuổi và cây khế ngọt gần 300 tuổi. Trước và sau chùa Hòa Long còn hai cây xây cổ thụ, có mặt hàng mấy trăm năm trước khi vị sư đầu tiên về xây dựng lên am lá tu hành, sau có tên là Miếu Trời Sanh và nay là chùa Hòa Long.

Kỉ niệm lần thứ 100 năm ngày sinh Bác Hồ, tỉnh Đồng Tháp mở rộng phần đất trước mộ cụ, dựng lên mô hình có kích thước 1/1 ngôi nhà sàn Bác Hồ ở Hà Nội, nhằm giúp cho đồng bào, chiến sĩ tỉnh nhà và các tỉnh lân cận chưa có dịp tới Hà Nội, vẫn có dịp đến viếng và tìm hiểu ngôi nhà sàn của Bác, cuộc đời cao thượng, sống giản dị, gần gũi nhân dân của Bác. Trước nhà sàn là hồ cá mang hình thể tỉnh Đồng Tháp. Phía sau nhà sàn có cây đa chiết từ cây đa Tân Trào tỉnh Thái Nguyên, nơi Bác Hồ chủ trì cuộc Quốc dân Đại hội, lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc tháng Tám năm 1945. Cạnh đó là hai cụm trúc được bứng từ hang Pắc Bó, nơi Bác Hồ về nước năm 1941 để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Dọc theo lối đi quanh hồ là các hàng cây ăn trái mang đặc điểm của từng huyện, thị trong tỉnh mang tới trồng.

Khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là điểm tham quan, du lịch mang tính chiêm ngưỡng của tỉnh nhà. Từ khi khánh thành tới nay, hằng ngày và nhất là trong những ngày Tết nguyên đán, lễ giỗ cụ và các ngày lễ lớn, ngày hè... đông đảo nhân dân, học sinh, thanh niên... khắp nơi trong nước, các nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước Việt Nam, khách quốc tế... đến viếng, dâng hoa, thắp hương tưởng niệm cụ, tìm hiểu thêm cuộc đời đầy gian lao mà thanh cao của cụ và Bác Hồ, người con trai yêu quý của cụ, vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Ngày 9/4/1992, Bộ trưởng Bộ văn hóa Thông tin và Thể thao kí quyết định công nhận khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là di tích lịch sử cấp Quốc gia.

1.2.1.2. Di tích Lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp [xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười].

Gò Tháp hiện nay thuộc địa bàn ấp 1 xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Gò có chiều dài gần 500m, chiều ngang nơi rộng nhất hơn 200m, nhô lên giữa bốn bề là mặt ruộng bằng phẳng. Đỉnh gò có độ cao tuyệt đối 5,047m so với mực nước biển chuẩn Hà Tiên.

Từ Mỹ Hòa đi vào, du khách thấy chòm cây xanh in lên nền trời và cao hơn hết là cây trôm cổ thụ, gốc to cả ba người ôm. Gò Tháp cạnh cây trôm là gò cao nhất trong những gò lớn nhỏ, cao thấp khác nhau, là di tích có độ dày của nhiều tầng văn hóa. Qua khai quật, dưới chân gò phía Tây Nam và Đông Bắc là những nét kiến trúc bằng gạch, di tích văn hóa thời vương quốc Phù Nam, có niên đại cách nay trên dưới 1.500 năm. Bên trên là di tích ngôi tháp của người Chân Lạp và trên nữa là vết tích ngôi Tháp cổ tự tương truyền có từ đời Thiệu Trị (1841 - 1847). Năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm cho dời Tháp cổ tự đến địa điểm Tháp cổ tự ngày nay, và xây lên một ngôi tháp mười tầng hình lục giác, cao 42 m. Đó là viễn vọng đài, do một trung đội lính “quốc gia” trấn giữ, ngày đêm canh gác, quan sát và khống chế, ngăn chặn hoạt động cách mạng ở một vùng rộng lớn giáp ranh ba tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường, Định Tường (nay là Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang). Trong cuộc tấn công, nổi dậy phá thế kềm kẹp, đêm 4 rạng 5/1/1960, quân cách mạng đã dùng mìn đánh sập tháp 10 tầng, cùng lúc diệt đồn Mỹ Hòa, giải phóng vùng này. Tại gò Tháp Mười, hiện nay còn giữ y các phế tích nói trên, gồm những phiến đá công trình cổ, gạch cổ, vật thờ và bê tông, nền tháp...Rất tiếc, một quả bom do Pháp ném cạnh gò, đã làm phá hủy thêm di tích văn hóa - lịch sử quý báu này. Chính từ đó có tên gọi là Gò Tháp và được lấy đặt tên chung cho toàn bộ gò là Gò Tháp. Những tên Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp, Tháp Mười cũng xuất phát từ nơi đây.

Từ Gò Tháp đi về phía bắc cách 100m là Tháp cổ tự. Chùa thờ Phật, Thần xen lẫn tín ngưỡng dân gian. Trải qua 21 năm chiến tranh do Mỹ gây ra, chùa hư hỏng nặng do bom đạn, dân trong vùng tạm cất lại bằng cây lá. Năm 1996, chùa được xây dựng lại bằng gạch ngói ngay trên nền chùa cũ, khang trang, to đẹp như ngày nay. Tháp cổ tự nằm trong hệ thống Phật giáo Việt Nam thống nhất, những ngày rằm, sóc, vọng, lễ Vu Lan đều có đông đảo tín đồ đến chiêm bái.

Phía sau Tháp cổ tự 50m, có một ngôi mộ hình hộp chữ nhật xây bằng cát trộn ô dước đã bị hư hỏng. Dân gian truyền miệng cho rằng đây là mộ Hoàng Cô em gái vua Gia Long. Việc ấy, chưa được xác định và cần có thời gian nghiên cứu thêm.

Rời Tháp cổ tự, du khách tiếp tục đi về hướng Bắc là đền thờ và ngôi mộ cụ Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều.

Theo sơ lược tiểu sử tại đình thờ Đốc binh Kiều ở xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, ghi: “Nguyễn Tấn Kiều sanh vào khoảng năm 1807, đương triều Gia Long, tại Hà Tĩnh, con của cụ Nguyễn Duy Đức dòng dõi Khoa bảng...”. Ông là thuộc tướng của Võ Duy Dương (sinh năm 1828 quê thôn Cù Lâm Nam, nay là Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định). Võ Duy Dương cùng thời với Trương Định, Thủ khoa Huân đã chiêu mộ nghĩa quân dựng đồn lũy chống Pháp ở Gò Công, Chợ Gạo... tỉnh Định Tường (Mỹ Tho). Sau khi Trương Định mất, Võ Duy Dương rút quân về Đồng Tháp Mười cùng Đốc binh Kiều xây đại bản doanh ở Gò Tháp, lập các đồn Tiền, đồn Tả, đồn Hữu, bảo vệ vòng ngoài, tiếp tục chống Pháp. Nghĩa quân Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều dựa vào địa thế hiểm trở sinh lũy, lau sậy... đánh lối du kích và mở những trận tập kích các đồn giặc ở Cái Bè, Cai Lậy, Mỹ Quý, Doi Me... gây cho Pháp nhiều tổn thất, vang dội như là trận Mỹ Trà (22/10/1865) khiến Pháp kinh hoàng.

Tháng 4/1866, Thủy sư Đô đốc Pháp De Lagrandière mở cuộc tấn công lớn từ ba mặt Cai Lậy, Cần Lố, Mộc Hóa đánh vào. Sau gần một tuần lễ chiến đấu ác liệt, các đồn lần lượt thất thủ và trong trận đánh xáp lá cà tại đại bản doanh Gò Tháp, Đốc binh Kiều bị thương nặng và sau đó hy sinh. Võ Duy Dương cùng đại quân rút ra khỏi vòng vây giặc, tiếp tục cuộc kháng chiến và qua đò trên biển Cần Giò trong chuyến vượt biển về kinh đô Huế vận động cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trải qua những năm dài biến cố, thăng trầm, phía trước ngôi mộ đất cụ Đốc binh Kiều là đền thờ cụ được nhân dân trong vùng cất lên bằng cây lá, cũng nhiều lần bị bom giặc Pháp, giặc Mỹ làm hư hại. Năm 1993, chính quyền tỉnh Đồng Tháp khởi công xây dựng lại đền thờ, thờ chung hai cụ Võ Duy Dương và Nguyễn Tấn Kiều, trùng tu ngôi mộ cụ Nguyễn Tấn Kiều và dựng tượng đài hai cụ trước đền thờ. Tưởng nhớ công đức hai cụ, nhân dân trong vùng lấy ngày rằm tháng 11 âm lịch hằng năm làm lễ giỗ hai cụ. Đông đảo nhân dân trong tỉnh, các tỉnh bạn, trên bộ, dưới sông tấp nập tàu xe đổ về Gò Tháp làm lễ

tưởng niệm hai cụ, cầu nguyện cho đất nước bình yên, mưa thuận gió hòa, nhà nhà làm ăn phát đạt, con cháu học hành tấn tới...

Trước mặt đền thờ, chéch về phía trái là Gò Minh Sư. Đây là một gò hình tròn, đỉnh gò cao 4,311m. Trước năm 1930, người chủ đất ở đó cất cho ông đạo từ phương xa tới một ngôi chùa nhỏ để tu theo đạo Minh Sư. Ông qua đời trước năm 1954. Từ đó, chùa bỏ hoang, nay không còn dấu vết, nhưng gò này vẫn mang tên gò Minh Sư. Trên đỉnh gò, cạnh gốc mít, bà con gom một số phế tích bằng đá, cắm hương thờ. Năm 1984, đoàn khảo cổ đã đào hai hố thám sát, phát hiện trong lòng gò là một kiến trúc cổ bằng gạch, kiểu dáng lạ, chưa xác định là đền thờ, mộ táng hay là gì. Năm 2009, Gò Minh Sư được khai quật...

Tiếp tục đi về hướng cuối gò là đền miếu Bà Chúa Xứ, bà con quen gọi là Linh miếu bà. Miếu đã qua nhiều lần cất lại khi miếu cũ hư và tọa lạc bên trên một di tích kiến trúc cổ. Để thuận tiện việc khai quật khảo cổ, bà con đồng tình dời miếu bà đến địa điểm gần đó, chỗ hiện nay, và được xây cất mới đẹp đẽ, rộng rãi, khang trang. Vía Bà Chúa Xứ được cử hành trọng thể hằng năm vào rằm tháng 3 âm lịch, tức lễ hạ điền (xuống giống). Mỗi kỳ cúng, hằng chục vạn đồng bào từ các nơi tỵ về dâng hương, hoa, quả cúng Bà.

Lễ vía Bà và lễ giỗ hai cụ Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều là hai lễ hội trọng đại tổ chức hằng năm tại Gò Tháp. Du khách về dự lễ và dự hội nhộn nhịp, đông vui. Nét độc đáo còn lưu giữ đến giờ là bá tánh các nơi đóng góp gạo, rau, củ...và mấy chục người tình nguyện nấu cơm nước để du khách thập phương tới dự được ăn uống miễn phí suốt những ngày lễ hội.

Trên nền miếu Bà Chúa Xứ trước kia, năm 1984, đoàn khảo cổ đã khai quật làm lộ ra một nền gạch dài 25m, rộng 13,85m, nằm theo hướng Đông Tây. Mặt nền phần còn lại là một khối gạch xây thành những ô vuông. Biên móng là những góc và cạnh cân xứng, có gờ nổi của hai hàng cột giả. Qua xác định ban đầu, kiến trúc này có dạng một ngôi đền, chỉ còn lại phần nền và móng. Tỉnh đã dựng lên một mái che cao rộng che mưa che nắng để bảo vệ di tích và tạo thuận lợi cho du khách đến tham quan, chiêm ngưỡng.

Những gì thu nhận ở Gò Tháp đã thể hiện vết tích của nơi cư trú, sản xuất đồ gốm, thờ phượng, khu mộ táng...của người cổ bản địa (qua hộp sọ tìm thấy), thờ đạo Bà la môn (qua các hiện vật kiến trúc đền, tháp, tượng thần Visnu, Siva, linga, yoni...), thờ Phật

(qua các tượng Phật bằng gỗ, bằng đồng), các mộ táng (tro hài cốt trong mộ hình trụ 4 góc, xây bằng gạch cao 7 và 9 viên), các vật dụng bằng đất nung (mảnh gốm thô...), vật dụng bằng vàng và đá quý (các miếng vàng chạm hình bông sen, con thú, hoa văn...), xương thú (trâu, bò), vỏ trấu, cột nhà bằng gỗ, củi cháy dở..., nói lên độ dày nhiều tầng văn hóa nối tiếp nhau. Những năm 1864 - 1866, Gò Thấp là nơi xây dựng đại bản doanh của nghĩa quân Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều. Rất tiếc, mặt gò bị biến dạng qua canh tác và mưa gió bào mòn, nên bờ thành cũ đồn xưa nay không còn nữa, chỉ còn sót lại vài khẩu súng thần công loại nhỏ và một số viên đạn bằng gang. Đầu những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1946, tại Gò Thấp và vùng xung quanh như kinh Bùi, kinh Bằng Lăng, kinh Dương Văn Dương...là nơi đóng quân của Xứ ủy Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, Khu ủy và Quân khu 8, Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, Long Châu Sa, Trường quân chính, Sở Công an Nam Bộ, Công binh xưởng khu 8...các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Bình, Trần Văn Trà, Nguyễn Thị Thập...từng hoạt động ở đây. Gò Thấp là một trong những nơi góp phần làm nên chiến khu Đồng Tháp Mười nổi tiếng.

Thời chống Mỹ, Gò Thấp là nơi giành giật ác liệt giữa cách mạng và quân đội Sài Gòn. Lính chiếm đóng đồn, cách mạng san bằng đồn, giải phóng gò; lính tái chiếm, cách mạng lại đánh...Các hố bom của quân đội Sài Gòn và Mỹ còn hiện diện ở đây, phần nào nói lên sự giằng co ác liệt đó.

Tuy vậy, tới nay nhiều bí ẩn về Gò Thấp vẫn chưa được làm sáng tỏ một cách khoa học. Như: Biến cố nào hủy hoại tất cả các công trình kiến trúc xa xưa? Biến cố nào làm cho những vật thờ như linga, yoni nặng hàng trăm ký lại dạt ra nằm rải rác xung quanh, cách chân gò hàng mấy trăm thước? Biến cố nào khiến cho các tượng Phật gỗ vốn được thờ trong chùa lại bị vùi sâu dưới lòng đất cả hai thước, cách xa gò cả 2000 thước? Nguyên nhân nào khiến Tiểu Vương quốc thời Phù Nam ở Gò Thấp và những vùng xung quanh bị hủy diệt?...Vì vậy, trước mắt và lâu dài, Gò Thấp cần được các nhà khảo cổ, các nhà sử học, các nhà địa chất...nghiên cứu, làm rõ ra.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Gò Thấp có nhiều biến đổi to lớn. Vùng hoang hóa xung quanh đã thành đồng lúa hai vụ và những cánh rừng tràm bạt ngàn. Kinh mương được nạo vét và đào mới, kết hợp thủy lợi với đê bao chống lụt và làm

đường bộ trải nhựa hoặc đổ bê tông, tạo thuận lợi cho việc xỏ phên, đưa nước ngọt vào, đi lại, vận chuyển hàng hóa cả đường bộ lẫn đường sông, có điện, có nước sạch, các công trình phúc lợi công cộng như chợ, trường học, trạm xá, bưu điện văn hóa..., đã tạo nên cảnh quan mới và đời sống nhân dân không ngừng nâng cao.

Ngày 5/9/1989, Bộ Văn hóa có quyết định công nhận khu Gò Tháp là di tích lịch sử và khảo cổ cấp Quốc gia.

Tỉnh Đồng Tháp đã qui hoạch Khu di tích Gò Tháp, khoanh vùng bảo vệ và sẽ xây dựng công trình kiến trúc mới như Tháp sen, bảo tàng lịch sử vùng Đồng Tháp Mười và căn cứ của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ... cùng những công trình khác, tôn vinh vùng đất anh hùng có độ dày lịch sử mấy ngàn năm thành nơi du lịch, đón khách trong và ngoài nước tới tham quan, chiêm ngưỡng lịch sử và cảnh quan thiên nhiên đặc thù vùng Đồng Tháp Mười, những món ăn đặc sản, những điệu hò, điệu lý, dân ca độc đáo...

1.2.1.3. Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng [xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình].

Vàm rạch Đốc Vàng ở phía tả ngạn sông Tiền (nay thuộc xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), chia thành hai nhánh: rạch Đốc Vàng Thượng và Đốc Vàng Hạ, đưa nước ngọt sông Tiền vào vùng Đồng Tháp Mười.

Tại vàm rạch Đốc Vàng thời nhà Nguyễn đặt thủ sở Hùng Ngự trông coi việc gìn giữ biên giới Việt Nam và Cao Miên. (Sau này thủ sở Hùng Ngự dời về địa điểm thị xã Hồng Ngự hiện nay).

Ở vàm rạch Đốc Vàng tọa lạc một ngôi đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng, mà dân gian quen gọi là Dinh Ông Đốc Vàng. Dinh Ông xây tường gạch, lợp ngói, cao ba nóc, phía trước là võ ca, phía trong là chánh điện, trên bàn thờ có biển thờ “Trần Ngọc Thượng tướng Quận công”. Theo các nhà nghiên cứu sử học, chữ Ngọc là mỹ tự dùng tránh tên húy của ông Trần Văn Năng.

Tiểu sử ông Trần Văn Năng được nhiều sách sử ghi chép, tóm tắt như sau: Ông sanh năm 1763, quê huyện Vĩnh Xương, thuộc tỉnh Khánh Hòa ngày nay. Thời trẻ ông có sức khỏe mạnh, giỏi võ nghệ, tòng quân năm 1777. Ông được bổ nhiệm làm đội trưởng rồi thăng lên Thuộc nội cai đội, theo Lê Văn Duyệt lập nhiều chiến công, được thăng Vệ

úy. Sau ông theo Nguyễn Văn Thành, có công đánh dẹp giặc nên được thăng Phó Đô Thống chế, Hậu doanh Thần sách, rồi được giao cai quản 5 doanh quân Thần sách (là quân tín nhiệm nhứt của triều Nguyễn, vì thuộc địa bàn cũ của các chúa Nguyễn ở vùng Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh), được thăng Đô Thống chế. Ông lại được giao mộ tập lính Bảo Thành (như một đội quân cơ động để sẵn sàng tác chiến). Năm 1812, ông làm Phó tướng quân Chấn vũ. Nghe tin quân Xiêm (Thái Lan ngày nay) xâm lấn đất Cao Miên (Campuchia ngày nay), khiến vua Cao Miên là Nặc Chân phải bỏ chạy qua đất Gia Định của chúa Nguyễn, ông đem quân đến Tân Châu (tức Tân Châu đạo) phòng thủ nghiêm ngặt chặn địch. Quân Xiêm sợ không dám xâm hại biên giới nước ta. Năm 1813, ông theo Tổng trấn Lê Văn Duyệt đưa Nặc Chân về nước. Triều đình triệu ông về kinh cho kiêm lí 5 doanh Thần sách. Sau đó, lần lượt giao ông coi trấn thủ Nghệ An (1818); quyền Chương tiền quân Ấn vụ kiêm lĩnh Thị vệ đại thần (1820), trông coi việc dựng cung Từ Thọ, lãnh kiểm duyệt quân đội, sung chức Phù liễn sứ. Vua Minh Mạng đi tuần miền Bắc, Trần Văn Năng được sung chức Tùng giá đại thần. Năm 1825, sửa lại Thái Miếu, ông được sung chức Đồng lý đại thần, rồi bổ vào Nam làm Phó Tổng trấn Gia Định thành. Sau đó, ông được triệu về kinh làm Thự Tiền đô Thống chế, coi danh sách các tập ấm anh danh. Năm 1826, ông được thăng Trưởng doanh, kiêm quyền Lĩnh Thương bạc, coi binh Giáo dưỡng. Năm 1828, ông quản Tào Chính, rồi quyền lãnh ấn triện của Tướng quân Thống chế. Năm 1832, ông thăng Thự Tiền quân Đô thống phủ Chương sự. Năm 1833, vua cho rằng lúc buổi đầu trung hưng, Trần Văn Năng lập được nhiều quân công, có nhiều công tốt rõ rệt nên tấn phong làm Lương Tài Hầu.

Khi Lê Văn Khôi khởi biến, nổi dậy chiếm cứ Gia Định thành, vua lấy Trần Văn Năng sung chức Bình khấu tướng quân đi dẹp nội loạn. Trần Văn Năng đem thuyền cùng Tổng Phước Lương, Phạm Hữu Tâm phá được giặc ở đồn Giao Khẩu, bắt được tướng Trần Văn Đề. Thừa thắng, Trần Văn Năng xua quân đánh chiếm xưởng thuyền, kho tàng và vây thành Gia Định.

Lợi dụng việc Lê Văn Khôi xin cầu viện, vua Xiêm liền đưa quân chiếm Cao Miên và Hà Tiên, Châu Đốc. Vừa cho quân vây hãm thành Gia Định, Trần Văn Năng cùng Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân quản lĩnh binh thuyền ngăn chặn giặc Xiêm. Quân Xiêm xuôi dòng sông Tiền xuống tới Vàm Nao (cửa Thuận). Trương Minh Giảng và

Nguyễn Xuân chặn địch, xáp chiến dữ dội tại đây, chặt đầu tướng Xiêm là Phi Nhã Khồ Lạc, đánh lui quân Xiêm. Chúng chạy về Châu Đốc. Quân ta thừa thắng rượt nà. Hai bên đánh nhau suốt cả ngày tại Châu Đốc. Trần Văn Năng đích thân mang cờ quân lệnh ra, đốc thúc tướng sĩ, khí thế hùng hực, đuổi giặc ra khỏi nước. Trần Văn Năng liền đem quân giải phóng Hà Tiên, rồi chỉnh binh thuyền tiến thẳng lên Nam Vang, đuổi giặc Xiêm ra khỏi Cao Miên.

Tuổi đã cao lại phải xông pha chiến trận gian nan, ác liệt, nên ông Trần Văn Năng thọ bệnh, giao binh quyền lại cho Trương Minh Giảng, rồi xuôi thuyền về Gia Định. Do bệnh nặng, về đến Bến Siêu (cù lao Tây, phía trên cửa sông Vàm Nao, nay thuộc xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), ông Trần Văn Năng qua đời ở tuổi 72, năm 1835 (Minh Mạng thứ 16).

Thi hài ông được đưa về tẩm liệm và tạm quàn tại Thủ sở Hùng Ngự ở vàm rạch Đốc Vàng. Sau đó, đưa quan tài ông theo đường sông về Gia Định, đến Bình Thuận, theo đường bộ đưa về Huế làm lễ an táng trọng thể. Vua Minh Mạng xuống chiếu truy tặng ông là Thái Phó, tấn phong làm Tân Thành Quận Công, cho tên thụy là Trung Dũng và gia thưởng nhiều tẩm lụa. Vua còn làm thơ khen tặng, cử Hoàng tử Thọ Xuân đến viếng lễ tang, ban chức tước cho hai con trai ông là Văn Thọ và Văn Liên. Mộ ông bà Trần Văn Năng hiện nằm ở triền núi Hoàng Long, thuộc thôn Thượng II, xã Thượng Xuân, thành phố Huế.

Tại vàm rạch Đốc Vàng, nơi tẩm liệm và tạm quàn thi hài ông, các quan chức, bô lão và nhân dân lập miếu thờ ông, tưởng niệm công đức một vị có công đuổi giặc xâm lược, trong đó có trận chiến vang dội ở Vàm Nao, sông Tiền.

Trải qua bao thăng trầm, ngôi miếu thờ ông bị tàn phế. Cách nay hơn 100 năm, nhân dân trong vùng phát hiện ngôi miếu đổ nát, bên trong có bài vị “Trần Ngọc Thượng tướng Quận công”. Hỏi những vị cao tuổi mới rõ là miếu thờ người có công đánh đuổi giặc Xiêm ở Vàm Nao ngày trước, bà con hùn nhau xây cất lại ngôi đền thờ và gọi là Dinh Ông Đốc Vàng (Dinh ông ở vàm rạch Đốc Vàng). Qua nhiều lần trùng tu, Dinh Ông ngày càng to lớn, rộng rãi, khang trang.

Trong dân gian kể lại chuyện rằng, cách đây hơn 70 năm, Dinh Ông nằm gần bờ sông Tiền, cửa chính quay về hướng Đông Nam, cứ mỗi mùa nước ngập, nước chảy xiết

làm xoáy lở bờ sông lấn vô hàng chục thước. Chức việc và bô lão trong làng huy động bà con chung sức xây bậc thạch (kè đá) bên phải Dinh Ông. Nhưng những năm sau, đất cứ lở tiếp tới bậc thêm. Sóng vỗ đong đưa hàng cột của Dinh. Các bô lão không yên tâm, nghĩ đến việc di dời đưa Dinh Ông vào sâu trong đất liền. Xin keo mấy lần “ông đều không cho”. Từ đó về sau, đất bờ sông không còn lở nữa, mà hằng năm bồi dần ra. Cho đến nay, bờ sông Tiền cách Dinh Ông xa cả hai ngàn thước.

Ngày 9/1/2004, Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận Đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng ở rạch Đốc Vàng, xã Tân Thạnh là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đảng bộ và chính quyền tỉnh Đồng Tháp, huyện Thanh Bình, xã Tân Thạnh có phương án trùng tu, tôn tạo ngôi đền, bắt cầu, mở đường bộ trải nhựa từ thị trấn Thanh Bình đến Dinh Ông để nhân dân các nơi thuận tiện về viếng Dinh Ông, và xây dựng phần đất bồi phía trước Dinh Ông thành vườn cây ăn trái, nuôi tôm cá theo công nghiệp, thu hút khách du lịch đến tham quan. Hằng năm, vào các ngày 14, 15 và 16 tháng hai âm lịch là lễ cúng ông. Hàng vạn nhân dân trong tỉnh và các tỉnh bạn trên bộ đi xe, dưới sông đi ghe, tấp nập đổ về Dinh Ông, làm lễ tưởng niệm bậc danh nhân có công với nước, với dân, cầu nguyện cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, nhà nhà làm ăn phát đạt, ấm no, hạnh phúc.

Dinh Ông và dãy vườn trồng cây ăn trái, sông nước hiền hòa trở thành điểm du lịch tìm hiểu lịch sử và hoạt động sinh thái hấp dẫn ngày càng đông khách.

1.2.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng

Nhóm di tích này bao gồm: Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến tỉnh Kiến Phong (Căn cứ Xẻo Quít), Di tích lịch sử chiến thắng Giồng Thị Đam – gò Quản Cung, Di tích lịch sử vụ thảm sát Bình Thành và Di tích lịch sử Địa điểm cơ quan Giao bưu thông tin vô tuyến điện Nam Bộ.

1.2.2.1. Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong (Căn cứ Xẻo Quít) [Xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh].

Xẻo Quít bắt đầu từ bên trái rạch Ngã Cái, chạy ngoằn ngoèo dài hơn 5 cây số hướng Tây Nam sang Đông Bắc, làm ranh giới hai xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp (thời chống Mỹ là Long Hiệp) thuộc huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (thời kỳ chống Mỹ là huyện Kiến

Văn, tỉnh Kiến Phong). Con kênh Hội đồng Tường đào cắt ngang, chia Xẻo Quít làm hai, người dân quen gọi đoạn ngoài là Xẻo Quít Ngoài, đoạn trong là Xẻo Quít Trong. Căn cứ tỉnh ủy Kiến Phong nằm ở ngọn cùng Xẻo Quít.

Thi hành Hiệp định Giơ - ne - vơ 1954, Tỉnh ủy Sa Đéc (sau là Kiến Phong) đi vào hoạt động bí mật, chủ yếu đóng trong nhà dân vùng chế độ Sài Gòn kiểm soát, được sự che giấu, bảo mật, nuôi dưỡng của nhân dân. Nơi ở cứ thay đổi khi Long Hiệp, hậu xã Phong Mỹ, Cù Lao v.v... Nhiều lúc phải vô Đồng Tháp Mười bẻ co ngọn đứng lại thành tum, ở bí mật trong cánh đồng hoang, sống nhờ nhân dân vượt qua mắt làng lính tiếp tế cơm gạo, vật dụng, cung cấp thông tin... Trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ trước sự truy lùng, tìm diệt của quân thù, Tỉnh ủy Kiến Phong vẫn không thoát ly chiến trường tình nhà, kịp thời lãnh đạo nhân dân chống lại các âm mưu, thủ đoạn tàn bạo, xảo quyệt của chúng như tổ cộng, diệt cộng, bắt thanh niên đi quân dịch, cướp của dân được chính quyền Cách mạng cấp, bầu cử Quốc hội giả hiệu v.v... Thời kỳ này được xem là đen tối nhất của cách mạng miền Nam.

Sau chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung (26/09/1959) và các đợt phát động nhân dân nổi dậy, tấn công diệt ác phá kềm, vùng giải phóng được mở ở nông thôn. Cơ quan Tỉnh ủy lại vào đóng trong nhà dân ở Kinh Nhất (xã Bình Hàng Trung, Thanh Mỹ), Long Hiệp, Mỹ Thọ... Trong đó, Tỉnh ủy thường lui tới đóng trong nhà dân ở Xẻo Quít Trong (các nhà ông Tư Bách, ông Ba Dây...).

Từ năm 1960, Tỉnh ủy Kiến Phong đã nghĩ đến việc xây dựng căn cứ biệt lập của Tỉnh ủy. Trong số các địa điểm, ngọn cùng Xẻo Quít được các đồng chí Việt Mai, Năm Quới, Mười Thép phụ trách xây dựng căn cứ Tỉnh và đơn vị 279 bảo vệ Tỉnh ủy. Đây là khu vực hẻo lánh, ít người lui tới, bốn bên là đồng ruộng hoang dại, cặp bờ chỉ lơ thơ một số cụm tràm nhỏ, cây ô môi, gáo...

Việc đầu tiên, các đồng chí đào một số con mương từ Xẻo Quít vào, lấy đất quăng lên thành bờ liếp để có chỗ cao ráo đắp công sự, dựng trạm ở làm việc, dưới mương có chỗ xuống đậu. Năm 1961, Tỉnh ủy phát động phong trào trồng cây gây rừng cải tạo địa hình địa vật, khắc phục cánh đồng trống, tạo nơi trú ẩn và chiến đấu cho bộ đội và các cơ quan. Mỗi đầu người (cán bộ, nhân viên, chiến sĩ...) phải trồng 3.000 cây/năm, là tràm, gáo, trâm bầu... theo bờ kênh, rạch, tạo những cụm, đám tràm.

Cơ quan Tỉnh ủy gồm các đồng chí thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy (quản trị, văn thư), điện đài (cơ yếu, cơ công), cùng đơn vị võ trang bảo vệ Tỉnh ủy 279. Tại căn cứ Xẻo Quít, khi nước rút còn cỡ ngang đầu gối, tràm con được nhổ đem về trồng thành đám và cứ mở rộng diện tích theo từng năm. Nhờ đó chỉ vài năm sau là tràm đã phủ lá che kín mặt đất, bờ liếp. Để che giấu công sự, nhà ở trước mắt máy bay, các đồng chí còn bứng cả tràm cây có tàng, cao ba bốn thước về trồng che kín bên trên. Suốt từ những năm 1960 đến đầu những năm 1970, cơ quan Tỉnh ủy thường xuyên di chuyển đến các căn cứ khác ở rạch ông Củng (Long Hiệp), Bình Hàng Tây, Mỹ Hội, Mỹ Thọ, Ba Sao, Thanh Mỹ, Mỹ Lợi và có lúc phải lên tới kinh Cô Đông, Tân Công Sính, Cái Tráp, Tân Thành...nhưng điểm chính vẫn là căn cứ Xẻo Quít. Tuy địch mấy lần ném bom và thường bắn pháo vào ngay điểm, song căn cứ Xẻo Quít vẫn được giữ bí mật, an toàn.

Từ năm 1970 cho đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cơ quan Tỉnh ủy Kiến Phong (cuối năm 1974 đổi lại là Sa Đéc) ¹ bám trụ luôn tại Xẻo Quít. Đây là thời kỳ gian khổ, ác liệt nhất. Vùng giải phóng bị quân đội Sài Gòn lấn chiếm, đóng đồn bót dày đặc, những lổm còn lại bị càn quét, đánh phá liên miên, có cả máy bay B.52 ném bom rải thảm. Riêng căn cứ Tỉnh ủy ở Xẻo Quít nằm gọn trong vòng vây của 12 đồn bót của các sắc lính, có 3 đồn cấp tiểu đoàn, là đồn ngã tư kinh Cái Bèo - Kinh Nhất, đồn Gãy kinh Nhất (có pháo 105 ly), đồn ngã tư Thanh Mỹ, còn lại là đồn cấp đại đội, trung đội. Đồn gần căn cứ Tỉnh ủy, nhất là đồn Chòm cây Tử Mị, nằm trên kinh Hội đồng Tường chỉ cách hơn 2 cây số. Để bảo toàn cơ quan lãnh đạo, lúc này, thường trực Tỉnh ủy có thể dời lên biên giới Hồng Ngự - Prây-veng, song Tỉnh ủy kiên quyết không thoát ly chiến trường, trụ tại chỗ để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng.

Để giữ bí mật lúc này tại căn cứ Xẻo Quít, Tỉnh ủy chủ chương dẹp bỏ hết các trại lá, chỉ còn từng nền đất nhỏ hẹp. Ban ngày, lấy nhánh tràm phủ lên, chiều tối mới căng hai tấm rá đóng bằng tre chẻ, làm hai mái trại, trên lợp ni lông để tránh mưa, tránh sương, trong lót một số tấm vạt tre, trải ni lông hoặc chiếu lên để ngồi làm việc, họp hội tới khuya rồi giăng mùng ngủ. Muỗi rất nhiều, vừa làm việc vừa đập muỗi. Khoảng 4 giờ sáng, tất cả mọi người thức dậy dọn dẹp, cất giấu hết đồ đạc, ngủ trưa nơi ở, ăn cơm sớm, tư thế “phòng động” tức sẵn sàng đối phó khi lính càn quét, đánh phá. Đơn vị bảo vệ

¹ Xem chú thích ở trang 15

Tỉnh ủy tạo trận địa chiến đấu. Bên trong, ngoài các công sự đắp nổi kiểu chữ A chống bom pháo, còn có các hầm bí mật dành cho các đồng chí lãnh đạo, bốn phía là công sự chiến đấu của đội bảo vệ. Vòng ngoài căn cứ, các đồng chí đánh nhiều “bãi chết” (tức gài lựu đạn, mìn rút chốt sẵn), chen vào đó là cắm những bãi “tử địa” với khẩu hiệu gây hoang mang cho binh lính như: “hầm chông chống Mỹ, binh sĩ đừng đi”, “Ác ôn đi trước, yêu nước đi sau...”, cùng các cây ngù cắm trong đưng, nhằm phân hóa tinh thần và ngăn chặn quân lính. Nếu bọn nào ngoan cố đi vào là vướng lựu đạn, chông, mìn... Bên trong là những “bãi sống” (tức lựu đạn gài sẵn, khi nào lính vào mới rút chốt) nhằm ngăn chặn chúng lục lạo. Các đồng chí chừa sẵn một số con đường thoát ra ngoài, không gài lựu đạn và chỉ người trong cuộc mới biết. Nhiều lần binh lính đổ quân cách căn cứ Xẻo Quít 500 mét, một, hai cây số kéo vào; có lần xe M.113 từ Kiến Văn lủi vô cận khu vực bố trí chiến đấu của căn cứ, nhưng rồi chúng đều ớn sợ lùi ra, kéo đi nơi khác. Nhờ trận địa vũ khí thô sơ dày đặc, từ ngày xây dựng căn cứ Xẻo Quít cho đến ngày giải phóng, chưa có một lần nào, chưa có một tên giặc nào lọt được vào khu trung tâm căn cứ này (nơi cơ quan thường trực Tỉnh ủy).

Làm việc của thường trực Tỉnh ủy thời kì này chủ yếu là ban đêm. Cứ chiều tối, các ban ngành, huyện thị có việc đến báo cáo, xin ý, hay hội họp với thường trực tỉnh ủy thì đi xuống đến, qua ngã ba đường chính là kinh Tắt từ kinh Phèn qua, từ kinh Hội đồng Dược (nổi ngọn Xẻo Quít qua kênh Xáng Phèn), và từ Xẻo Quít Ngoài vào. Làm việc tới khuya, các đồng chí ở các nơi khác đến đều phải cấp tốc quay về cơ quan mình để kịp sáng chống càn. Chỉ trừ khách đặc biệt mới được ở lại tại căn cứ Tỉnh ủy. Mỗi chiều, xuống giao liên của tỉnh mang công văn, thơ từ, tài liệu đến giao cho tổ văn thư và nhận công văn từ Tỉnh ủy gửi đi một số địa điểm ở ngoài căn cứ. Để giữ bí mật, Tỉnh ủy qui định ai được đến quan hệ làm việc với thường trực Tỉnh ủy, ai không, tức không phải ai cũng đến được. Ngay cả tên gọi cũng được ngụy trang. Văn phòng Tỉnh ủy gọi là Văn phòng một. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy đều mang bí số như Tám Bé (507), Mười Đồng (508), Năm Tiên (509) khi giao dịch. Trên bao thơ và trên công văn, báo cáo đều mang mật danh. Như thường vụ Tỉnh ủy gửi thường vụ Thị xã ủy Cao Lãnh thì ghi Bạch Đằng gửi Làng Sen. Những tên gọi này, từng lúc phải thay đổi để không bị lộ.

Giữ bí mật là yếu tố cực kì quan trọng để chế độ Sài Gòn không phát hiện được nơi đóng của cơ quan Tỉnh ủy. Khẩu hiệu lúc này là: “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”. Quân đội Sài Gòn thường cho máy bay trinh sát L.19 quần đảo tìm dấu vết có người ở và phát hiện sóng điện đài phát ra từ căn cứ Xẻo Quít. Máy bay trực thăng – nhất là UV 10 mà bà con quen gọi là “cá nóc” tới quần đảo, rà tới rà lui tìm dấu vết. Chúng ném cả máy phát hiện tiến động và hơi nóng khi có đông người vào căn cứ Xẻo Quít. Chúng cho cảnh sát đường trường giả dạng vào vùng giải phóng để phát hiện nơi trú đóng của cách mạng. Bọn này thường bị nhân dân, du kích chặn bắt từ xa. Bộ phận điện đài của tỉnh đội theo dõi các đài các đối phương, phát hiện trước các cuộc hành quân càn quét, ném bom B.52 ở vùng này để cơ quan Tỉnh ủy di chuyển, đối phó.

Nhân dân các vùng ven và tạm chiếm là tai mắt của cách mạng, thông báo tình hình quân lính đồng thời là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, giấy mực, thuốc men v.v...cho cơ quan Tỉnh ủy và các cơ quan khác. Việc cung cấp này thực sự là một cuộc chiến đấu. Vì mang gạo, nhu yếu phẩm, vật dụng “quốc cấm” vô vùng giải phóng, nhân dân ta ngoài lòng yêu nước nồng cháy còn phải rất gan góc, mưu trí vượt qua đồn bót, quân đóng dã ngoại, cảnh sát, mật báo rình đón các ngã đường. Chúng gặp là tịch thu đồ đạc, người bị bắt tra tấn, giam cầm. Dù vậy, cả những lúc tình hình căng thẳng nhưt, bên ngoài quân lính phong tỏa gắt gao, bên trong vùng giải phóng chúng càn quét, dội bom pháo ác liệt, nhân dân cơ sở từ vùng ngoài vẫn cung cấp, đáp ứng những gì cần thiết cho lực lượng cách mạng nói chung, cơ quan Tỉnh ủy nói riêng. Các đồng chí lãnh đạo thường xúc động nói Xẻo Quít là căn cứ lòng dân.

Mỗi năm, cán bộ, chiến sĩ phải tự lực 3 tháng ăn, tức không được cấp sinh hoạt phí. Các đồng chí ở cơ quan Tỉnh ủy phải chia nhau giăng câu, lưới, đi cắt lúa mướn...Cá kiếm được đem nhờ bà con bán, lấy tiền mua lại gạo, đường, muối...Dù thiếu thốn, gian khổ, ác liệt vô cùng như vậy, nhưng tại căn cứ Tỉnh ủy không buồn. Vẫn có những buổi nấu cháo cá, nấu chè, làm bánh cải thiện bữa ăn. Vẫn có đám cưới, sinh hoạt văn nghệ, đánh tu - lơ - kho¹. Nhất là từ năm 1972 trở về sau, thể cách mạng mạnh lên, quân lính phản kích yếu hơn, ở căn cứ Xẻo Quít dựng lại trại lợp lá, có hội trường để hội họp, có bếp nấu ăn, có cả hầm nuôi cá. Ở đơn vị 279, đồng chí Võ Văn Đánh (Tur Hiếu) chỉ huy

¹ Còn gọi là chơi Tiến lên, một hình thức chơi bài giải trí.

đơn vị, người mê chơi gà nòi, còn nuôi cả gà trống để chơi. Để gà không gáy được, vì gáy sẽ lộ điểm ở, đồng chí nghiên cứu dùng chỉ may lẹo lớp da dưới cổ gà, khi gáy nó không ngóc cổ lên được nên không phát ra tiếng gáy. Anh Bảy Hữu đi gom xác máy bay, ống trái sáng, vỏ bom napan, bom miêng... về chất thành đồng phế liệu. Từ những phế liệu đó anh gò ra bếp nấu ăn, ấm nấu nước, dao xếp, kẹp tóc, lược chải tóc, dao chặt rào kẽm gai cho đặc công, đóng đèn ghi - ta chơi cổ nhạc, đóng bàn, ghế v.v... Sau khi có Hiệp định Pa - ri, cơ quan Tỉnh ủy đem máy phát điện nhỏ hiệu Honda (sắm từ năm 1967, cất giấu mấy năm ác liệt), đặt dưới một số hồ để giảm âm thanh, gắn đèn nê - ông 6 tắc để làm việc đêm. Hội trường được cất rộng rãi hơn, lót sạp ván để ngồi làm việc và ngủ. Anh Tư Hữu, - Bí thư Tỉnh ủy - còn trồng một cây mai vàng và một cây đại (sứ) trước hội trường. Anh Ba Hiệp dùng sơn vẽ một bức chân dung Hồ Chủ Tịch và cảnh ngôi nhà sàn của Bác, treo ở hội trường...

Suốt thời gian chống Mỹ, tại căn cứ Xẻo Quít, tỉnh ủy Kiến Phong (cuối năm 1974 lại đổi là Sa Đéc) kiên cường bám trụ, lãnh đạo Đảng bộ và quân dân tỉnh nhà vượt qua biết bao thử thách ác liệt, đánh bại mọi chiến lược, chiến thuật chiến tranh của Mỹ, làm phá sản kế hoạch dồn dân vào ấp chiến lược, bình định nông thôn, lấn chiếm vùng giải phóng, kèm kẹp, vơ vét sức người sức của vùng chiếm đóng... Nổi bật là tại căn cứ Xẻo Quít, Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo những chiến dịch, những cuộc tấn công, nổi dậy lớn, tạo bước ngoặt ở tỉnh nhà. Như cuộc tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968 đánh vào thị xã Cao Lãnh, gỡ hàng chục đồn bót, giải phóng hoàn toàn 6 xã, góp phần buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi đàm phán ở hội nghị Pa - ri. Cuộc tấn công Xuân Hè 1972, tạo thế lực cho cách mạng tỉnh nhà vươn lên. Trừng trị đích đáng bọn lính đi lấn chiếm vùng giải phóng sau khi Hiệp định Pa - ri có hiệu lực. Táo bạo đưa hết 2 tiểu đoàn sang các huyện hữu ngạn sông Tiền hỗ trợ cho đồng bào vùng tôn giáo phá thế kèm kẹp, mở vùng giải phóng vào cuối năm 1974 và đầu năm 1975. Cũng tại căn cứ Xẻo Quít, ngày 15/4/1975, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng tiếp nhận Lệnh Tổng công kích Tổng khởi nghĩa của Trung ương cục và Khu ủy khu 8, ra Nghị quyết và hạ quyết tâm tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện và xã giải phóng xã. Hội nghị làm việc khẩn trương suốt ngày và đêm, đến rạng sáng ngày 16/4/1975, tất cả đại biểu đều đứng nghiêm trang trước cờ Đảng, ảnh Bác Hồ và tám băng mang dòng chữ “Lễ nhận lệnh XXX của TW

cục” giờ tay thề và thực hiện nghiêm túc mệnh lệnh, và thề đây là lần họp cuối cùng của Tỉnh ủy tại căn cứ Xẻo Quít, lần họp sau phải tại thị xã Cao Lãnh đã giải phóng. Lời thề đó đã trở thành hiện thực.

Sau giải phóng, Tỉnh ủy Sa Đéc từ căn cứ Xẻo Quít dời ra thị xã Cao Lãnh rồi về thị xã Sa Đéc, để lại một tổ bảo vệ, giữ gìn căn cứ Xẻo Quít. Nhờ đó cảnh quan không bị tàn phá. Đến đầu những năm 80, Tỉnh ủy Đồng Tháp chủ trương phục chế lại các công sự, hội trường, nhà ở,... sưu tầm hiện vật trưng bày, đưa căn cứ Xẻo Quít thành nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và đón khách du lịch tham quan. Ngày 9/11/1992, căn cứ Xẻo Quít được Bộ Văn hóa Thông tin cấp Bằng công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Thời gian trôi qua, những cây tràm được trồng cách đây trên 40 năm giờ đã thành cổ thụ. Dây bông bông leo phủ tạo thành một khu rừng óng ánh nắng mặt trời, đẹp như tranh, tạo bóng mát và vi vu gió thổi, hòa trong tiếng chim ríu rít, thành một khu sinh thái lịch sử độc đáo, nên thơ, hấp dẫn mọi người.

Đến thăm căn cứ Xẻo Quít hôm nay, du khách được các cô “hướng dẫn viên”, mặc quần áo bà ba đen, đầu đội nón vải, cổ quàng khăn rằn như ngày nào, đưa đi bằng xuồng ba lá (hay đi bộ theo lối mòn tùy sở thích mỗi người), chiêm ngưỡng những công trình thời chống Mỹ như hội trường, nhà làm việc, nhà ở, nhà bếp, công sự chống bom pháo, công sự chiến đấu, hầm bí mật..., sống lại những năm tháng chiến tranh ác liệt nhưng rất hào hùng, được nghe kể những mẫu chuyện thời kháng chiến và có những giờ phút quên ồn ào, náo nhiệt nơi đô thị, thả hồn vào khung cảnh hữu tình, không gian yên tĩnh, hít thở không khí trong lành, ngỡ lạc vào cõi tiên..

1.2.2.2. Di tích lịch sử Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung [Xã Tân Phước, huyện Tân Hồng].

Năm 1959, mùa nước nổi đang cao ở đỉnh điểm. Cả vùng Đồng Tháp Mười nước ngập mênh mông.

Được tin của mật báo viên báo rằng có một nhóm “phiến cộng” ước cỡ trăm tên đang ở vùng giáp ranh hai huyện Hồng Ngự và Thanh Bình, trung tá “Quân đội Việt Nam

cộng hòa” Trần Hoàng Quân - Tư lệnh phân khu Bắc, quyết định mở cuộc hành quân nhằm tiêu diệt nhóm “phiến cộng” chỉ “có mấy cây súng sét” này.

Cuộc hành quân cấp trung đoàn được tổ chức, do Trần Hoàng Quân trực tiếp chỉ huy. Cánh 1, chủ yếu gồm ba đại đội thuộc tiểu đoàn 3, trung đoàn 43 và Ban chỉ huy tiểu đoàn. Cánh 2, gồm hai đại đội thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn 43. Bộ chỉ huy hành quân cùng một đại đội thuộc tiểu đoàn 3, trung đoàn 43, hai phân đội giang lực gồm 1 tàu LCM, 2 tàu FOM ngăn chặn dọc kinh Phước Xuyên. Ấn ngữ phía đông có 1 đại đội bảo an đồn Hòa Bình. Với cách bố trí quân vừa thọc sâu vào trong, vừa chặn bên ngoài này, Trần Hoàng Quân quyết không để cho quân giải phóng có thể thoát ra.

Sáng ngày 25/9/1959, cánh 1 chia 3 mũi đi trên 76 xuồng lấy của dân, từ thị trấn Hồng Ngự (nay là thị xã Hồng Ngự) thọc vào đến Sa Rài. Hôm đó, phân đội Bảy Phú và Năm Bình (chỉ hơn 40 người) đang học chính trị ở đám chà (còn gọi cây lau vôi) tại Giồng Thị Đam. Phát hiện lính nhưng chúng đi xa chỗ quân giải phóng hơn 2 cây số. Một ngày bình yên đối với quân đội Sài Gòn.

Sáng ngày 26/9/1959, cánh 1 từ gò Sa Rài thọc xuống Giồng Thị Đam và gò Quản Cung. Quân giải phóng phát hiện chúng từ xa. Tất cả cán bộ, chiến sĩ đều nao nức muốn đánh chúng. Mới ngày 23/9/1959, tiểu đoàn 2 Bình Xuyên được đổi tên mới là tiểu đoàn 502 giải phóng quân và được chỉnh huấn chính trị, được phổ biến miệng “trên cho làm võ trang” nên anh em vô cùng phấn khởi, ai cũng muốn nổ súng tiêu diệt đối phương.

Được lệnh Ban chỉ huy tiểu đoàn 502 cho đánh, 2 phân đội dàn quân ra bờ giồng chà đón đánh. 9 giờ 5 phút, khi Ban chỉ huy phát hiện tiểu đoàn 3, đại đội 12 của quân đội Sài Gòn lọt vào trận địa phục kích, quân giải phóng nổ súng. Những khẩu súng mấy năm nay “im lặng”, giờ “khạc” đạn giòn giã. Hai khẩu trung liên tập trung bắn vào các xuồng có cần ăng - ten. Vừa nổ súng, quân giải phóng vừa chống xuồng xung phong, xuồng lướt ào ào trên cỏ, áp sát vào xuồng binh lính. Bị đánh bất ngờ, binh lính không kịp trở tay, lớp chết, lớp bị thương, số sống chống trả yếu ớt, hoảng loạn làm lật xuồng, rơi xuống nước, lặn hụp, chơi vơi,... Chỉ trong vòng 10 phút, trận đánh kết thúc. Quân giải phóng hoàn toàn làm chủ trận địa, bắt tù binh, thu súng đạn, máy thông tin... Trong số 63 tên bị bắt có đại úy Nguyễn Văn Phán (chỉ huy phó tiểu đoàn 3), trung úy Hồ Thoại (đại đội trưởng đại đội 12), thiếu úy Nguyễn Ngọc Linh (sĩ quan quân báo tiểu đoàn 3).

Ngay sau đó, quân giải phóng áp giải toàn bộ số tù binh trên về Gò Quán Cung, cách Giồng Thị Đam 3 cây số. Số binh sĩ Sài Gòn bị thương được quân giải phóng băng bó tử tế. Tù binh được đồng chí Lương Nhân - chính trị viên phân đội Bảy Phú giáo dục, vạch rõ tội ác phá hoại hòa bình, không thi hành hiệp định Giơ - ne - vơ của Mỹ - Diệm, cuộc đấu tranh chánh nghĩa của quân dân miền Nam, chính sách nhân đạo, khoan hồng của cách mạng, khuyên anh em trở về nên từ bỏ con đường đi lính đánh thuê cho Mỹ - Diệm và tuyên bố thả hết tù binh. Trung úy Hồ Thoại xúc động thật sự, đứng dậy thay mặt sĩ quan, binh lính bị bắt nói lời cảm ơn cách mạng.

Lúc đó cánh 2, quân địch từ An Phong do 2 đại đội 7 và 9, tiểu đoàn 2 hành quân vô gò Bộ Túc và hướng vào Gò Quán Cung. Quân giải phóng với khí thế thắng trận, rào rục chờ đối phương đến. Thêm mấy chục khẩu súng chiến lợi phẩm, có mấy khẩu trung liên Bar mới toanh, anh em căng đội hình trên xuồng chờ đợi.

Khi đại đội 7 của lính “quốc gia” lọt vào trận địa, quân giải phóng nổ súng giòn giã và chống xuồng xung phong ngay. Lúc ấy là 12 giờ 30 phút. Tiếng súng hòa trong tiếng hô xung phong vang dậy. Bọn lính “quốc gia” luống cuống nhảy xuống nước, lật xuồng. Cũng chỉ trong vòng 10 phút, quân giải phóng hoàn toàn làm chủ trận địa, bắt tù binh, thu chiến lợi phẩm. Trong số hơn 30 tên lính “quốc gia” bị bắt sống có thiếu úy Nguyễn Minh Kiệt (đại đội trưởng đại đội 7). Số tù binh này được quân ta đưa về gò Bộ Túc và được đồng chí Lương Nhân giáo dục rồi tuyên bố thả hết chúng về. Cả bọn mừng rỡ lên xuồng của chúng trở về An Phong.

Kết quả hai trận đánh liên tiếp trong một ngày ở Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung, hai phân đội của tiểu đoàn 502 đã tiêu diệt gọn hai đại đội quân chủ lực “quốc gia”, có cả Ban chỉ huy tiểu đoàn, bắt sống 105 tù binh, có 4 sĩ quan, thu 127 súng các loại, có 9 trung liên, 9 máy thông tin v.v...Cuộc hành quân cấp trung đoàn của quân đội “quốc gia” bị bẽ gãy hoàn toàn.

Thất bại thảm hại này làm chấn động đến tổng thống Ngô Đình Diệm. Hấn diên tiết ra lệnh cho Bộ Quốc phòng mở cuộc điều tra tìm nguyên nhân thất bại và kỷ luật thích đáng những sĩ quan phạm trọng tội trong trận này.

Hội đồng Quân kỷ được thành lập do Đại tướng Lê Văn Ty - Tổng Tham mưu trưởng làm chủ tịch, cùng 5 trung tướng, 4 thiếu tướng, 2 đại tá, 2 trung tá...Chúng chất

vấn, luận tội và cuộc “hài tội” kéo dài 3 ngày (từ ngày 8 đến 10/10/1959) đã cách chức, lột lon sĩ quan tổng vô quân lao phạt trọng cấm 40 ngày trung tá Trần Hoàng Quân, đại úy Đoàn Chí Thâm, đại úy Nguyễn Văn Phán, trung úy Hồ Thoại, trung úy Võ Văn Sang. Lập Hội đồng Quân kỷ để luận tội sau trận thua ở Giồng Thị Đam và Gò Quản Cung là việc làm “vô tiền khoáng hậu” của ngụy quyền Sài Gòn.¹

Dù chế độ Sài Gòn cố tình bung bít thất bại, nhưng hơn 100 tên tù binh được thả ra là hơn 100 cái loa miệng tuyên truyền về thất bại của chúng, thắng lợi và chính nghĩa của cách mạng. Các gia đình có binh sĩ tử trận, liên tiếp mấy ngày kéo tới dinh tỉnh trưởng Kiến Phong, tố cáo tội ác bọn chỉ huy đẩy chồng con họ vào chỗ chết, đòi hỏi thường nhân mạng. Bọn đầu sỏ ở Kiến Phong xuống nước năn nỉ. Lãnh đạo thị xã ủy Cao Lãnh vận động nhân dân hỗ trợ cuộc đấu tranh của gia đình binh sĩ và phát hiện ra một lực lượng đấu tranh chánh trị rất kiên cường, có hiệu quả mà đối phương không dám đàn áp, đó là gia đình các binh sĩ “quốc gia”. Chấn động từ trận thua nặng này và được nhân dân giáo dục, nhiều binh sĩ đã đào ngũ.

Về phía quân giải phóng, sau chiến thắng, nhân dân xã Tân Thành, dù còn sống trong vùng kiểm kẹp của chế độ Sài Gòn, đã hùn nhau làm heo đãi phân đội Năm Bình về đây trú quân. Phân đội Bảy Phú được đồng chí Nguyễn Văn Phối (Bí thư tỉnh ủy Kiến Phong) đến thăm và tặng một chiếc ra - đi - ô. Với số súng thu được, trang bị thêm cho tiểu đoàn 502 và sau đó, theo lệnh Liên Tỉnh ủy, tỉnh Kiến Phong giao về khu 8 một trung đội đủ người và súng, giúp cho tỉnh An Giang số súng trang bị cho hai tiểu đội mới thành lập. Súng còn được giúp cho tỉnh Mỹ Tho và Bến Tre.

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là trận thắng lớn, diệt và bắt sống nhiều địch, thu nhiều súng nhất ở miền Nam lúc bấy giờ, là trận kết hợp nhuần nhuyễn ba mũi quân sự, chánh trị, binh vận, được coi như “Tiếng sấm đầu mùa” báo hiệu phong trào nổi dậy, tấn công của quân dân miền Nam. Phát huy chiến thắng, Tỉnh ủy Kiến Phong phát động đợt nổi dậy ngày 19/12/1959. Quần chúng đã họp mít tinh, kéo biểu tình, vác gậy gộc, đánh trống mõ, nổi dậy diệt ác ôn, phá tề xã, ấp ở Thường Lạc (Hồng Ngự), diệt đồn Vinh Huê giải phóng hoàn toàn xã Thanh Mỹ (24/12/1959), diệt đồn Cái Sợ, Bến Siêu xã Thường Thới, xã Bình Thạnh (Hồng Ngự), đồn Bình Linh xã Bình Thạnh (Cao

¹ Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (), Lịch sử Đảng bộ Đồng Tháp, tập 3, trang...

Lãnh)...Đêm 4 rạng 5/1/1960, quân giải phóng đánh sập Viễn vọng đài (tháp 10 tầng) ở Gò Tháp và diệt đồn Mỹ Hòa (Mỹ An), mở rộng vùng giải phóng.

Liên Tỉnh ủy mở hội nghị mở rộng, nghe tỉnh Kiến Phong báo cáo về chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quăn Cung và kết quả đợt nổi dậy. Từ thực tiễn này, Liên Tỉnh ủy nhận định tình hình cho phép ta phát động quần chúng ở nông thôn, nhất là vùng Đồng Tháp Mười, phá thế kiểm kẹp, mở rộng vùng giải phóng. Liên Tỉnh ủy chỉ đạo cuộc nổi dậy tấn công toàn khu Trung Nam Bộ vào ngày 15/1/1960. Tỉnh Bến Tre đã phát huy uy danh tiểu đoàn 502 bằng Quân lệnh mang danh tiểu đoàn 502 “đã về Bến Tre” hù dọa đồn bót và binh sĩ trong cuộc nổi dậy đêm 17/1/1960 ở ba xã Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy huyện Mỏ Cày, mở đầu phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre. Tỉnh An Giang được trợ giúp người và súng đạn đã hình thành lực lượng võ trang mang tên tiểu đoàn 510, lập nhiều chiến công diệt ác phá tề, diệt đồn mở vùng giải phóng ở An Giang.

Tiểu đoàn 502 làm nên chiến thắng vang dội Giồng Thị Đam - Gò Quăn Cung từ những ngày đầu mang phiên hiệu mới ấy, đã cùng quân dân tỉnh nhà đi suốt cuộc kháng chiến Chống Mỹ, giải phóng tỉnh nhà ngày 30/4/1975. Sau đó, tiểu đoàn 502 anh hùng cùng quân dân tỉnh Đồng Tháp đánh đuổi bọn Pôn - Pốt xâm lấn biên giới tỉnh nhà, giúp nhân dân Campuchia thoát nạn diệt chủng và giúp bạn ở tỉnh Prây - veng khôi phục chính quyền, quân đội, sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội... Giữ vững và phát huy truyền thống anh hùng của các anh, ngày nay tiểu đoàn 502 luôn rèn luyện, xây dựng đơn vị vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, luôn xứng đáng với danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân.

Lưu dấu chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quăn Cung, những năm cuối thế kỷ 20, Tỉnh ủy Đồng Tháp chủ trương xây dựng tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quăn Cung tại nơi diễn ra trận đánh ngày xưa (nay là xã An Phước, huyện Tân Hồng) trên diện tích 5 ha.

Tượng đài gồm ba nhân vật trên một chiếc xuồng đang cất mũi lên, rẽ sóng, tượng trưng hình ảnh chiến đấu trên đồng nước. Một người đầu quấn khăn rằn, hai tay đang đẩy mạnh chèo sào cho xuồng lướt tới, xung phong. Một chiến sĩ mắt nhìn thẳng về phía trước, tay súng sẵn sàng. Một chiến sĩ ở giữa đứng nhô cao người lên, tay phải giơ cao khẩu súng, tay trái vươn thẳng về phía trước, miệng đang hét lên chiến thắng. Cụm tượng đài

toát lên không khí chiến đấu sinh động trên đồng nước, sừng sững giữa trời bao la...Chất liệu cụm tượng làm bằng bê tông cốt thép, giả đá màu xám trắng, đặt trên bệ, có tổng chiều cao 37 thước. Trước tượng đài, mặt bằng được tôn cao làm sân lễ, nước không ngập nổi vào mùa lũ. Nhân dịp kỉ niệm 41 năm, ngày chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung, khu tượng đài được khánh thành và tiến hành buổi lễ rất long trọng. Sắp tới, khu tượng đài sẽ được xây dựng thêm những hạng mục như công viên, cây xanh, nhà trưng bày, bãi đậu xe..., thành nơi tham quan, du lịch, nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho các đời sau.

Đến Giồng Thị Đam hôm nay, thiên nhiên và cuộc sống con người đã hoàn toàn thay đổi. Năm 1984, nông trường Giồng Găng được thành lập tại đây, nơi chiến trường xưa. Cánh đồng hoang dã chỉ có cỏ lác, sậy đề, những giồng chàng, giồng găng ngày xưa, nay trở thành cánh đồng lúa, tràm, bạch đàn...bạt ngàn. Lúa đã lên hai vụ và một vụ màu là kiệu, dưa hấu...Con kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng chạy qua, đưa nước ngọt sông Tiền vào biến cánh đồng phèn thành cánh đồng lúa. Con kênh còn là đường giao thông thủy quan trọng, nối hai tỉnh Đồng Tháp và Long An. Khu chợ Giồng Găng ra đời cùng với trường tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông, bệnh xá và khu dân cư sầm uất. Điện lưới quốc gia được kéo về. Đường bộ trải nhựa và các cây cầu bê tông bắc qua kênh 12, kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, cầu Tân Phước, đã biến Giồng Găng thành nơi trung chuyển từ cửa khẩu quốc gia Dinh Bà, qua thị trấn Sa Rài đến thị trấn Tràm Chim, về thị xã Cao Lãnh, hoặc xuống Trường Xuân đi thành phố Hồ Chí Minh; qua Vĩnh Hưng đi Long An, v.v...Nông trường Giồng Găng được nâng lên thành Đoàn kinh tế - quốc phòng 959. (Chữ số lấy từ chiến thắng giồng Thị Đam - gò Quán Cung, tháng 9 năm 1959). Một cuộc đổi đời từ khi Đảng và Nhà nước chủ trương cuộc tiến công vào khai phá Đồng Tháp Mười, đã đưa chiến trường xưa thành đô thị sùng túc, phát triển cả kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Ngày 19/1/2004, khu tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam - gò Quán Cung được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận di tích lịch sử cấp Quốc gia.

1.2.2.3. Di tích lịch sử Vụ thảm sát Bình Thành [TT Thanh Bình, huyện Thanh Bình].

Thị hành Hiệp định Genève về đình chiến ở Đông Dương, thị trấn Cao Lãnh và vùng xung quanh là nơi quân đội nhân dân Việt Nam ở khu 8 tập kết 100 ngày, trước khi chuyển quân ra Bắc.

Ngày 28/10/1954, khi chuyển tàu cuối cùng chở bộ đội Việt Minh rời bến bắc Cao Lãnh thì quân đội Liên Hiệp Pháp liền quay lại chiếm đóng vùng này. Tại xã Bình Thành thuộc tổng Phong Thạnh Thượng, huyện Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), tiểu đoàn 513 tới chiếm đóng. Đại đội 3 đóng đồn vùng Cái Tre. Đại đội 4 đóng đồn ngay nhà ông Nguyễn Hữu Nghi - thường gọi là thầy Ba Dĩ.

Khi không có chính quyền, quân đội cách mạng, nhân dân ta tự lập ra những đội chống cướp, trang bị gậy, dây, mõ...tự bảo vệ cuộc sống của mình. Đêm 11/11/1954, bọn lính đại đội 4 đóng đồn thầy Ba Dĩ kéo tới ăn cướp nhà ông Nguyễn Văn Kiệt ở ấp Bình Chánh, xã Bình Thành. Chúng tra khảo chủ nhà rồi cướp một số tiền và vàng. Được tri hô, bà con trong xóm tức thời vây bắt bọn cướp. Chúng chạy về tới chợ Bình Thành thì bị nhân dân bắt được 8 tên, một số tên khác chạy thoát về đồn. Để giải vây cho bọn lính đi ăn cướp bị bắt, bọn đồn thầy Ba Dĩ nổ súng vào nhân dân ở khu vực chợ, làm chết tại chỗ 4 người, bị thương 9 người. Nhân cơ hội đó, bọn lính cướp lợi qua rạch Cái Nỏ chạy về đồn.

Sáng sớm hôm sau, ngày 12/11/1954, bọn lính đồn thầy Ba Dĩ qua chợ ngăn cấm không cho bà con lấy xác người thân bị chúng sát hại đem về chôn. Đồng thời, đại đội 3 do Lê Văn Tá chỉ huy, đại đội 4 do trung úy Trần Bá Thành chỉ huy mở cuộc hành quân ruồng bỏ vào các ấp, xóm xã Bình Thành. Chúng xộc vào nhà dân đập phá, cướp bóc, rượt bắt nhân dân đang làm lụng trên đồng, đi lại dưới sông rạch, bắn chết 3 người và gom bắt trên 600 người dẫn về nhốt ở trường học. Chúng đánh đập và gạn lọc giữ lại hơn 70 người đem giam ở đồn thầy Ba Dĩ. Đến trưa, chúng lọc ra 24 người trong số hơn 70 người, trói tay, đem xuống ghe chở ra giữa sông Tiền rồi xả súng bắn, xô xuống sông.

Cầm phần trước tội ác man rợ của bọn giặc, nhân dân ta viết đơn, tìm cách vượt qua ngăn chặn, bắt bớ của bọn giặc, đem tới Ủy hội Quốc tế giám sát đình chiến đóng ở Tân Châu và phái đoàn quân đội nhân dân Việt Nam đóng ở Phụng Hiệp, Cần Thơ, tố cáo

tội ác của giặc. Bọn đồn thầy Ba Dĩ chặn bắt bà con mang đơn đi tố cáo, giết chết thêm 2 người, nâng tổng số người bị chúng giết lên 33 người.

Khi Ủy hội Quốc tế đi tàu đến Bình Thành để điều tra, bọn đồn thầy Ba Dĩ ra giữa sông ngăn chặn không cho vô bờ tiếp xúc với nhân dân, lấy cớ không bảo đảm an ninh. Nhân dân đã mưu trí vượt sông qua bờ bên kia rồi ra tàu đưa đơn cho Ủy hội Quốc tế. Thấy không thể che giấu được tội ác, bọn chỉ huy tiểu đoàn 513 ra lệnh lên lút đem tất cả xác nạn nhân bị thảm sát trong các ngày 11, 12, 13/11/1954 vùi chung xuống hai hố chúng đào cạnh lộ 30 bên bờ rạch Cái Tre. Sự việc bại lộ, để tránh bị Ủy hội Quốc tế phát hiện, chúng bí mật cho moi xác nạn nhân lên, đem ra quăng xuống sông Tiền và mua cá linh về đổ xuống hố hòng đánh tráo mùi hôi thối.

Sự kiện này đã được phái đoàn quân đội nhân dân Việt Nam nhiều lần tố cáo và Ủy hội Quốc tế buộc đại diện Liên Hiệp Pháp phải công nhận tội ác.

Vụ thảm sát của địch gây ra ở Bình Thành là vụ xảy ra đầu tiên ở miền Nam chỉ ít ngày sau khi quân đội Việt Minh tập kết ra Bắc, làm chấn động dư luận, vạch trần bộ mặt phản dân, phá hoại hòa bình của chúng, gây ra phản nộ to lớn trong các tầng lớp nhân dân ta. Tội ác của chúng không làm nhân dân ta run sợ mà càng thêm căm thù, nung nấu ý chí đấu tranh để gìn giữ hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Suốt từ đó cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, nhân dân Bình Thành kiên cường đấu tranh trong thế trận khó khăn, bất lợi về địa hình trống trải lúc mùa khô và mệnh mông mùa nước ngập, thể hiện qua những cuộc đấu tranh chính trị, những trận tấn công diệt đồn, chống càn quét, vận động làm tan rã hàng ngũ địch, diệt ác ôn, phá kềm kẹp, nổi lên những tập thể và cá nhân anh hùng điển hình, tô đậm truyền thống đấu tranh bất khuất của quân dân địa phương, và Bình Thành xứng đáng được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Để ghi dấu đời đời tội ác của chế độ Sài Gòn, sự đấu tranh kiên cường của nhân dân và giáo dục truyền thống cách mạng cho đời sau, nhất là thế hệ trẻ, nhân dịp kỉ niệm lần thứ 48 ngày Thương binh liệt sĩ, tỉnh Đồng Tháp quyết định xây dựng tượng đài kỉ niệm bên cạnh hai hố chôn người tập thể ở bờ rạch Cái Tre xã Bình Thành (nay thuộc thị trấn Thanh Bình).

Tượng đài cao 3,8 mét, có một bàn tay nắm chặt gươm cao đấu tranh cho chính nghĩa, những giọt máu do giặc gây ra đổ xuống làm cháy bùng lên ngọn lửa đấu tranh bất khuất. Tượng đài thể hiện sự hi sinh to lớn và đấu tranh anh dũng của nhân dân Bình Thành, làm xúc động lòng người mỗi khi đến viếng. Bên phải tượng đài là bia tưởng niệm ghi tóm tắt sự kiện thảm sát xảy ra ở Bình Thành. Bên trái là danh sách những người bị chúng giết chết và bị thương. Tượng đài đặt trên nền xây cao ba bậc thềm, có đỉnh cắm hương và nơi đặt vòng hoa. Phía trước là khoảng sân lót đan có những bồn hoa và cây cảnh, nối với quốc lộ 30 bằng một cây cầu xi măng bắc qua mương lộ. Từ cầu, du khách nhìn rõ nơi hố chôn người của bọn địch.

Hằng năm, nhân dịp Tết âm lịch, ngày Thương binh liệt sĩ 27 tháng 7, ngày giỗ chung của gia đình có những người bị thảm sát, đại diện Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, thầy cô giáo, học sinh và đông đảo nhân dân, người thân các gia đình bị nạn đến dâng hoa, thắp hương, cúi đầu tưởng niệm. Nhiều cuộc ra quân, kết nạp đoàn viên thanh niên...được tổ chức long trọng tại nơi đây.

Đài tưởng niệm nơi xảy ra thảm sát ở Bình Thành năm 1954 đã được Bộ văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia ngày 19/1/2004. Nơi đây, ngày ngày trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ quê hương của Đảng bộ, quân dân Bình Thành, đưa Bình Thành không ngừng phát triển toàn diện, xứng đáng danh hiệu Anh hùng.

1.2.2.4. Di tích lịch sử Địa điểm cơ quan Giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ [Xã Phú Cường, huyện Tam Nông].

Đến gò Mười Tỏi, nay thuộc ấp B, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, du khách thấy trước mắt mình khu tưởng niệm ngành Giao thông Liên lạc và Thông tin Vô tuyến điện Nam Bộ sừng sững hiện ra giữa không gian cao rộng.

Năm 1930, gia đình ông Phan Văn Tỏi (Mười Tỏi) một nông dân nghèo đã đến chốn này khai hoang, lập nghiệp. Dần dần một số bà con nông dân khác cũng đến mở đất định cư. Gò cao nơi ông ở, được người đương thời đặt tên là gò Mười Tỏi. Từ đó, tên ông thành địa danh: Gò Mười Tỏi.

Cuối năm 1945, khi thực dân Pháp tái chiếm Sài Gòn - Gia Định, các cơ quan Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, thành phố Sài Gòn - Gia Định phải chuyển về miền Đông Nam Bộ và vùng Đồng Tháp Mười, thành lập chiến khu, lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ.

Tổ chức Giao thông Liên lạc được thành lập ngay sau ngày Nam Bộ kháng chiến 23/9/1945 do đồng chí Nguyễn Văn Thức lãnh đạo, có nhiệm vụ giữ liên lạc từ Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ đến các tỉnh, thành và ngược lại. Khi các cơ quan lãnh đạo rút về Đồng Tháp Mười, tổ chức Giao thông liên lạc có nhiệm vụ mở đường, đưa cán bộ, các cơ quan, vận chuyển tài liệu... vào chiến khu Đồng Tháp Mười.

Đồng Tháp Mười là vùng đất hoang vu, thưa dân cư, không có sông rạch, ít kinh mương, nửa năm bị nước ngập, việc đi lại chủ yếu bằng đôi chân đi bộ mùa khô và bằng xuồng trong mùa nước. Yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến ngày càng cao, tháng 7/1947, Sở Giao thông Liên lạc Nam Bộ được thành lập tại Đồng Tháp Mười, do đồng chí Nguyễn Văn Thức làm giám đốc.

Lực lượng Giao liên (Giao thông liên lạc) hình thành 3 binh chủng: Giao liên công khai: gồm những người có cuộc sống và giấy tờ hợp pháp, đi lại và dùng các phương tiện giao thông công cộng trong vùng bị tạm chiếm. Giao liên du kích: là những người bất hợp pháp, hoạt động công khai trong vùng Việt Minh làm chủ, vùng giáp ranh và bí mật xuyên qua vùng bị tạm chiếm. Giao liên hỏa tốc: là lực lượng có mặt túc trực tại trạm, hễ có lệnh là đi ngay, bất kể giờ giấc, ngày đêm, mưa nắng...

Để đảm bảo việc đi lại, vận chuyển thuận lợi hơn, từ mùa mưa 1947, ta đào thêm nhiều con kinh đặt tên “Kinh kháng chiến” trong vùng Đồng Tháp Mười.

Tháng 4/1948, Sở Giao thông Liên lạc Nam Bộ mở hội nghị đầu tiên, hình thành bộ máy giao liên thống nhất toàn Nam Bộ, có 4 cấp: Xứ, tỉnh, huyện và xã, nối liền quan hệ từ cấp Xứ đến cấp xã và ngược lại.

Nỗi gian khổ, thiếu thốn của anh chị em giao liên là phải đi lại liên tục, thiếu quần áo mặc, thiếu thuốc men trị bệnh... trong lúc kháng chiến còn nghèo, các đồng chí đã có sáng kiến mua rần, lột lấy da chuyển ra Sài Gòn bán lấy tiền mua vải, thuốc men và những vật dụng cần thiết khác.

Mạch máu kháng chiến ấy tuy thô sơ, đơn giản, nghèo nàn nhưng cơ bản đảm bảo việc thông tin liên lạc, chuyển công văn giấy tờ, lương thực, vũ khí, chuyển toàn bộ các cơ quan Xứ Ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ...từ khu Đồng Tháp Mười về miền Tây Nam Bộ vào cuối năm 1949 một cách tuyệt đối bí mật và an toàn. Đặc biệt, đồng chí Nguyễn Văn Ty đã nuôi, huấn luyện đàn chim bồ câu đi đưa thư, trong đó 2 lần báo tin kịp thời cho quân ta đánh tan cuộc ruồng bỏ lớn của Pháp vào chiến khu Dương Minh Châu năm 1947 và Đồng Tháp Mười năm 1948.

Cuộc kháng chiến phát triển, việc giao thông liên lạc bằng chân người và bơi chèo xuống không đáp ứng kịp thời yêu cầu. Việc liên lạc đòi hỏi thông suốt với Trung ương ở Việt Bắc, với khu 5, khu 6 và phải nhanh chóng nắm bắt tình hình quốc tế qua các đài Thông tấn của Sài Gòn và nước ngoài, năm 1946, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ quyết định tổ chức lực lượng Thông tin vô tuyến điện ngay tại Đồng Tháp Mười.

Thực hiện quyết định đó trong điều kiện tại căn cứ kháng chiến không có máy thu, máy phát vô tuyến điện, không có tiền để mua máy sẵn có và không có cán bộ chuyên môn. Trong số trí thức từ Sài Gòn về Đồng Tháp Mười kháng chiến có ông Nguyễn Văn Hay (còn gọi Mai Văn Hay) vốn là người ham mê kỹ thuật vô tuyến điện, sau đó các đồng chí Ty, Định, Thống, Huỳnh Minh Châu, Lâm Quang Hườn, Hồ Văn Tây...được tập trung lại thành lập xưởng vô tuyến điện, nhằm sản xuất máy thu, phát vô tuyến điện.

Với số người ít ỏi, trình độ kỹ thuật về vô tuyến điện còn nghiệp dư, tài liệu nghiên cứu thiếu thốn, “đồ nghề” chỉ đủ đựng trong một giỏ xách bàng, trong căn chòi lá nhỏ giữa Đồng Tháp Mười, với chiếc xuống con, cái đèn dầu..., các đồng chí ngày đêm vắt óc suy nghĩ, tự học để làm ra máy thu vô tuyến điện. Được sự hỗ trợ tích cực của giáo sư Lê Văn Huân trong nội thành Sài Gòn bí mật chuyển ra sách báo tiếng Pháp, tiếng Anh về vô tuyến điện và một số tài liệu cần thiết, trải qua cả tháng trời mầy mò, các đồng chí hoàn thành bộ máy thu. Máy nghe được các đài AFP Sài Gòn, rồi bắt được đài UPI, đài Press của Liên Xô.

Không thể nói được niềm vui của những người trong cuộc. Chiếc máy thu đầu tiên của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ do đồng chí Lâm Quang Hườn và Hồ Văn Tây sử dụng, hằng ngày theo dõi tin quốc tế cung cấp cho Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ chọn lọc, in phát hành cho các nơi. Thành công bước đầu, xưởng

được Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ chỉ đạo sản xuất thêm 3 máy nữa, hình thành cụm điện đài của Ủy ban và lệnh cho xưởng sản xuất thêm máy phát vô tuyến điện.

So với máy thu, máy phát khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Cũng trong điều kiện non kém về chuyên môn, thiếu thốn vật tư chuyên ngành vô tuyến điện, với quyết tâm và phấn đấu phi thường, các đồng chí đã sản xuất ra được máy phát. Máy phát đầu tiên liên lạc được với đài Cà Mau xa hơn 250km, Quảng Ngãi hơn 600km... Tháng 11/1947, xưởng vô tuyến điện lắp đặt xong Đài phát tin Thông tấn xã Nam Bộ, sau đó phát triển lên 3 đài, đảm bảo liên lạc thông suốt từ Xứ ủy đến Trung ương và toàn Nam Bộ.

Vấn đề mới đặt ra là phải đào tạo đội ngũ hiệu thính viên (báo vụ) cung cấp cho các nơi. Tháng 6/1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ quyết định thành lập trường Vô Tuyến Điện hành chính Nam Bộ, do đồng chí Nguyễn Xuân Du làm hiệu trưởng. Xưởng Vô Tuyến Điện và trường Vô Tuyến Điện cùng đóng trên gò Mười Tãi, được sự bảo vệ, phòng gian bảo mật và giúp đỡ nhà ở, thức ăn... của gia đình ông Phan Văn Tãi, ông Nguyễn Hòa Hiệp và bà con xung quanh. Học viên học xong lớp hiệu thính viên thì qua xưởng Vô Tuyến Điện học thêm sửa chữa máy, ngược lại học viên lớp cơ công sửa chữa máy phải qua học lớp hiệu thính viên, rồi được phân công về các đài tỉnh, các cơ quan Nam Bộ... Trường liên tục mở 4 lớp, đào tạo hơn 50 học viên.

Khi mạng lưới đài thu phát Vô Tuyến Điện được triển khai rộng rãi đến các ngành, các tỉnh, từ sự phát triển đó đặt ra công tác tổ chức và quản lý mạng lưới Vô Tuyến Điện về mặt chuyên môn, kỹ thuật. Cuối năm 1948, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ quyết định thành lập phòng Vô Tuyến Điện hành chính Nam Bộ do đồng chí Nguyễn Văn Hay - Trưởng xưởng kiêm Trưởng phòng Vô Tuyến Điện, Phó phòng là Trương Trung Minh.

Thành công trong việc lắp máy thu, phát Vô Tuyến Điện, tháng 6/1947, xưởng Vô Tuyến Điện hành chính Nam Bộ được lệnh lắp đặt máy phát thanh. Đây là một việc hoàn toàn mới chưa từng có trong vùng kháng chiến. Các đồng chí lại mày mò, nghiên cứu làm sao để phát được tiếng nói lên không trung để các nơi bắt nghe được, mà nghe phải đảm bảo chất lượng tốt, phát đều đặn đúng giờ. Việc khó khăn tưởng chừng không làm được trong kháng chiến, nhưng với lòng tự tin, quyết tâm, làm rồi thử nghiệm, làm đi làm lại, cuối cùng xưởng cũng sản xuất ra được một máy phát thanh. Đêm 24/11/1947, đài phát

thử buổi đầu tiên, nhờ các đài bạn nghe giùm. Bữa nghe được, bữa lại không. Lại mày mò, lại sửa. Cứ mỗi đêm phát 15 phút. Cho đến ngày đồng chí Phạm Thiều đại diện Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đến thăm xưởng và quyết định lấy ngày 1/12/1947 cho đài Phát thanh Nam Bộ phát sóng chính thức ra đời.

Đúng ngày 1/12/1947, “Tiếng nói Nam Bộ” trang nghiêm, hùng dũng lên tiếng. Đồng bào ta ở Sài Gòn, Chợ Lớn và các tỉnh Nam Bộ đều nghe được tiếng nói của đài.

Với thành tích xuất sắc, năm 1954, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất cho ngành Giao thông Liên lạc Nam Bộ và Huân chương Độc lập hạng Ba cho ngành Vô Tuyến Điện toàn Nam Bộ.

Đội ngũ cán bộ nhân viên ngày ấy, sau này (thời chống Mỹ và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc) nhiều người trở thành cán bộ lãnh đạo đài Phát thanh, đài Truyền hình, ngành Bưu điện Việt Nam. Ở tỉnh nhà, ngành Giao bưu và Thông tin Vô tuyến điện gắn liền với hoạt động của Đảng bộ, quân dân trong những năm hoạt động bí mật (1945 - 1959) và phát triển mạnh sau đồng khởi, góp phần to lớn trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành tích vẻ vang đó, ngành Giao bưu thông tin liên lạc tỉnh Đồng Tháp được chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, năm 1998.

Để ghi dấu sự ra đời và hoạt động của hai ngành Giao thông liên lạc (giao liên) và Thông tin Vô tuyến điện ở Đồng Tháp Mười những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tổng cục Bưu điện Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định xây dựng khu tưởng niệm tại nơi sinh ra: Gò Mười Tỏi, với diện tích 17.830 m². Khu tưởng niệm tựa lưng vào con kinh An Long, mặt quay ra tỉnh lộ 844, nối liền từ cửa khẩu quốc gia Dinh Bà (huyện Tân Hồng), qua thị trấn Tràm Chim, đến gã Cờ Đen (xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười) và đến thành phố Hồ Chí Minh. Trên đó, ngành Bưu điện cất một trường trung học cơ sở với 10 phòng học với ý nghĩa “đền ơn đáp nghĩa”. Lễ đài được tôn tạo thành cái gò cao (tượng trưng gò Mười Tỏi) có 9 bậc cấp lên sân lễ, hai tay vịn cầu thang có hình tượng đầu rồng (tượng trưng cho đồng bằng sông Cửu Long). Đây là nơi hành lễ, các cuộc ra quân, kết nạp đảng viên, đoàn viên Thanh niên Cộng sản

Hồ Chí Minh, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ ngoài trời, tập dưỡng sinh..., nơi hóng mát, ngắm cảnh, ngắm trăng những buổi chiều, buổi tối.

Tượng đài thể hiện 3 chiến sĩ trong ngành Giao thông Liên lạc và Vô Tuyến Điện Nam Bộ đang làm việc và chiến đấu trên xuồng ở Đồng Tháp Mười. Một chiến sĩ thông tin Vô Tuyến Điện đang ở tư thế quỳ trước mũi xuồng đánh ma - níp, thu và phát thông tin bằng máy thu phát tự lắp ráp. Phía bên phải là nữ chiến sĩ giao liên mặc quần áo bà ba, cổ quần khấn rằn, đang chống xuồng đưa khách, công văn đến các nơi. Phía sau, bên trái là nam chiến sĩ cơ công, vai mang túi đồ nghề, vừa làm nhiệm vụ vừa canh giới địch, vừa sẵn sàng đi tới nơi đâu cần sửa máy móc thiết bị hỏng, đảm bảo thông tin không gián đoạn. Tất cả đang ở tư thế nhìn thẳng về phía trước, di chuyển, canh giới và làm nhiệm vụ. Chiếc xuồng được thể hiện là xuồng ba lá đặc thù của Đồng Tháp Mười, với thể hiện ước lệ, đang lướt nhanh trên sóng nước mênh mông và đặt trên bệ cao 3 mét bằng đá granit. Tượng được làm bằng chất liệu bê tông giả đá trắng ngà, có độ cao 10 mét.

Khối kiến trúc phù điêu phía sau tượng đài có hình một lá cờ Tổ quốc cách điệu. Phía bên phải gắn tám phù điêu cao 5 mét, dài 8 mét, bằng chất liệu bê - tông giả đồng, thể hiện các hoạt động của Giao thông Liên lạc Vô tuyến điện Nam Bộ đang làm việc và học tập trên gò Mười Tãi, giữa đồng nước mênh mông. Đó là các lớp học báo vụ viên, lớp sửa chữa cơ công, nhận phát tin, các chiến sĩ giao liên đưa đón cán bộ và tài liệu, các hoạt động làm việc và chiến đấu trên đồng nước dưới làn bom đạn của đối phương. Phía bên trái có gắn lời khen tặng của Bác Hồ với ngành Bưu điện, phía sau của lá cờ hướng nhìn từ kinh lên, gắn hàng chữ lớn bằng đồng nêu bật bản chất, nội dung hoạt động của ngành Bưu điện “TRUNG THÀNH - DŨNG CẢM - TẬN TỤY - SÁNG TẠO - NGHĨA TÌNH”.

Tất cả các hạng mục tượng đài là một khối thống nhất, từ nền tượng, bệ tượng, tượng đài, phù điêu, cây cảnh,...nhằm thể hiện nổi bật nội dung sự kiện lịch sử của ngành Giao thông Liên lạc, Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ thuở ban đầu. Sự kết hợp hài hòa đó tạo nên nét độc đáo riêng biệt và chất hoành tráng cho công trình.

Xéo bên kia bờ kinh An Long là hai ngôi mộ ông bà Phan Văn Tãi, cạnh miếu thờ ông bà.

Khu tưởng niệm này đã được Bộ văn hóa thông tin cấp bằng công nhân di tích Văn hóa cấp quốc gia, ngày 3/8/2007.

Đền gò Mười Tả ngày nay, du khách không còn nhìn thấy cảnh đồng cỏ hoang vu, mênh mông trời nước ngày xưa mà hiện thực của chủ trương xây dựng nông thôn mới đã làm bộ mặt ở đây hoàn toàn thay đổi. Kinh dài, đường tỉnh, cột và dây tải điện, điện thoại, những vườn cây xanh mát che chắn tầm nhìn, trẻ con tung tăng áo trắng cắp sách đến trường, những ngôi nhà nối liền kề nhau, xe tàu lưu thông tấp nập trên bộ, dưới kinh. Ngắm tượng đài, lòng ta như cảm nhận được sự gắn bó giữa quá khứ hoang sơ nhưng hào hùng với hiện thực cuộc sống trù phú, tươi đẹp và tương lai xán lạn của vùng đất anh hùng.

1.2.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật

Nhóm này có 2 di tích: Di tích kiến trúc Kiến An Cung (chùa Ông Quách) và Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng (chùa Cái Cát).

1.2.3.1. Di tích kiến trúc Kiến An cung [Phường II, TX Sa Đéc].

Nằm trên trục đường chính Trần Hưng Đạo (còn gọi là đường giữa) cùng với đình Vĩnh Phước, Chùa Bà, Kiến An Cung tạo thành tuyến hành hương, tham quan giữa lòng thị xã Sa Đéc vừa liên hoàn vừa gần gũi, thân quen như tên gọi Chùa Ông, Chùa Bà mà từ lâu người dân Sa Đéc đã ngưỡng vọng một cách hồn nhiên.

Theo duy danh định nghĩa từng từ thì: Kiến: Dựng lên cho đứng thẳng; xây dựng nên; lập thành. An: sự an ổn, yên lành. Cung: là ngôi nhà lớn, đền lớn. Kiến An cung: là ngôi đền lớn tạo lập sự an ổn, yên lành.

Như vậy, phải gọi Kiến An cung là Đền Kiến An, tục danh là đền Ông Quách (thay vì chùa Kiến An, chùa Ông Quách như đã quen gọi từ trước đến nay).

Theo Ban hội hương Kiến An cung thì “Kiến An” ngoài ý nghĩa mong ước tạo lập sự an ổn, yên lành, “Kiến” còn là chữ cuối của địa danh “Phước Kiến” một tỉnh bên Trung Quốc, quê hương của những người Hoa gốc Phước Kiến tại Sa Đéc.

Bang Phước Kiến tại Sa Đéc chuyên nghề mua bán lúa gạo. Vào những năm đầu thế kỷ 20, được Pháp tạo điều kiện, nghề này phát triển mạnh, nhiều người Hoa của bang Phước Kiến trở nên giàu có, an cư lạc nghiệp. Họ bắt đầu nghĩ đến việc ổn định về tinh

thần, tương trợ lẫn nhau giữa những người Việt gốc Hoa, đặc biệt là những người cùng ngữ phương Phúc Kiến. Qua đó, cũng là cách để giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa của mình trên quê hương mới.

Ông Huỳnh Thuận là một trong những người đầu tiên có ý tưởng xây dựng Kiến An cung tại Sa Đéc.

Đại diện bang Phúc Kiến - Sa Đéc đã tiếp xúc với đại diện địa phương tỉnh Phúc Kiến - Trung Quốc, bàn bạc cách xây dựng Kiến An cung tại Sa Đéc. Tỉnh Phúc Kiến đồng ý cung cấp gỗ, đá và cử đội ngũ nghệ nhân có tay nghề cao sang giúp. Đền được hoàn thành trong ba năm (1924 - 1927).

Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các đền, miếu của cư dân người Hoa thường thờ Ông Quan Đế (Quan Công), Bà Thiên Hậu, Ông Bồn. Đồng bào người Hoa người Việt gọi tắt là Chùa Ông, Chùa Bà. Nhưng Kiến An cung lại thờ Ông Quách. Vậy Ông Quách là ai?.

Theo tóm tắt lịch sử tại Kiến An cung thì tên gọi đầy đủ của ông Quách là Quách Thánh Vương Công, cha là Thái Vương, mẹ là Thái phi.

Ông sinh ngày 22 tháng 2 năm 928 Công nguyên (CN) thời Ngũ đại Hậu Tấn. Nguyên quán huyện An Khê, tỉnh Phúc Kiến.

Năm 13 tuổi, Thánh Vương đắc đạo tại núi Phụng Sơn vào ngày 22 tháng 8 năm 941 CN, nhằm đời Hậu Tấn - Thiên Phúc thứ 5.

Năm 960 - CN, đời nhà Tống, ông đã từng hiển thánh giúp Tống Thái Tổ chinh phạt Nam Đường, được thụy phong “Quảng Lợi Vương”.

Đời vua Đào Quang nhà Thanh (1820), ông lại được gia phong “Quảng Trạch Tôn Vương”.

Với diện tích rộng 1.634 m², tọa lạc tại góc 2 con đường lớn: Trần Hưng Đạo và Phan Bội Châu, tạo không gian rộng, thông thoáng trước đền; giới hạn phía ngoài và tôn thêm giá trị kiến trúc là mảng phù điêu của bia tường niệm chi đội Trần Phú (chi đội Hải Ngoại 4) như một tiền án bên con rạch nhỏ Cái Sơn thơ mộng.

Qua cổng rào xi măng, cách điệu những thân tre, là sân rộng. Kiến An cung Sa Đéc được xây dựng theo mô hình của một ngôi đền tại quê gốc Phúc Kiến - Trung Quốc. Đây là một công trình lớn, uy nghi, tráng lệ. Toàn bộ kiến trúc không có kèo, chỉ có xuyên

trính gắn liền đòn tay, ráp mộng. Trính có 3 tầng sơn đỏ, trang trí thêm phong cảnh, chim hoa, chạm sư tử, đầu rồng cách điệu được nâng đỡ bởi con đội hình quả bầu .

Mái đền lợp ngói máng (ngửa) và ngói ống (úp) trên lớp ngói phẳng làm nền sát với những thanh rui bằng gỗ. Nhìn qua tưởng như những đợt sóng hình rồng tạo nên ba động thành những ngọn sóng to chồm lên cong vút. Bốn đầu ngọn sóng là 4 cung điện thu nhỏ. Nhìn tổng thể, mái đền vút cong như chiếc thuyền lớn giỡn sóng đang vượt đại dương mà biển là nền trời cao xanh thẳm... gọi lên ký ức xa xưa lúc cư dân người Hoa ra đi tìm đất sống. Hộ mạng cho họ đi đến nơi đến chốn không ai khác hơn là Quách Thánh Vương Công.

Điều đó được thể hiện rõ nét qua cách trần thiết thờ phụng bên trong đền.

Lấy giếng trời (Thiên tĩnh) làm trung tâm. Đây là nơi “Thông thiên đạt địa” đón ánh sáng và không khí; trời - đất - âm - dương giao hòa, nhịp nhàng theo một trật tự an nhiên. Phía trước là tiền điện, phía trong là chánh điện, đông lang bên phải, tây lang bên trái ...Có thứ tự lớp lang mà không chồng lấn; chia tách mà liên hoàn, hỗ trợ lẫn nhau, cùng chia sẻ và tôn vinh cho nhau để mỗi hạng mục phát huy hết giá trị riêng của mình.

Theo ý hướng chung ban đầu, tường rào ngoài cùng có 3 cổng: 1 cổng chính, 2 cổng phụ. Qua sân rộng vào đền có 3 cửa: 1 cửa chính ở giữa và 2 cửa phụ.

Hai bên cửa chính có 2 sư tử bằng đá xanh, đặt trên 2 bệ cao cũng bằng đá xanh. Bên trái là sư tử đực ngậm trái châu; bên phải là sư tử cái đang giỡn con (lân mẫu hỉ lân nhi). Tất cả chi phối bởi quan niệm “nam tả, nữ hữu”. Trên các cánh cửa đều có vẽ hình thần trấn môn.

Du khách còn đang bàng hoàng bước vào gian tiền điện, thì một khung cảnh hoành tráng đầy màu sắc đập ngay vào mắt, những tấm “Hồi tỵ”, “Tĩnh túc” màu đỏ, trên viết chữ Hán đậm nét, chân phương, xếp thành dãy và đối nhau qua lối đi, giới thiệu nhân vật được thờ trong đền và nhắc nhở khách có thái độ kính cẩn. Bởi vì kèo lộng lẫy, công phu từ trên cao, những hàng cột gỗ to màu đen bóng uy nghi đặt trên 2 tầng đế bằng đá xanh (tầng trên trang trí hoa văn xung quanh). Các cột lại được áp thêm tấm liễn từ nửa thân cây khác được chạm trổ tinh vi với hoa văn chìm tạo nền, làm nổi bật lên vẻ câu đối, ẩn chứa nhiều điều ý vị về nghệ thuật, về triết lý nhân sinh. Song cái trước hết là du khách vừa bị thu hút một cách mãnh liệt với lòng thành kính cung nghinh ông trong chánh điện

vừa tự rửa bỏ hết bụi trần, soát xét lại từng lời ăn tiếng nói, tác phong, kể cả những suy tư thâm kín trong tâm thể của một người hành hương.

Nhìn sang bên trái vách tiền điện, một mảng tranh thủy mặc trải rộng, nội dung kể lại sự tích “Thập điện”, “Phong Thần”, đối diện bên kia vách phải là sự tích “Tam Quốc”. Đây là kết quả của 2 họa sĩ cùng thi tài vẽ tranh trên 2 mảng tường bằng ô dước. Ngoài kỹ thuật vẽ điêu luyện, chính xác (vì không được tẩy xóa, lặp lại lần thứ hai), các họa sĩ còn phải am hiểu tích truyện, nét tính cách của từng nhân vật để hóa thân, truyền cảm rồi tạo ra những đường nét sắc sảo, tinh tế, sống động trong những khoảnh khắc xuất thần ... Bên trái có bia ghi công đức những hội viên và những người hảo tâm đóng góp công sức, tiền của xây dựng đền.

Bất giác, khách đứng trước chiếc đỉnh to hình tròn có 3 chân, khối hương nghi ngút. Khối theo thiên tính tỏa lên cao, khối quyện hương thơm lan tỏa khắp đền thờ như dẫn lối khách thập phương lần vào chánh điện.

Trong trạng thái mơ màng, khách còn nhận ra lối đi với biểu tượng là bức họa “thanh long” trên vách trái (tả thanh long) thuộc về dương mang tính động - dành cho lối đi lại, chuyện trò và ngược lại phía bên kia “bạch hổ” (hữu bạch hổ) đang thu mình trong bức họa như chực phóng ra vỗ lấy cái ác, cái xấu để bảo vệ cho mọi người, cho ngôi đền.

Trung điện là nơi thờ Quan Công, Ngọc Hoàng thượng đế với lối bộ sáng loáng.

Chánh điện đượm vẻ thâm nghiêm, chia làm 3 gian: gian giữa cũng là phần chính, uy nghi, huyền bí với pho tượng “Quách Tán Vương Công” ngự trên ngai, mặt đỏ sắc thái của người chính trực, trung thần (lúc còn sống) và là phúc thần (lúc chết). Ngài mặc áo bào, tay nâng đai ngọc có lính hầu cận hai bên. Gian bên trái thờ Bảo Sanh Đại Đế (Ông độ mạng); gian bên phải thờ Thanh Thủy Tổ Sư (Tổ thầy thuốc).

Đông lang, Tây lang là 2 phần phụ, nhưng không thể thiếu vì đây là nơi dạy học; tiếp khách, đãi ăn lúc lễ hội; thờ Phật, thờ tiền hiền, hậu hiền ... tạo thêm không gian thoáng rộng và âm áp.

Song có lẽ, cái tinh túy và ước nguyện sâu kín nhất mà người xưa muốn gửi lại cho hậu thế nằm trong các bức hoành phi, liễn đối.

Tiêu biểu là các bức hoành phi: Kiến An Cung (tên của đền), Quảng Trạch Tôn Vương (tên của thần), Bảo Quốc An Dân (Bảo vệ đất nước, che chở cho dân làng), Phú Bảo An Đông (ơn thần ban cho dân làng Phú Đông được giàu có, bình yên) ...

Trên mười câu đối xoay quanh các bức hoành này và bắt đầu hoặc kết thúc với cặp từ “Kiến - An”, “Bảo - An”, “Phú - Đông”, “Quảng Trạch - Tôn Vương”.

Tự trung, nhân dân nhớ công đức “Quách Tấn Vương Công” nên xây đền thờ cầu mong “Quốc thái dân an”, dân làng Phú Đông được giàu có, bình yên.

Và trên tinh thần giữ gìn truyền thống và bảo vệ bản sắc văn hóa tộc người Hoa, thông qua cảnh thờ tự, bày trí, Kiến An Cung muốn khuyên mọi người làm lành lánh dữ, trung hiếu tiết nghĩa, đoàn kết, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Kiến An Cung vừa có sự tôn nghiêm của một ngôi đền vừa rộng mở đón tiếp mọi người của một hội quán, ngôi nhà chung của cả cộng đồng người Hoa lẫn người Việt. Điều đó cho thấy, cộng đồng người Hoa tiêu biểu là bang Phúc Kiến từ lâu đã “an cư lạc nghiệp” tại Sa Đéc, đồng thời đã “Tái định cư tâm lý” một cách hài hòa, được sự dung nạp, chia sẻ của cư dân người Việt đương thời cũng như Thành hoàng bốn cảnh sở tại (đình Vĩnh Phước), mà giai thoại “thần linh Tân Phú Đông giáng cơ cho biển liền” để hương chức làng này tặng cho đền thờ lúc khánh thành là một minh chứng. Đó là tám biển “Phú Bảo An Đông” (ơn thần ban cho dân làng Phú Đông được giàu có, bình yên) và đôi liễn:

*“Phú mỹ tạ thần ân khánh hạ nguy nga hưng miếu vũ,
Đông thôn loát thánh đức thành long hách trạc thanh trùng tôn”.*

Dịch nghĩa:

*“Giàu có tạ ơn thần mừng rỡ dựng miếu sáng lộng lẫy,
Thôn Đông nhờ đức thánh huy hoàng sửa điện lớn lao hơn”.*

Bộ biển liễn này đang treo trước chánh điện một cách trang trọng.

Hàng năm, Kiến An Cung có nhiều lễ vía, nhưng hai lần tế lễ chính là vào ngày sinh của ông (22 tháng 2 âm lịch) và ngày ông thành đạo (22 tháng 8 âm lịch).

Trước đây, những ngày lễ này tổ chức rất trọng đại, với nhạc lễ theo nghi thức cổ truyền và đáo lệ 3 năm có thiết lập trai đàn, cúng cầu siêu cho bá tánh và cầu nguyện cho quốc thái dân an. Hiện nay chùa Ông, chùa Bà là nơi cúng viếng, hái lộc đầu xuân của cộng đồng cư dân Hoa - Việt tại thị xã Sa Đéc. Hàng ngày, các nơi thờ tự này còn đón

khách tham quan, hành hương, trong đó có cả khách nước ngoài, đặc biệt phần lớn là người Pháp. Họ đến viếng Kiến An Cung để chiêm ngưỡng kiến trúc nghệ thuật độc đáo của người Hoa được điểm xuyết bằng nghệ thuật chạm khắc Việt Nam đầu thế kỷ 20, thể hiện trên các bao lam thân vòm, các đường viền, các câu đối, cũng như qua các đề tài: cảnh vật, muông thú với cách tạo hình bằng nhiều thủ pháp khác nhau... Bên cạnh, được nhìn tận mắt di ảnh của ông Huỳnh Thủy Lê (con trai ông Huỳnh Thuận), một nhân sĩ địa phương, hay làm việc từ thiện, được đồng hương quý mến, cũng là người tình một thời của nữ văn sĩ Pháp Marguerite Duras ...

Kiến An cung là một công trình văn hóa, tín ngưỡng dân gian tiêu biểu, mang tính cộng đồng Hoa - Việt cao, với lối kiến trúc nghệ thuật độc đáo của người Hoa (có sự góp sức của người Việt) góp phần làm phong phú thêm nét kiến trúc của các cơ sở thờ tự tại Sa Đéc nói riêng, Đồng Tháp nói chung. Kiến An cung đã được Bộ Văn hóa - thông tin xếp hạng công nhận là di tích lịch sử - văn hóa, vào ngày 27 tháng 4 năm 1990.

Để lo việc quản lý và thờ phụng, hiện nay, Kiến An cung có một Ban tế tự do ông Trần Văn Quới làm trưởng ban.

1.2.3.2. Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng [Xã Long Thắng, huyện Lai Vung].

Sông Lai Vung chảy đến đất làng (Hòa Long) chia hai nhánh Cái Bàng và Cái Chanh, làm đường phân thủy tự nhiên giữa sông Tiền và sông Hậu. Đây là vùng lòng chảo phèn chua, nước thối thích hợp cho các loại đưng, lác, năn, đế, sậy, nga, sen, súng, tràm, gáo, cà na...sinh sôi nảy nở, tạo điều kiện cho chim, cò tụ hội, làm tổ. Đến những năm 80 của thế kỷ 20, trước lúc chuyển vụ, nơi đây còn được ví như một “Đồng Tháp Mười” thu hẹp, cao trình tại lung Cá Trê thấp nhất toàn huyện là 0,8 mét so với mực nước biển chuẩn Hà Tiên.

Cái Cát là tên một con rạch nhỏ, nối từ bờ trái rạch Cái Chanh chạy lên đồng hướng về quốc lộ 80 và trở thành con lung lớn. Hiện nay vàm rạch Cái Cát trở ra kinh Tầm Vu, cách vàm kinh này khoảng 50 mét (xéo cổng chùa Bửu Hưng).

Chùa nằm ngang rạch Cái Cát nên có tên là chùa Cái Cát (tên chữ là Bửu Hưng tự) thuộc ấp Hòa Ninh, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Nằm cách trung

tâm huyện Lai Vung 3 cây số về hướng đông nam theo đường chim bay, du khách có thể đến đây bằng đường bộ hoặc đường thủy.

Tương truyền, từ thuở hoang vu, nê địa (cuối thế kỉ 18), Nguyễn Đăng Đại sư cùng đoàn người từ miền Trung đến phá lâm, đào ao, lên liếp, cất am tu hành, thỉnh thoảng cọt đến uống nước “nghe kinh”!

Bửu Hưng Tự đã qua nhiều lần trùng tu. Đó là vào thời tổ Tịnh Châu. Tổ là người đạo cao đức cả, có uy tín lớn, dân chúng theo ngày càng thêm đông. Lúc này, chùa tre lá được nâng lên thành chùa mái ngói, vách ván rộng rãi. Ngoài ra, tổ còn cho cất thêm nhà để tăng chúng và đồng bào phật tử trong vùng lễ phật có chỗ tá túc.

Đặc biệt, vào năm Tân Hợi (1910), đời tổ Như Lý, hiệu Thiên Trường, thế danh là Lê Văn Hanh, đệ tử tổ Minh Tông Nhất Bồn, hiệu Thông Nam. Ngài từ chùa Tổ (Bửu Lâm) (hiện nay thuộc ấp Ba, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) về trùng tu chùa Bửu Hưng với lối kiến trúc uy nghi, bề thế theo dạng chữ Khẩu (nay mở rộng thêm theo dạng chữ Tam), chu vi dài hơn 700 thước có 96 cột gỗ lim, mái lợp ngói âm dương bao gồm: Chánh điện, nhà tổ, sân thiên tỉnh với đông lang, tây lang và nhà giảng. Trước chùa có sân kiểng, hồ sen, tượng đức Quan Âm lộ thiên. Về phía bên trái chùa, có khu vườn tháp của các sư trụ trì quá vãng. Những nhà sư trụ trì kế tiếp đã ra tận ngoài Huế nghiên cứu đạo lý.

Với tấm lòng từ bi hỷ xả, các nhà sư luôn “cứu độ” dân lành lúc hoạn nạn, ốm đau.

Khoảng năm 1940 - 1941, vùng Long Thắng xảy ra trận dịch tả. Trước cảnh bệnh dịch hoành hành trong điều kiện y tế lúc đó còn thiếu thốn, người chết không kịp chôn, theo lệ thường, người dân chỉ còn cách là đặt bàn cầu nguyên van vái cho tai qua nạn khỏi như làm tàu, thuyền thả bè chuối trôi sông để “tổng ôn tổng gió” và tiếng trống, tiếng mõ vang rền làm cho không khí chết chóc trong xóm, làng càng thêm ảm đạm. Hai vị trụ trì và phó trụ trì của chùa Bửu Hưng sẵn có những bài thuốc dân gian sưu tầm được, đã đem ra làm thuốc phân phát cho dân chúng. Phần lớn bà con uống thuốc đã dứt bệnh hoặc thuyên giảm, vì thế nhiều người tin tưởng tới chùa xin qui y làm Phật tử. Nhân dân mến mộ, chung lo xây dựng ngôi Bửu Hưng Tự.

Sự hưng thịnh của chùa Bửu Hưng chẳng những được thể hiện qua nghệ thuật kiến trúc mà còn bày tỏ lòng thành và sự chung tay góp sức của Phật tử, của người dân quanh

vùng. Tự điền có lúc đến hàng chục mẫu (do chùa khai phá và người giàu có cung hiến) nên hoa lợi hàng năm của chùa lên đến hàng ngàn gia lúa. Hiện trong chùa còn bảng phương danh có chạm hoa văn ghi tên những người cúng chùa...

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa cũng là nơi chính quyền cách mạng tại địa phương tổ chức hội họp, chỗ trú ngụ cho nhân dân. Đồng thời, hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh năm 1946, nhà chùa cũng đã hiến một đại thần chung cho Ban sưu tầm về chế vũ khí tự tạo để đánh Pháp (để tránh tiếng, nhà chùa nói rằng đại thần chung đã bị mất trộm).

Đầu năm 1946, Pháp tái chiếm Sa Đéc, nhân dân ở tỉnh lỵ Sa Đéc, làng Tân Phú Đông tản cư vào Long Thắng, chủ yếu đi bằng xuồng, ghe, đậu dưới bến chùa và kéo dài hai bên rạch Cái Chanh từ vàm rạch Cái Cát đến vàm rạch Ngã Cũ...số lượng lên tới vài trăm người, được nhà chùa cử mang, cho tá túc và tiếp đãi cơm nước đạm bạc với tương chao...

Lúc này, Pháp đang ra sức khai thông và bảo vệ lộ 80 huyết mạch từ Sa Đéc đến Vàm Cống và bị lực lượng Vệ quốc đoàn phục kích, tấn công nhiều nơi như trận đánh xe Pháp tại cua Hòa Long (thị trấn Lai Vung ngày nay), đồn Tân Thành (huyện Lai Vung), trận càn lớn ở xã Hòa Thành...gây cho chúng nhiều thiệt hại trong đó có một số lính Pháp.

Để đối phó với những hoạt động của Việt Minh và cũng để trấn an tinh thần binh sĩ, chiều ngày mùng 3 tháng 2 năm 1947, hai chiếc máy bay săn giặc của Pháp (Avion de Chasse) đã ném 4 quả bom xuống khu vực chùa Bửu Hưng và bắn nhiều loạt đạn theo rạch Cái Chanh.

Kết quả giặc Pháp đã làm chết ở chùa 3 vị tăng ni, trong đó có sư Nguyễn Hữu Chánh Viên (trụ trì) và làm bị thương 2 Phật tử khác ở gần chùa. Căm thù quân Pháp ném bom triệt phá chùa, giết oan sư sãi, 2 sa môn của chùa Bửu Hưng là thầy Khương và thầy Vinh đã xếp áo cà sa tham gia kháng chiến. Từ đó, mối quan hệ giữa nhà chùa, nhân dân (trong đó có đồng bào Phật tử) và Việt Minh thêm khăng khít. Cho nên việc chùa Bửu Hưng trở thành địa điểm hội họp, nuôi chứa, tiếp tế cho cách mạng là hết sức tự nhiên.

Thời chống Mỹ, thanh niên trong vùng vô chùa làm Phật tử để trốn quân dịch, có lúc lên khoảng 40 - 50 người (có cả những người đã tham gia thời chống Pháp).

Sau trận ném bom, chùa bị hư hại nặng, hậu tổ bị sập mất một phần. Từ đó, chùa trở nên hoang vắng.

Mãi đến năm 1950, nhân dân trong vùng mới đóng góp tiền, của dựng lại nhà tổ, nhưng các cột vẫn bị nghiêng.

Năm 2002, chùa Bửu Hưng được tu sửa lớn, nền lát gạch men, mái lợp ngói lưu li. Đồng thời chùa vẫn giữ nguyên gốc các cột kèo, phù điêu, bức chạm...

Mặc dù trải qua nhiều bước thăng trầm, Bửu Hưng tự vẫn giữ được nhiều cổ vật có giá trị, chia ra các nhóm: nhóm gỗ, nhóm đồng thau, nhóm gốm sứ và nhóm xi măng. Riêng nhóm gỗ có tới 25 tượng phật, la hán... Trong đó có tượng phật Di Đà cao 1,8 mét, ngang 1,3 mét, tương truyền do vua Minh Mạng ban tặng năm 1821.

Tại chánh điện có nhiều bộ bức bàn, bao lam, liễn đối sơn son thếp vàng, trạm trổ rồng phụng, hoa điều tinh vi, đạt đỉnh cao của tay nghề thợ tiện, thợ chạm hồi những năm đầu thế kỷ 20, chẳng kém gì ở các chùa danh tiếng như Giác Lâm, Giác Viên, Hội Khánh, Bửu Lâm, Vĩnh Tràng...

Phía ngoài bàn thờ chánh điện, ở ngay mặt trước, có tấm biển viết theo lối chữ thảo “VẠN THẾ TRƯỜNG HUNG” (có thể đọc cách khác VẠN THẾ TRÙNG HUNG) trông thật bay bướm, điêu luyện, có người nhận ra đây là nét bút của Mạc Thanh Trai - một người nổi tiếng viết chữ đẹp ở Nam Bộ thời bấy giờ.

Nổi lên trên các cặp liễn về nghệ thuật lẫn ý nghĩa là hai câu đối:

*“Ngọc chất giáng hoàng cung, thổ thủy cứu long tề mộc dục
Kim ngân tu tuyết lĩnh hàm hoa bách điệu cộng triều cung”*

Dịch là:

*“Chất ngọc giáng cung vua, phun nước Cửu Long cùng tắm rửa
Thân vàng tu núi tuyết, ngâm hoa bách điệu thấy về châu”.*

Đến Bửu Hưng tự không thể không tới viếng khu mộ tháp (4 ngọn) nơi an nghỉ của các vị tổ đã khai mở và tôn tạo ngôi tam bảo. Trong kháng chiến chống Mỹ, đây còn là nơi các đồng chí hoạt động cách mạng của xã Long Thắng đến nương tựa trong lúc khó khăn. Khách sẽ ngâm ngùi với 2 câu đối ở cửa vào:

*“Bật thảo điều tàn do vị tử
Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương”*

Dịch là:

Cỏ bí đầu tàn còn chưa chết,

Hoa đàm tuy rụng vẫn dư hương

Theo tự phả, sau khi thống nhất sơn hà, vào năm Gia Long thứ hai (1804), vua ban cho chùa tám biển “Sắc tứ Bửu Hưng Tự” và Tổ Từ Lâm (vị trụ trì thời ấy), được phong là “Từ Dung Hòa Thượng”, nghĩa là “lành thương dung nạp” cho những người sa chân lỡ bước (ý nói nhà vua đã dừng chân nương náu tại chùa).

Bửu Hưng tự nằm trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Tháp, các ngày lễ lớn trong năm là Lễ Phật đản (15 tháng 4 âm lịch), ngày rằm thượng ngươn (18 tháng 10 âm lịch). Đặc biệt, lễ Vu lan được linh động tổ chức theo ngày giỗ Tổ Chơn Minh vào hai ngày 28 - 29 tháng 7 âm lịch (thay vì ngày rằm tháng 7 âm lịch). Lễ cúng này thường có số người dự đông nhất (khoảng 1000 người).

Bửu Hưng tự từng được xem là một danh lam ở Sa Đéc. Trước sông, sau đồng, khuôn viên chùa rộng rãi, thoáng mát. Theo lối đi có hàng sao, dầu cổ thụ cao vút. Ao chùa trước sân, sen nở bốn mùa, thoang thoang hương thơm. Ríu rít chim kêu, xôn xao Phật tử, chuông chùa vọng ngân nga. Trải qua nhiều bước thăng trầm, thịnh suy, mà tăng tài không thiếu.

Bửu Hưng tự là ngôi chùa có lâu đời, được xây cất ít nhất cũng vào nửa cuối thế kỷ 18, đến nay chùa trải qua 10 đời trụ trì, các vị đã có công hiến vào sự phát triển của Phật giáo và truyền thống cách mạng tại địa phương. Ngoài ý nghĩa lịch sử, chùa còn có giá trị kiến trúc nghệ thuật.

Chính vì vậy ngày 13 tháng 6 năm 2004, Bửu Hưng tự được UBND tỉnh Đồng Tháp công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Vào ngày 3 tháng 8 năm 2007 được Bộ văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Chương 2: HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ KHAI THÁC PHÁT HUY TÁC DỤNG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

Hiện nay, cơ quan chuyên môn (cụ thể là Bảo tàng Đồng Tháp) gặp thuận lợi trong việc lập hồ sơ di tích lịch sử - văn hóa vì có cơ sở pháp lý (Luật di sản của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), và được sự hỗ trợ, hợp tác của các Ban tế tự, Ban hội hương tại chỗ.

2.1. Hiện trạng bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích này.

2.1.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ

Tuy mỗi di tích đều có tiềm năng và thế mạnh riêng, nhưng cùng có chung hai điểm đó là bảo tồn và khắc phục những hạn chế.

- Trong đó, Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc diện tích còn nhỏ hẹp (dù đã được mở rộng một lần vào năm 1990), đơn điệu, không thêm gì mới, không thể kéo dài thêm thời gian khách đến viếng, chưa đáp ứng yêu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách, nhất là những du khách trở lại lần hai, lần ba...

Lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp cho lập dự án mở rộng và nâng cấp Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Theo dự án, Khu di tích sẽ được mở rộng thêm diện tích 6 ha (cộng với hiện tại sẽ có 9,3 ha). Những công trình mới bao gồm: xây dựng mới nhà trưng bày về cụ Sắc, quảng trường, cổng vào, hàng rào, đường nội bộ, nhà làm việc của Ban Quản Lý và bảo vệ Khu di tích, sửa nhà tám cạnh (đang trưng bày về cụ Sắc) thành nơi tiếp khách, thêm vườn hoa, cây cảnh, cây ăn trái. Và bên trái Khu di tích hiện nay sẽ phục dựng, tái hiện một góc “làng Hòa An xưa” với những ngôi nhà cổ, cây trái (mận, vú sữa Hòa An...), ngành nghề truyền thống (lò rèn, trồng thuốc lá, đậu, bắp, cách xắt thuốc, cách phơi thuốc lá...), con rạch, cầu khỉ, xuồng cui .v.v..., nhằm bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, giáo dục thế hệ trẻ.

Dự án và thiết kế này được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phê duyệt với tổng vốn 95, 72 tỷ đồng (năm 2009 - 2010). Trong đó bao gồm chi phí cho giải tỏa, đền bù giải phóng và san lấp mặt bằng. Trong 95,72 tỷ, Trung ương đầu tư 50 tỷ, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 20 tỷ và tỉnh Đồng Tháp 25,72 tỷ đồng. Công việc được tiến hành từ cuối năm 2008. Các gói thầu được giao cho: Công ty xây lắp vật

liệu xây dựng tỉnh Đồng Tháp nhận phần san lấp mặt bằng, xây dựng cống và làm hàng rào. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Diên Hồng nhận phần xây dựng mới nhà trưng bày về cụ Sắc. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Thành Sơn nhận phần xây dựng nhà làm việc của Ban Quản Lí Khu di tích. Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Vân thi công đường nội bộ. Bảo tàng tỉnh và Ban Quản Lí Khu di tích lo bổ sung phần trưng bày về cụ Sắc và tái hiện làng Hòa An xưa, chủ đầu tư là Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp.

Nhân lần về làm việc với lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp năm 2009, Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng cho ý kiến chỉ đạo: tỉnh Đồng Tháp cố gắng thực hiện toàn bộ các hạng mục trong công trình trên hoàn thành nhân lễ giỗ lần thứ 81 cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (27/10 năm Canh Dần - 2010).

Thực hiện chỉ đạo trên, hiện nay việc đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng đã hoàn thành, xây dựng nhà trưng bày, nhà làm việc, đường vào...sắp hoàn thành. Riêng phần phục dựng, tái hiện “làng Hòa An xưa” đang lấy thêm ý kiến cho hoàn chỉnh hơn.

Khi Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hoàn thành phần mở rộng, nâng cấp, kết hợp khai thác các điểm vệ tinh có liên quan đến cụ Sắc, như chùa Hòa Long (Miếu Trời Sanh xưa), phục chế nhà ông Năm Giáo (nơi cụ Phó bảng sống và qua đời năm 1929), nhà Hương chủ Sành (nhà cổ và là nơi cụ Sắc về ở đầu tiên), địa điểm nhà ông Trần Bá Lê (nơi cụ Sắc về ở, mở trường dạy chữ và dạy nghề thuốc, năm 1971), sẽ là nơi đón khách và giữ chân khách nhiều hơn, lâu hơn, thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu và hưởng thụ văn hóa của đồng bào địa phương và du khách các nơi khác đến.

- Nhằm phát huy giá trị quan trọng về lịch sử và khai thác tiềm năng to lớn của Khu di tích Gò Tháp, lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp đã lập qui hoạch tổng thể, thông qua Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch) và được chấp thuận, đang và sẽ tiến hành các việc sau đây:

Hiện trạng Khu di tích Gò Tháp có 298,6 ha, sẽ mở rộng thêm 300 ha. Bao gồm 4 khu chức năng: Khu vực I (khu di tích) 54 ha, Khu dịch vụ, du lịch 154 ha, Khu nuôi động vật hoang dã 26 ha, Khu sinh thái Đồng Tháp Mười 160 ha. Và vị trí Tháp Sen chiếm 6,25 ha. Riêng khu vực I (khu di tích) có tổng dự toán 114 tỉ đồng đầu tư trong 3

năm. Trong đó, vốn chương trình mục tiêu Quốc gia 39 tỉ, ngân sách tỉnh 42 tỉ, còn lại vốn huy động xã hội hóa do các công ty, doanh nghiệp, nhân dân đầu tư vào.

Năm 2009, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã cấp 2 tỉ 100 triệu đồng. Tỉnh hợp đồng với Trung tâm Phát triển bền vững Nam Bộ tiếp tục khai quật di tích Gò Minh Sư (đã đào thám sát năm 1984 rồi lấp lại), với qui mô 900 m², đã làm lộ ra công trình kiến trúc bằng gạch khá đẹp. Khai quật xong, tỉnh làm mái bao che tạm và tiến hành thiết kế mái bao che cố định để bảo vệ di tích, phục vụ khách tham quan, nghiên cứu. Cuối năm 2009, tiếp tục khai quật tường thành xây gạch phía Tây nền tháp cổ và gia cố bảo quản. Đồng thời sơn lại mái che nền gạch cổ khai quật năm 1984. Tiến hành tu bổ trực chính vào khu di tích (làm thêm cầu đường đi hai chiều), dựng cổng chính, cổng phụ, bến thuyền, bãi đậu xe, sân lễ hội, những nơi khách nghỉ chân, nhà vệ sinh, trồng cây xanh, các bồn hoa .v.v..

Dự kiến sẽ xây mới đền thờ Thiên hộ Võ Duy Dương song song với đền thờ Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều, ngang Gò Minh Sư (hiện hai ông được thờ chung trong một đền thờ).

Được ban Bí thư Trung ương Đảng chấp thuận, Ban chỉ đạo (do nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải làm trưởng ban) xây dựng Bảo tàng Xứ ủy Nam Bộ tại Gò Tháp. Ban chỉ đạo đã đi khảo sát thực địa, tổ chức hội họp, thành lập Ban biên tập, tiến hành hai công việc: Biên soạn quyển sách Hồi kí về Xứ ủy Nam Bộ trong thời gian đóng ở Đồng Tháp Mười từ 1946 đến 1949. Dựng bộ phim tư liệu về Xứ ủy Nam Bộ ở Đồng Tháp Mười. Hai công trình này hoàn thành trong năm 2010. Suu tập hình ảnh, hiện vật...trưng bày trong Bảo tàng Xứ ủy Nam Bộ. Bản vẽ mô hình Bảo tàng Xứ ủy Nam Bộ (một phần trong bảo tàng Đồng Tháp Mười) đã được duyệt.

Ở khu dịch vụ, du lịch đã cơ bản làm xong đường đan¹ đi lại bao quanh khu di tích đưa khách đến các điểm như đầm sen, rừng tràm, nơi nuôi động vật hoang dã, vui chơi, sinh hoạt dân ca, nhà hàng ăn uống .v.v.. Ở đây, hệ thống đèn đường đã mắc xong,

Ở khu nuôi động vật hoang dã, do công ty Vạn Đức An đầu tư đã bắt tay thực hiện từ năm 2008 và sẽ hoàn thành năm 2010.

¹ Đan: tiếng Pháp là dalle nghĩa là đá lát, tấm lát xi măng.

Khu sinh thái mở rộng thêm 700 ha gồm rừng tràm, đồng năn, lác...của Đồng Tháp Mười xưa, với phương thức đất và sản vật của dân, thực hiện theo hướng dẫn của Nhà nước.

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco tỉnh Đồng Tháp cũng đầu tư vào trồng cây dược liệu với 160 ha.

Công trình Tháp Sen đã được lãnh đạo Tỉnh và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch duyệt thiết kế và xác định vị trí, song do thay đổi chủ đầu tư, sẽ vẽ lại thiết kế và dự kiến sẽ được thực hiện vào quý II năm 2010.

Nếu qui hoạch tổng thể này được thực hiện, Khu di tích Gò Tháp sẽ là nơi lí tưởng để các nhà khoa học, thầy cô giáo, học sinh, sinh viên và du khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch và nghiên cứu lịch sử, môi trường.

Điểm đáng quan tâm là trong xu hướng phát triển mới, diện mạo của Gò Tháp Mười xưa đã bị biến dạng nhiều. Hiện tượng thờ cúng lung tung tự phát nhằm thu tiền khách thập phương đã phát sinh. Trong đó có việc dựng miếu thờ Hoàng Cô (dân gian cho là mộ em gái vua Gia Long, chưa được giới chuyên môn xác định). Việc mất vệ sinh (rác thải, tiểu tiện...) trong những ngày lễ hội quá đông người làm ô uế nơi tôn nghiêm và dễ gây dịch bệnh.

Ban quản lý khu di tích trước đây nằm trong Bảo tàng tỉnh thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, nay thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có điều kiện phát triển, song mối quan hệ về chuyên môn giữa Bảo tàng tỉnh và Ban quản lý Khu di tích không chặt chẽ như xưa.

- Ngoài các di tích lịch sử cách mạng thì di tích về đền thờ là nơi thờ cúng các vị anh hùng dân tộc lại có đặc điểm riêng. Đó là ngôi đền thờ Thượng tướng Quân công Trần Văn Năng được xây dựng lại cách nay trên 40 năm, trên tổng diện tích 17.360 m². Ngôi đền vốn có những hạn chế: cất trên một nền đất thấp. Con đường chạy qua phía trước và bên hông trái ngôi đền đã được mở rộng, tôn cao. Đường phía trước được trải nhựa rộng 5m, và đường bên hông sẽ được lát đan. Do hai mặt đường đều tôn cao nên ngôi đền “bị” thấp xuống. Trong phương án xây dựng lại, nền ngôi đền sẽ được tôn cao tương đương với mặt đường nhựa phía trước. Việc đổ cát tôn cao mặt bằng sân và hai bên ngôi đền đã được thực hiện.

Về kiến trúc ngôi đền có những hạn chế cần khắc phục: toàn bộ công trình xuống cấp, phải xây dựng lại mới hoàn toàn trên nền cũ và kích cỡ như cũ. Thay đổi cột vuông thành cột xi măng tròn giả gỗ. Cửa sắt kéo được thay bằng cửa gỗ. Các cửa sổ cũng vậy. Thay các tượng rồng, cá hóa long... trên nóc và mái cho đúng và đẹp hơn. Bên trong thay mới các bộ liễn, chỉnh lý các chữ cho hay hơn, đối xứng hơn. Thay các bức hoành, đại tự bằng gỗ, bằng vải có nội dung không chính xác (như: Đền thờ ông Đốc binh Vàng...). Vẽ lại các bức tranh trên tường cho phù hợp nội dung đền thờ (như thay chuyện Võ Đông Sơ, Bạch Thu Hà..., bằng các cảnh chiến đấu bằng thuyền trên sông Vàm Nao của quân nhà Nguyễn chống quân Xiêm...)

Đề án xây dựng lại đã được lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp và Bộ Văn hóa Thể thao và Du Lịch ký duyệt từ năm 2007 với tổng số vốn là 4 tỷ 100 triệu đồng. Trong đó, nguồn vốn chống xuống cấp di tích cấp quốc gia của Cục Bảo vệ di sản văn hóa quốc gia là 1 tỷ 700 triệu đồng, còn lại vốn ngân sách đầu tư phát triển của Tỉnh.

Các hạng mục công trình gồm: đền thờ, cổng tam quan, hệ thống điện và chống sét, san lấp mặt bằng. Chủ đầu tư và giám sát là Ban Quản lý dự án huyện Thanh Bình. Đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty TV - TK - XD M.E.C.C. Đơn vị thi công là công ty TNHH TM - DL - Mỹ thuật - Tượng đài Ánh Dương. Theo hợp đồng, công trình giải phóng mặt bằng (tháo dỡ ngôi đền thờ cũ, dọn dẹp các phế thải) xong đầu năm 2010, để ngày 04/01/2010 khởi công và ngày hoàn thành là 04/06/2010. Tuy vậy, đến ngày 25/02/2010 tiến hành và sau đó mọi việc chìm trong im lặng. Lễ giỗ cụ Trần Văn Năng năm nay (rằm tháng 2 Canh Dần 2010) diễn ra ngoài trời, cả hát bội cũng diễn ra ngoài trời. Việc hoàn thành các hạng mục công trình sẽ kéo dài...

Một công việc rất hệ trọng song song với việc xây dựng mới ngôi đền là chỉnh lý nội dung trong bàn thờ. Phải có một tổ chuyên môn góp ý sửa những chữ phải thay trong các đôi liễn, các bức đại tự, sắp xếp các vật thờ, duyệt các phác thảo tranh vẽ trên tường, duyệt phác thảo tượng cụ Trần Văn Năng dựng ngoài trời, duyệt xây dựng các bồn hoa, cây cảnh.

Trên đây là những vướng mắc cần được Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình, kết hợp Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh chung tay tháo gỡ trong năm 2010.

Nơi tọa lạc ngôi đền ngày xưa thuộc nơi hẻo lánh, đi lại khó khăn, nay con đường nhựa đi qua trước ngôi đền, nối quốc lộ 30 ra bến đò Tô Châu sẽ được xây dựng thành khu trồng cây ăn trái, nuôi cá, là Khu du lịch sinh thái, hấp dẫn khách du lịch qua lại có dịp ghé viếng ngôi đền. Việc ngôi đền được xây dựng mới càng thu hút khách thập phương chẳng những đến lễ Cù trong những ngày giỗ mà suốt các ngày bình thường trong năm, qua đó giáo dục truyền thống cứu nước và giữ nước của dân tộc ta.

2.1.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng

- Ở Xẻo Quít, khách đến tham quan ngày một tăng. Ngoài lượng khách tự tổ chức đi còn nhiều khách trong nước, nước ngoài đến Xẻo Quít qua “tua” du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh. Nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử và thưởng thức cảnh quan thiên nhiên đặc thù cùng những món ăn dân dã đậm chất Đồng Tháp Mười. Từ năm 2006 đến 2009, Khu di tích đã nhận được kinh phí từ Tổng cục du lịch với 7 tỷ đồng làm hạ tầng và nguồn từ chương trình mục tiêu Quốc gia chống xuống cấp và tôn tạo các Khu di tích từ Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch là 1 tỷ 600 triệu đồng. Các hạng mục được thực hiện gồm: Phục chế một số hiện vật (bàn, ghế làm việc...), công sự chiến đấu, tôn tạo đường đi lại tham quan di tích bằng xi-măng giả đất để khách không bị bùn lầy những tháng mùa mưa, xây dựng bờ kè chống xói mòn bờ kinh, trang bị thêm những phương tiện phòng chống cháy rừng mùa khô... Việc đưa khách đi lại trong Khu di tích bằng hai cách: ai thích đi bộ thì theo đường bộ, ai thích đi đường thủy thì ngồi trên xuồng ba lá do các cô gái mặc áo bà ba, cổ quần khăn rằn, đầu đội nón tai bèo, đưa đi.

Bên khu B (đối diện khu A di tích) đang đầu tư mở rộng 26 ha phát triển về du lịch như mở thêm đường giao thông bộ, bến xe, bến thuyền, cổng chào, những cây có bóng mát để tổ chức những cuộc họp mặt truyền thống dã ngoại, giao lưu, nghe kể chuyện... Tạo cảnh đầm sen, lung năn, với các loại chim như le le, vịt nước...; nơi khách nằm võng nghỉ ngơi hưởng gió mát, nghe chim kêu hoặc câu cá. Nhà hàng cất bằng cây lá, trang trí với các công cụ đánh bắt cá trên đồng nước như lợp, lờ, trúm..., khách dùng các món ăn đặc sản như cá lóc nướng trui cặp lá sen non, ốc bươu luộc com mẻ..., uống rượu đế pha mật ong, com gạo huyết rồng gói trong lá sen v.v..

Trong tỉnh, các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở và Tiểu học thường tổ chức các cuộc về nguồn đến viếng Khu di tích Xẻo Quít, xem chiếu video, xem trưng bày hình ảnh, hiện vật, nghe kể chuyện truyền thống. Hằng ngày, nhiều đoàn khách các tỉnh bạn, thành phố Hồ Chí Minh và khách quốc tế qua “tua” du lịch đã đến viếng Khu di tích. Đặc biệt có các đoàn Mỹ, Đức đến thăm và họ vô cùng bất ngờ, ngạc nhiên, khâm phục, không tưởng tượng nổi việc tồn tại, chiến đấu anh dũng, mưu trí của Đảng bộ và quân dân tỉnh nhà trong kháng chiến cứu nước.

Với việc quan tâm chỉ đạo, đầu tư của lãnh đạo Tỉnh và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, trong những năm tới, tin chắc Khu di tích Xẻo Quít được khách đến thăm ngày càng đông hơn, nơi lý tưởng giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Khu di tích chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung từ sau lễ khánh thành tượng đài (năm 2000) do Sở Văn hóa Thông tin quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh giao về Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, và đơn vị trực tiếp quản lý là Đoàn Kinh tế Quốc phòng 959. Do thiếu người có chuyên môn đảm trách và không có kinh phí, nên Khu di tích thiếu chăm sóc, không được đầu tư bảo dưỡng và phát triển, nên tượng đài xuống cấp, khách tham quan ít tới. Trước thực trạng trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định chuyển giao lại Sở Văn hóa Thông tin quản lý và duyệt quy hoạch nâng cấp, mở rộng, xây dựng thêm những công trình mới ở Khu di tích, ước tổng diện tích là 32 ha. Các hạng mục gồm: Chống xuống cấp tượng đài. Trải nhựa mặt đường rộng 7 mét, từ đường ĐT 842 vào tượng đài dài 164 mét. Xây bồn hoa, cây cảnh dọc hai bên đường vào. Xây dựng hồ sen, nhà thủy tạ, nơi khách chống xuồng, bơi xuồng. Nhà trưng bày hình ảnh, hiện vật về chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung. Bãi đậu xe. Nhà vệ sinh. Nơi khách lưu trú và ăn uống.

Khu di tích chẳng những phục vụ khách tham quan, du lịch mà còn là nơi sinh hoạt tìm hiểu lịch sử của thầy cô giáo, học sinh các trường trong tỉnh, các lực lượng vũ trang nhân dân, nơi tổ chức lễ xuất quân, kết nạp Đảng, sinh hoạt Đoàn và là nơi hằng ngày nhân dân trong vùng đến tập dưỡng sinh.

Kỉ niệm 50 năm chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung (26/09/1959 đến 26/09/2009), việc trùng tu tượng đài và mở rộng, trải nhựa con đường vào tượng đài đã

hoàn thành. Tượng đài tô lại đá mài với chi phí 600 triệu đồng, do xưởng mỹ thuật ứng dụng của nhà điêu khắc Xuân Tiên thực hiện.

Đường nhựa vào Khu di tích do Sở Giao thông Vận tải tỉnh thực hiện với kinh phí 200 triệu đồng. Đường nội bộ, công viên, trồng cây xanh do công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Thắng thi công. Kinh phí chung là 1 tỷ 700 triệu đồng. Tổng kinh phí mở rộng Khu di tích do ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008 – 2009 là 3 tỷ đồng. Bảo tàng tỉnh đã lập một tổ gồm 5 biên chế (có 1 thuyết minh) quản lý Khu di tích này.

Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng sẽ đầu tư xây dựng một khu biệt thự sân vườn cấp bờ kinh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng phía trước khu di tích, phục vụ khách lưu trú. Các hạng mục trên tiếp tục được đầu tư và thực hiện trong những năm tới.

Với việc phát triển cửa khẩu quốc tế Dinh Bà ở huyện Tân Hồng, con đường bộ thông thương từ đường xuyên Á trên đất Campuchia qua Dinh Bà, đến thành phố Cao Lãnh, đi thành phố Hồ Chí Minh...ngang qua Khu di tích chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung tạo thuận lợi đón khách tham quan cho Khu di tích này.

- Trong khi đó, Khu di tích lịch sử Vụ Thảm Sát Bình Thành ở huyện Thanh Bình đến nay thì công trình này còn bộc lộ một vài nhược điểm như: diện tích nhỏ hẹp (900 m²). Tượng đài bé nhỏ so với cảnh quan. Phía trước bị cắt bởi con mương lộ.

Từ thực trạng trên, lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp và huyện Thanh Bình làm tờ trình đến Bộ Văn hóa Thông tin đề nghị: Cho phép mở rộng diện tích di tích ra cả 4 phía, tăng thêm 3.705 m², để di tích có diện tích rộng 4.605 m². Làm hàng rào kiên cố bảo vệ. Lót đan thêm khu vực mở rộng bên trong rào. Giữ y hình dáng tượng đài, nâng kích thước to hơn cho hài hòa với không gian.

Các đề nghị trên đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch duyệt và địa phương đã tiến hành làm các việc: Hợp dân phổ biến chủ trương, tạo sự đồng tình, nhất là các hộ có đất nằm trong khu quy hoạch mở rộng của khu di tích nhằm thỏa thuận thống nhất giá cả đền bù. Sau đó, đã hai đợt trao tiền đền bù với số tiền 500 triệu đồng. Tiến hành đổ đất san lấp nâng cao mặt bằng diện tích mở rộng thêm. Trong đó có san lấp luôn mương lộ, tạo mặt bằng nối liền di tích với lộ 30 (trước kia phải qua cầu). Xây hàng rào bảo vệ di tích, dưới xây tường thấp, trên là rào sắt, với chi phí 600 triệu đồng. Lót đan được một phần hai bên tượng đài. Sẽ còn tiếp tục lót tiếp phần còn lại.

Các chi phí trên sử dụng tiền từ nguồn vốn chương trình mục tiêu của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Sắp tới, tỉnh xin thêm kinh phí của Bộ để nâng cấp tượng đài. Ngoài ra, còn những việc cần làm thêm như trồng và chăm sóc cây xanh, hoa kiểng... Việc mở rộng, nâng cấp tượng đài di tích phù hợp lòng dân, được dân đồng tình, phối hợp và tạo ra cảnh quan khang trang, to đẹp hơn, xứng đáng là nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho các đời sau.

- Với ý thức uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, Di tích lịch sử Địa điểm cơ quan Giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ, ngành Bưu điện vừa xây cất mới thêm một dãy trường kiên cố một trệt một lầu gồm 8 phòng học cho cấp tiểu học, bên cạnh trường Trung học cơ sở cũng do ngành Bưu điện xây dựng trước đây.

Từ khi Bưu điện tách ra Bưu chính và Viễn thông, tại Khu di tích cũng tách ra: Bưu cục trực thuộc Bưu chính huyện, có một cán bộ làm chuyên môn phụ trách. Khu di tích trực thuộc Viễn thông huyện quản lý, có hợp đồng ba cán bộ bảo vệ, gìn giữ, chăm sóc cây cảnh, tưới nước làm vệ sinh, dọn cỏ rác .v.v..

Phòng truyền thống (trên lầu Bưu cục) mở cửa hằng ngày, xong khi có khách đi đoàn mới đến xem. Bưu cục có phòng máy vi tính, chủ yếu là học sinh đến học tập. Báo viết cũng chủ yếu phục vụ cho học sinh như Hoa học trò, Nhi đồng .v.v..

Với ba cán bộ bảo vệ, mùa mưa làm cỏ không xuể, ngược lại mùa khô tưới nước không kịp khiến đất khô, cây héo, đặc biệt là khu trồng mai cây khô héo dần (Cần lấy đất bồi thay cát cho cây bớt khô hóc).

Các tấm gạch ốp tường rớt ra đã được gắn lại nhưng những tấm khác lại rớt ra. Tượng đài có hiện tượng xuống cấp, rõ nhất là ở dạ xuống, qua thấm nước gỉ sắt từ trong chảy ra từng đốm đen.

Nhà trường kết nghĩa với Khu di tích, thỉnh thoảng thầy cô giáo đưa học sinh qua đây làm vệ sinh (quét dọn lá cây khô, dọn cỏ...), đây là việc làm tốt. Tuy nhiên, nhà trường cần giáo dục thường xuyên học sinh để hạn chế các em bẻ trộm xoài, phá rào...

Lãnh đạo địa phương và nhân dân chưa tận dụng lợi thế sẵn có của Khu di tích để tổ chức những cuộc sinh hoạt ngoài trời như tập dưỡng sinh, sinh hoạt Đoàn dã ngoại, hóng mát... Mặt hạn chế từ Khu di tích là ban ngày nắng (ít ai tới), ban đêm không có đèn

nên cũng không ai tới sinh hoạt. Người dân xung quanh lo làm ăn, giải trí chủ yếu xem truyền hình tại nhà, ít ai đọc báo viết...

Năm 2009, tỉnh lộ ĐT 844 đi ngang trước mặt Khu di tích đã được trải nhựa xong, thuận tiện cho các loại xe đi từ cửa khẩu Dinh Bà đến gãyp Cờ Đen, đi Long An, thành phố Hồ Chí Minh, chẳng những phục vụ tích cực việc phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng vùng biên giới và nông thôn sâu Đồng Tháp Mười mà còn thuận tiện cho khách du lịch dừng chân tham quan, tưởng niệm Khu di tích độc đáo này.

2.1.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật

- Nằm trên trục đường chính của thị xã Sa Đéc, với diện tích rộng 1.634 m², tọa lạc tại góc hai con đường lớn: Trần Hưng Đạo (còn gọi là đường giữa) và Phan Bội Châu, tạo không gian rộng, thông thoáng trước đền, giới hạn phía ngoài và tôn thêm giá trị kiến trúc là mảnh phù điêu của bia tường niệm Trần Phú (Chi đội Hải Ngoại 4) như một tiền án bên con rạch Cái Sơn thơ mộng.

Tuy vậy, trước tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, phía sau đền cũng bị xâm hại từ trước năm 1975, do quán cà phê tư nhân mở ra. Bên cạnh còn hai ngôi nhà cao tầng được xây dựng vừa che khuất một phần vừa hạ thấp chiều cao toàn bộ mái đền.

Trước đây, chùa Ông (Kiến An Cung), chùa Bà là nơi cúng viếng hái lộc đầu xuân của cộng đồng cư dân Hoa - Việt tại thị xã Sa Đéc. Hàng ngày, các nơi thờ tự này còn đón khách tham quan, hành hương, trong đó có khách nước ngoài, mà phần lớn là người Pháp. Họ đến viếng Kiến An Cung để chiêm ngưỡng kiến trúc nghệ thuật độc đáo của người Hoa (với sự góp sức của người Việt). Bên cạnh, được nhìn tận mắt di ảnh của ông Huỳnh Thủy Lê (con trai ông Huỳnh Thuận), một nhân sĩ địa phương, hay làm việc từ thiện, được đồng hương quý mến, cũng là người tình một thời của nữ văn sĩ Pháp Marguerite Duras...

Đặc biệt, từ khi ngôi nhà cổ Huỳnh Thủy Lê tại đường Nguyễn Huệ (bên bờ sông Sa Đéc) được xếp hạng di tích văn hóa cấp quốc gia và trở thành điểm du lịch quan trọng trong tuyến du lịch đồng bằng Sông Cửu Long thì lượng khách tham quan du lịch nhảy vọt (chủ yếu là khách nước ngoài) nếu cả năm 2005 chỉ có 7000 khách thì trong quý I năm 2010 đã đón được 4700 khách nước ngoài.

Hướng tôn tạo và bảo tồn mỗi loại hình di tích khác nhau. Trong khi đó, di tích đền thờ thì mang đậm tính dân gian, còn di tích Bửu Hưng Tự và Kiến An Cung lại mang một giá trị nghệ thuật đặc sắc riêng. Thực vậy, Kiến An Cung (chùa Ông Quách) là một công trình văn hóa, tín ngưỡng dân gian tiêu biểu, mang tính cộng đồng Hoa - Việt cao, với lối kiến trúc nghệ thuật độc đáo của người Hoa, góp phần làm phong phú thêm nét kiến trúc của các cơ sở thờ tự tại Sa Đéc nói riêng, Đồng Tháp nói chung. Kiến An Cung đã được Bộ Văn Hóa - Thông tin xếp hạng, công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào ngày 27/4/1990. Đền thờ được hoàn thành trong 3 năm (1924 – 1927).

Mãi đến năm 2005, Bộ Văn hóa - Thông tin cấp 350 triệu từ “nguồn kinh phí chống xuống cấp” để trùng tu toàn bộ, bao gồm: chánh điện, nhà ăn, hàng rào.

Dự kiến đến năm 2011: Bảo tàng Đồng Tháp đề nghị Bộ Văn hóa - Thông tin cấp “kinh phí chống xuống cấp di tích” để trùng tu các bức tranh thủy mặc trên vách đền. Thống nhất tỉ lệ như sau: Nhà nước cấp 2/3, còn lại 1/3 xã hội hóa do Hội người Hoa vận động.

- Bên cạnh đó, Bửu Hưng Tự cũng không kém phần bề thế và trang nghiêm của một công trình vừa mang giá trị lịch sử gắn liền với giá trị kiến trúc cổ xưa. Từ một cái am đơn sơ được Nguyễn Đăng đại sư cất lên lần đầu vào cuối thế kỉ 18 đến khoảng năm 1840 - 1841, Phật tử và nhân dân quanh vùng chung lo xây dựng ngôi Bửu Hưng Tự. Năm Tân Hợi (1920), chùa được trùng tu với lối kiến trúc uy nghi bề thế dạng chữ khẩu. Sau trận ném bom của Pháp vào năm 1947, chùa bị hư nặng, hậu tổ bị sập mất một phần. Mãi đến năm 1950, nhân dân trong vùng quyên góp tiền của dựng lại nhà Tổ, nhưng các hàng cột chính vẫn bị nghiêng.

Năm 2002, Bửu Hưng Tự được tu sửa lớn, nền lát gạch men, mái lợp ngói lưu ly. Đồng thời vẫn giữ nguyên gốc các cột kèo, phù điêu, chạm khắc...

Năm 2008, từ nguồn kinh phí chống xuống cấp di tích, Bộ Văn hóa - Thông tin đã cấp 850 triệu, số còn lại nhà chùa tự vận động Phật tử (trong đó có 2 Phật tử từng ở chùa tu tập, hiện là Việt kiều tại Mỹ). Lần này, chủ yếu trùng tu mái của ngôi chánh điện và lát nền bằng gạch tàu (gốm Hạ Long) cho phù hợp với một ngôi chùa cổ.

Năm 2009, Bộ Văn hóa - Thông tin lại cấp thêm 350 triệu để trùng tu tượng Phật A - Di - Đà và một số tượng Phật nhỏ... Tượng Phật A - Di - Đà bằng gỗ cao 1,8 m, ngang

1,3 m, tương truyền vua Minh Mạng ban tặng vào năm 1821. Đến nay, tượng đã mục, yêu cầu trùng tu đảm bảo nguyên trạng theo tượng gốc và tuổi thọ kéo dài khoảng 100 năm.

Hướng tới, Bảo tàng Đồng Tháp đồng ý cho chùa xây dựng mới tháp chuông; sửa chữa toàn bộ cửa gỗ, hệ thống cột, xà (do bị mối mọt hoặc xiêu vẹo) thì đắp lại từ nguồn kinh phí của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Riêng hàng rào bảo vệ chung quanh chùa, nhà phụ, nhà bếp...được xây dựng bằng vốn xã hội hóa. Hiện tại, Khu di tích kiến trúc nghệ thuật Bửu Hưng Tự nằm riêng lẻ xa trục giao thông chính (QL80) nên khó gắn kết với các di tích khác, với các làng nghề truyền thống trong vùng. Ngày thường, khách thập phương lễ tề đến cúng viếng chùa. Khách đến tập trung (chủ yếu là tại địa phương) vẫn là vào ngày Phật đản (15/4 âm lịch), các ngày rằm, ngươn: 15/1 âm lịch, 15/7 âm lịch. Đặc biệt, lễ Vu Lan được linh động tổ chức theo ngày giỗ tổ Chơn Minh vào 2 ngày 28 - 29 tháng 7 âm lịch (thay vì ngày Rằm tháng 7 âm lịch). Lễ cúng này thường có số người dự đông nhất (khoảng 1.000 người).

Từ khi huyện Lai Vung đầu tư xây dựng con đường Cái Chanh dài trên 5 km, rộng 5m từ thị trấn Lai Vung (QL80) vào đến ngã tư Cái Cát, xe 4 bánh lưu thông dễ dàng. Sắp tới huyện lộ số 4 nối xã Vĩnh Thới (sông Hậu), qua cầu ông Hộ, thị xã Sa Đéc (sông Tiền), với mặt lộ rộng 7,5 m được tỉnh, huyện kết hợp đầu tư. Khách đi lại dễ dàng và chùa Cái Cát nằm trên ngã Tư giữa 2 con đường kể trên.

Điều đó, cho thấy những mặt hạn chế của di tích này sắp tới sẽ được khắc phục và mở ra hướng phát huy tác dụng trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng.

- Qua tìm hiểu và đi vào chi tiết các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp, tác giả rút ra một số đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, đã đánh dấu thời khăn hoang của cư dân người Việt tại tỉnh Đồng Tháp nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Thứ hai, là nơi ghi lại những chiến công hiển hách của cha, ông trong chống giặc ngoại xâm thời phong kiến cũng như trong chống Pháp, chống Mỹ...

Thứ ba, gắn với những địa danh tiêu biểu của một vùng đất, của tỉnh, của huyện. Ví dụ: Di tích lịch sử văn hóa - khảo cổ Gò Tháp gắn với địa danh Đồng Tháp Mười, Tháp Mười, Đồng Tháp. Di tích lịch sử Đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn

Năng (xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp) gắn với địa danh Đốc Vàng Thượng, Đốc Vàng Hạ...

Là chỗ dựa về mặt tâm linh cho các cộng đồng cư dân (người Việt, người Hoa) trong tâm thức tìm về cội nguồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đi xa hơn là cố kết cộng đồng dân cư trong tỉnh, tại địa phương, tại khu vực...

Hiểu rõ đặc điểm từng di tích, đây mới chỉ là điều kiện “cần” chứ chưa phải là “đủ”. Điều kiện “cần” và “đủ” khi tìm hiểu và nhận thức một cách sâu sắc tình hình bảo tồn, tôn tạo như thế nào để phát huy tác dụng các di tích lịch sử - văn hóa này.

Nhìn chung, mỗi loại hình di tích đều có đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh riêng. Tuy nhiên, những tiềm năng này chưa được đầu tư khai thác mạnh và còn một số hạn chế về vấn đề bảo tồn, tôn tạo nên chưa phát huy được giá trị lịch sử - văn hóa vốn có của nó. Vì vậy, chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm vào việc phát huy giá trị lịch sử - văn hóa các di tích này, một mặt bảo tồn những giá trị văn hóa tinh thần vô giá mà người xưa để lại cho hôm nay, góp phần củng cố và phát triển trong nhân dân lòng tự hào dân tộc đồng thời phát triển tiềm năng du lịch. Đây là một trong những điểm mới cho ngành du lịch Đồng Tháp.

Tuy nhiên, bên cạnh cũng có một số khó khăn, chẳng hạn như: vì họ sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của họ do khoanh vùng bảo vệ di tích sẽ đụng chạm đến quyền sở hữu đất đai và cuối cùng là khi xây dựng vướng các thủ tục hành chính, và một số vấn đề khác cũng không kém phần nan giải. Từ những thuận lợi, khó khăn vừa nêu, có thể đề xuất một số giải pháp để tháo gỡ:

2.2. Những nhóm giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng các khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp

2.2.1. Giải pháp chung

2.2.1.1. Đối với các cấp lãnh đạo và các ngành chức năng

- Từ trước tới nay, các cấp lãnh đạo trong chính quyền cũng như các ngành chức năng đã có ý thức bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa trong tỉnh. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, cần nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ

lãnh đạo trong chính quyền cũng như các ngành chức năng để có đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ và có tầm nhìn chiến lược để chỉ đạo đúng đắn đối với vấn đề tôn tạo và phát huy giá trị các di tích. Bên cạnh việc nâng cao nhận thức, cần giao lưu học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, chẳng hạn như thông qua hợp tác trao đổi về văn hóa giữa các vùng miền trong cả nước và các quốc gia khác, việc giới thiệu văn hóa về đất - người Đồng Tháp với các vùng miền nói riêng, Việt Nam nói chung, qua đó góp phần nâng cao kiến thức, năng lực và kỹ năng công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa cơ sở, tranh thủ được nhiều nguồn lực viện trợ cho sự nghiệp phát triển văn hóa – lịch sử. Đặc biệt là đầu tư phát triển các di tích, quảng bá thương hiệu với cả nước và các nước trên thế giới.

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về các di tích được xếp hạng. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn là tuyên truyền, giáo dục về công tác bảo vệ di tích. Ban quản lý và nhân dân địa phương nơi có di tích được sinh hoạt, học tập về luật di sản, bảo vệ văn hóa (nắm các văn bản pháp lý, nghe nói chuyện trực tiếp về di tích tại chỗ, hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng). Tránh phiền hà về thủ tục lập hồ sơ, bảo quản và tôn tạo di tích, kịp thời giải quyết tình trạng di tích bị xâm hại, tệ nạn xã hội phát sinh...Giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể tại các điểm di tích theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”

- Cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, Sở Văn hóa Thể thao và Du Lịch với Ban Quản Lý các di tích. Hiện nay, có một số di tích tách khỏi Bảo tàng hoặc chưa được sự quan tâm của Bảo tàng Tỉnh nên hoạt động thiếu sự đồng bộ, mang tính tự phát. Cho nên, chưa khai thác hết thế mạnh cũng như mở rộng qui mô tổ chức của các di tích. Do đó, phải có sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực của ngành nghiên cứu lịch sử, văn hóa và du lịch. Lực lượng cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao, du lịch ở cơ sở cần phải được củng cố để làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, nhưng cũng cần sự phối hợp với Ban Quản Lý di tích.

Mặt khác, quản lý và sử dụng có hiệu quả sự đầu tư của Nhà nước cho các hoạt động văn hóa. Chú trọng đầu tư và quy hoạch hợp lý cho từng dự án đối với các di tích. Tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, có kế hoạch chi tiết, cụ thể, rà soát, phân loại từng loại hình di tích để đầu tư có hiệu quả và chỉ đạo đúng hướng. Hiện nay, các di tích thờ các vị anh hùng dân tộc và các di tích thuộc lĩnh vực kiến trúc nghệ thuật được đầu tư mạnh, ngược

lại các di tích lịch sử cách - mạng chưa được chú trọng chỉ đơn thuần là đài tưởng niệm ghi danh những anh hùng liệt sĩ ... Vì vậy, chưa phát huy đúng mức tiềm năng của các di tích này.

- *Kết hợp đồng bộ giữa phát triển Khu di tích với du lịch. Nhưng, đồng thời chú trọng bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống.* Du lịch góp phần tạo ra khả năng hỗ trợ đắc lực cho việc bảo tồn giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, và ngược lại, các giá trị văn hóa thu hút mạnh mẽ khách tham quan. Đây là một xu hướng phổ biến hiện nay. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rằng, Khu di tích khác với Khu du lịch. Không nên xem di tích như thứ hàng hóa và khai thác nó một cách thiếu tổ chức, thiếu tính chuyên môn.

- *Nâng cấp xây dựng các tuyến đường liên thông giữa các di tích tạo nên sự kết nối “tua” du lịch liên tỉnh.* Muốn phát triển du lịch, trước hết phải xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh và nơi lưu trú du lịch. Hệ thống giao thông thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho các loại xe đến các di tích dễ dàng hơn. Vì vậy, tập trung cải tạo và mở rộng các tuyến đường liên tỉnh và nội tỉnh, phát triển giao thông nông thôn. Đặc biệt là các tuyến quốc lộ 80, 30, 54, đảm bảo thông xe dễ dàng giữa các huyện, thị trong tỉnh Đồng Tháp nói riêng và đồng bằng Sông Cửu Long nói chung.

Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng mở rộng giao thông đường thủy để giảm bớt tình trạng ùn tắc giao thông, tạo mọi điều kiện cho du khách tham quan du lịch trên sông nước.

Về cơ sở lưu trú, cần tiến hành nghiên cứu, dự báo về lượng khách và công suất trước khi tiến hành xây dựng các cơ sở lưu trú để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Nhà lưu trú nên xây dựng mô phỏng theo kiến trúc ở địa phương, đảm bảo sự hài hòa, gây được ấn tượng cho khách về tính đặc trưng bản địa.

- *Thường xuyên kiểm tra giám sát và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm văn hóa và phi văn hóa, phản văn hóa, trái với thuần phong mỹ tục dân tộc.*

Chính quyền địa phương các cấp, quản lý chặt chẽ việc quy hoạch sắp xếp các dịch vụ, các hoạt động vui chơi giải trí hợp lý, tạo điều kiện để nhân dân địa phương có thêm thu nhập, nhưng bảo đảm tính văn hóa trong các hoạt động này, không để nảy sinh các hoạt động tiêu cực, đánh mất bản sắc văn hóa và mục đích tốt đẹp.

- Tiến hành qui hoạch xây dựng tổng thể toàn tỉnh trên cơ sở 09 di tích cấp quốc gia là điểm nhấn, hình thành nên những “vệ tinh” xung quanh với các dịch vụ bổ sung vì

chúng ta nên hiểu rằng chính các “vệ tinh” này mới mang lại nguồn thu lớn từ khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài, còn các điểm di tích chỉ là điểm thu hút khách. Tuy nhiên, những dịch vụ bổ sung này cần được đảm bảo rằng không phá đi nét văn hóa, tín ngưỡng truyền thống vốn có tại các điểm di tích vì đó là một nét đặc trưng riêng biệt, nếu những nét văn hóa này mất đi thì di tích không còn hấp dẫn nữa, khách du lịch sẽ không đến. Ngược lại, nó phải thực sự trở thành một hệ thống có thể liên kết được tất cả các điểm di tích, danh lam thắng cảnh trong tỉnh, mà chủ yếu ở đây muốn nói đến là các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp.

- Ngoài ra, công tác quảng bá hình ảnh các khu di tích là một vấn đề khá quan trọng cần quan tâm đầu tư đúng mức với các hình thức quảng bá thông qua các tạp chí, báo, đài, thông tin đại chúng...Đặc biệt, cần quan tâm đến công tác tiếp thị du lịch với hình thức mới có thể tạm gọi là “marketing di tích”. Để làm được điều này, cần có sự liên kết chặt chẽ của các cấp lãnh đạo và các ngành chức năng với các cơ quan chuyên môn, cụ thể là các công ty du lịch trong và ngoài tỉnh, trong khu vực hay ở TP Hồ Chí Minh và các công ty tổ chức sự kiện trong và ngoài nước.

2.2.1.2. Đối với nhân dân và cư dân quanh khu vực có di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

- *Tôn trọng và giữ gìn các giá trị lịch sử - văn hóa.* Nhân dân địa phương phải có ý thức và trách nhiệm bảo vệ các giá trị truyền thống. Kiên quyết chống lại các hành vi xâm hại đến các di tích. Nhưng trước hết, Ban quản lý di tích kể cả các nhân viên trong di tích thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nhân dân có ý thức thói quen, tình cảm bảo vệ và gắn bó với di tích tại chỗ.

- *Khuyến khích các hoạt động về nguồn:* các em học sinh, đặc biệt là các trường học ở gần di tích nên thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt ngoại khóa hoặc dạy lịch sử địa phương tại thực địa, đồng thời làm vệ sinh chăm sóc môi trường xung quanh di tích. Đây là hành động giáo dục có hiệu quả và thực tế nhất đối với thế hệ trẻ.

Ngoài ra, sức dân còn là một kho tàng văn hóa dân gian vô tận. Trên nền tảng khuyến khích những sáng tạo mới, bổ sung vào phần hội trong sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng.

- *Khai thác nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân*: giữ gìn các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và khuyến khích sự sáng tạo của nhân dân trong các hoạt động văn hóa. Khai thác những kinh nghiệm, kiến thức cử hành, nghi lễ còn tiềm ẩn trong dân gian, góp phần phục dựng, bảo tồn những giá trị truyền thống, các tập tục cổ truyền tốt đẹp. Thông qua đó, người dân hướng tới những sinh hoạt văn hóa lành mạnh, phấn khởi, tích cực hăng hái thi đua lao động sản xuất, thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm và sự cố kết cộng đồng.

- *Huy động sức dân địa phương quay lại phục vụ nhân dân*. Nguồn lực ấy không cứ phải là kinh phí, mà có thể là công sức, trí tuệ, sự tham gia tích cực... một cách tự nguyện của nhân dân. Sức dân ở đây là sự nhiệt tình trong phục vụ nấu nướng hay nói cách khác, mỗi hộ gia đình ở địa phương là một cơ sở dịch vụ nghỉ ngơi, ăn uống cho khách tham quan du lịch. Như vậy, sẽ giảm đi tình trạng tập trung lưu trú đông người ở quanh di tích làm ô nhiễm môi trường, mà còn tạo điều kiện tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình. Không dừng lại ở đó, mỗi gia đình là tuyên truyền viên làm công tác hướng dẫn, quảng bá về di tích, vì không ai hiểu nơi đây bằng dân địa phương. Là giám sát viên đặc lực đối với các phần tử gây rối và kịp thời báo với chính quyền địa phương, Ban Quản Lý di tích.

2.2.2. Giải pháp cụ thể cho từng nhóm di tích

2.2.2.1. Nhóm di tích lịch sử - khảo cổ

- *Quy hoạch và hệ thống hóa các loại hình dịch vụ bằng cách xã hội hóa*. Điều này không chỉ đảm bảo lợi ích của nhân dân mà còn giải quyết được vấn đề trật tự, trị an cũng như thể hiện được nét văn hóa, văn minh của lễ hội.

Lễ hội hội tụ cư dân trong vùng và là hình ảnh thu nhỏ đời sống lao động, sinh hoạt, tín ngưỡng của một cộng đồng dân cư, từ lâu đã trở thành sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong đời sống mỗi người dân Việt Nam. Tuy nhiên, tính cộng đồng trong tổ chức bị xem nhẹ dẫn đến giảm sức lôi cuốn trong sinh hoạt văn hóa. Xã hội hóa các hoạt động lễ hội thực chất là đa dạng hóa chủ thể tham gia tổ chức, điều hành, bao gồm các lực lượng xã hội, tập thể, cá nhân, theo sự hướng dẫn, quản lý chung của cơ quan chức năng. Xã hội hóa lễ hội mang lại nhiều lợi ích, nhất là trong việc huy động được nguồn lực xã hội, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước.

Dù lễ hội cổ truyền hay hiện đại, xã hội hóa đã thực sự mang lại một sức sống mới cho các lễ hội. Nhưng do hiểu chưa thấu đáo hoặc vận dụng máy móc, việc xã hội hóa đã đi ngược lại. Bản thân từ “xã hội hóa” hiện nay bị sử dụng tràn lan, với ngữ nghĩa chưa chuẩn xác. Xã hội hóa đúng nghĩa là quá trình con người liên tục tiếp thu văn hóa vào nhân cách của mình, hòa nhập, thích nghi. Trong khi đó, “xã hội hóa” theo nghĩa chúng ta đang sử dụng phổ biến, tức là huy động sự đóng góp của xã hội. Các doanh nghiệp đóng góp kinh phí tham gia lễ hội, phải tính đến hiệu quả kinh tế có lợi nhuận tức thời từ các dịch vụ hưởng lợi trực tiếp ở lễ hội hoặc lợi nhuận vô hình từ việc quảng bá, khuếch trương hình ảnh thương hiệu. Đây là điều tất yếu trong kinh tế thị trường. Một số doanh nghiệp chi phối và can thiệp sâu, dẫn đến việc lạm dụng quảng bá quá mức, nặng về thương mại, cắt xén bớt phần lễ hoặc phần hội, vốn là yếu tố chính, không ít trường hợp trở thành quảng cáo trá hình núp bóng lễ hội. Sự lệch lạc chính là tổ chức lễ hội với cái nhìn văn hóa ở góc độ kinh doanh, không chú ý đến văn hóa là một giá trị.

- *Chú trọng đúng mức sự kết hợp giữa lễ hội, Khu di tích và du lịch.* Du lịch có tác động rất lớn đến văn hóa - xã hội. Nó góp phần củng cố và gắn kết cộng đồng, nâng cao giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao lòng tự hào dân tộc. Du lịch phần nào sẽ tạo ra khả năng hỗ trợ đắc lực cho việc bảo tồn các di tích lịch sử - khảo cổ tại Khu di tích. Hơn nữa, đẩy mạnh phát triển du lịch tại các di tích này sẽ tạo ra nhiều cơ hội, việc làm cho người dân địa phương. Vì vậy, phát triển du lịch kết hợp với lễ hội và bảo tồn Khu di tích là một giải pháp tốt nhằm đưa di tích phát triển đúng tiềm năng của nó. Đây là một xu hướng phổ biến hiện nay. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rằng, Khu di tích khác với du lịch. Không nên xem di tích như thứ hàng hóa và khai thác nó một cách thiếu tổ chức, thiếu tính chuyên môn. Một minh chứng cụ thể là việc xây miếu tại mộ Hoàng Cô (Khu di tích Gò Tháp) là không nên, vì đây thực chất là làm mới di tích. Trên thực tế, ngôi mộ này chưa có những cơ sở khoa học để xác định chính xác tên gọi của nó.

- *Cần chú trọng hơn công tác tổ chức, quản lý.* Đề văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là động lực của sự phát triển bền vững, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cần có biện pháp tốt trong các khâu tổ chức, quản lý. Tăng cường công tác quản lý đối với các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí... Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động dịch vụ văn hóa, phối hợp với các ngành chức năng, các lực lượng kiểm soát chặt chẽ các sản

phẩm văn hóa du nhập từ bên ngoài dưới mọi hình thức. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ văn hóa. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp đủ năng lực và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ. Tiến hành rà soát, tăng cường công tác quản lý để việc tổ chức lễ hội ngày càng khoa học, có ý nghĩa. Phục hồi những trò chơi dân gian truyền thống gắn với việc xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, bảo vệ công trình di tích lịch sử - văn hóa, giữ gìn vệ sinh môi trường gắn với việc tổ chức lễ hội vừa tiết kiệm, vừa có ý nghĩa sâu sắc.

Trước hết tạo công ăn việc làm cho lao động tại chỗ, đồng thời giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ di tích, giữ gìn vệ sinh môi trường của nhân dân tại địa phương, cũng như khách tham quan du lịch, dự lễ hội...

- *Cần có kế hoạch chi tiết, cụ thể về việc tổ chức lễ hội.* Đây là vấn đề cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và có các bước thử nghiệm để định hình các nghi lễ và các hoạt động hội, đặc biệt là các loại hình lễ hội mới. Chính quyền địa phương các cấp quản lý chặt chẽ việc quy hoạch sắp xếp các dịch vụ, các hoạt động vui chơi giải trí hợp lý, tạo điều kiện để nhân dân địa phương có thêm thu nhập, nhưng vẫn đảm bảo tính văn hóa trong các hoạt động này không để nảy sinh các hiện tượng tiêu cực, đánh mất bản sắc văn hóa và mục đích tốt đẹp của lễ hội. Khai thác nguồn lực các tổ chức cá nhân, khuyến khích sự sáng tạo của nhân dân trong hoạt động văn hóa lễ hội. Khuyến khích các nhà đầu tư, nhất là các kiều bào ở nước ngoài đầu tư, tôn tạo các di tích và tham gia hoạt động tổ chức lễ hội lớn để hướng đồng bào về với nguồn cội, tổ tiên. Sử dụng nguồn thu từ lễ hội đúng mục đích, phục vụ tốt công tác bảo tồn di tích và hoạt động lễ hội.

- *Làm phong phú hơn các giá trị mới trong lễ hội.* Khuyến khích những sáng tạo mới trên nền truyền thống để luôn luôn có cái mới gắn với nhịp sống văn hóa của thời đại làm vững bền hơn truyền thống, làm cho lễ hội thêm sức sống mới, phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Nhưng, tựu trung là, thứ nhất phải “*Tinh*”: nghĩa là phải phù hợp với đặc điểm của địa phương, vùng, miền, dân tộc, tôn giáo... Thứ hai, phải “*Giản*”: tổ chức gọn, nhẹ, an toàn và chu đáo. Thứ ba, phải “*Kiệm*”: tiết kiệm thời gian, sức người, sức của và tiền bạc, tránh phô trương hình thức lãng phí. Thứ tư, là “*Lạc*”: vui tươi, lành mạnh, thiết thực và bổ ích.

- *Đầu tư nghiên cứu, qui hoạch nâng cấp lễ hội.* Điển hình là lễ hội Gò Tháp . Đây là một lễ hội văn hóa - tín ngưỡng có sức ảnh hưởng với người dân cả đồng bằng Sông Cửu Long. Tuy nhiên, lễ hội chỉ mới dừng lại ở mức độ là một lễ hội cấp tỉnh, thời gian diễn ra ngắn, hoạt động hội chưa thật sự hấp dẫn cả về hình thức lẫn qui mô. Cần có sự đầu tư, nghiên cứu tham khảo một số lễ hội như vía Bà Chúa Xứ (Núi Sam - Châu Đốc) lễ hội núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Nguyễn Trung Trực ở (Rạch Giá), lễ hội Trần Văn Thành (An Giang) ... xa hơn là lễ hội Hương Tích (Ninh Bình), lễ hội Bà Chúa Kho (Bắc Ninh)...để tìm ra được mô hình tổ chức thích hợp, từ đó, định hướng cho lễ hội hàng năm.

- *Tránh các hình thức cờ bạc, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác tồn tại.* Các trò chơi dân gian ở nhiều lễ hội bị lợi dụng, biến tướng thành cờ bạc, đi liền với đó là tình trạng mất an ninh trật tự. Những biến dạng trên, đã làm giảm ý nghĩa của các di tích, đặc biệt trong các kì lễ hội, vốn là hoạt động văn hóa hướng cộng đồng tới sinh hoạt lành mạnh. Bên cạnh đó, còn có hiện tượng “đồng bóng” do sự tự phát của nhân dân địa phương và khách hành hương. Thiết nghĩ là cư dân địa phương, chúng ta cần phải tuyên truyền, vận động khách từ phương xa phân biệt giữa tín ngưỡng và mê tín dị đoan. Phải luôn linh hoạt, chủ động trong việc bày trừ các tệ nạn xã hội ở xung quanh di tích.

- *Xây dựng lễ hội thành sản phẩm văn hóa đặc trưng.* Muốn xây dựng sản phẩm Du lịch - văn hóa không thể thiếu một trong 3 yếu tố: lễ, hội và mua sắm mang tính đặc trưng. Để xây dựng lễ hội trở thành sản phẩm du lịch văn hóa - tín ngưỡng cần phải nâng cao và mở rộng hơn chương trình hoạt động trước - trong - sau thời gian diễn ra lễ chính. Hoạt động “lễ” cần nâng tính qui mô lớn hơn, tạo điều kiện để lượng người được tham dự nhiều hơn, và thu hút mạnh mẽ đối với khách phương xa. Hoạt động “hội” tạo thêm nhiều sân chơi văn hóa hấp dẫn, tổ chức nhiều điểm nhiều nơi. Tổ chức hội chợ thương mại phối hợp nhiều hoạt động vui chơi giải trí nhằm vào đối tượng là khách du lịch không chỉ ở phạm vi hẹp ở xã, huyện mà phải kết hợp với các tuyến nội tỉnh và liên tỉnh.

Trong thời gian tới, tuyến nổi Đồng Tháp - Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng bằng Sông Cửu Long, Đồng Tháp - Campuchia được thông suốt chính thức càng có nhiều điều kiện, nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn đặc trưng, khách càng dễ dàng tham gia vào lễ hội, thỏa mãn nhu cầu tâm linh là hành hương và cúng viếng.

Nguồn lợi từ Du lịch - văn hóa là nguồn lợi sẵn có, tương đối dễ khai thác, đầu tư ít tốn kém và góp phần không nhỏ vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc. Việc thiết kế “tua”- tuyến - điểm du lịch phục vụ cho khách, kết nối các công ty lữ hành trong nước, kết hợp chặt chẽ với các cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, tuyên truyền sâu rộng và khai thác triệt để nguồn khách của lễ hội. Công tác quảng bá, xúc tiến cần được đầu tư đẩy mạnh tạo thành “Sự kiện lễ hội”, thành tiếng vang trên các vùng, miền bằng tất cả các phương tiện thông tin hiện đại. Số lượng khách ngày càng tăng vì yếu tố tâm linh của lễ hội kết hợp nhu cầu tham quan, du lịch và nghiên cứu các giá trị văn hóa. Đây là dịp thuận lợi để mở rộng mối liên kết các tuyến du lịch nội tỉnh, “tua” du lịch tổng hợp. Với nền tảng sẵn có về sức hút tâm linh, lượng khách truyền thống, qui mô hoạt động lễ hội hội tụ đủ các điều kiện để xây dựng thành một sản phẩm du lịch - văn hóa. Đây là nguồn lợi kinh tế du lịch to lớn và bền vững nếu như được quan tâm đầu tư đúng mức.

Để đạt được điều này, lễ hội không thể thiếu được một trong 3 yếu tố: lễ, hội, mua sắm và tạo được ba vành đai văn hóa - kinh tế: vòng trong mang nội dung truyền thống thiêng liêng là cúng viếng nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh; vòng giữa với hoạt động văn hóa - xã hội đem lại cho người dân và du khách dịp vui chơi, giải trí, đặc biệt là hoạt động sân khấu hóa; vòng ngoài mang nội dung kinh tế là việc mở hội chợ ăn theo lễ hội, buôn bán sản phẩm đặc trưng của địa phương để lưu niệm, góp phần quảng bá hình ảnh về di tích lịch sử - văn hóa. Với ba vành đai trên, lễ hội sẽ là điểm đến ngày càng trở nên hấp dẫn đối với du khách. Nhưng phát triển phải đi đôi với bảo tồn. Có như vậy, việc xây dựng nâng cấp lễ hội mới thu hút được khách du lịch. Đây là vấn đề cần có chiến lược phát triển lâu dài, đúng hướng và đặc biệt là phải có sự tham gia của các ngành chuyên môn, của cộng đồng dân cư địa phương.

Tại Khu di tích Gò Tháp tuy sức hút tâm linh là thế mạnh để khai thác lễ hội, thế nhưng gần đây, người dân địa phương và các du khách tham gia đã biến hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian thành hiện tượng “đồng bóng”. Một minh chứng cụ thể là ở lễ hội vía Bà Chúa Xứ ở Gò Tháp, với “linh căn” của ông hổ, công chúa nhập xác trước mộ Hoàng Cô và mộ Đốc binh Kiều, trong miếu Bà Chúa Xứ và nó trở nên khá phổ biến trong mỗi kì lễ hội. Đây là vấn đề tưởng chừng như đơn giản, nhưng rất phức tạp và

tế nhị. Nếu quản lí cứng rắn trong vấn đề trên thì lại làm giảm tính “dân gian” trong lễ hội, và làm mất đi cái “chất” của một lễ hội còn mang tính tự phát của nhân dân. Trước thực trạng này, cần có sự quản lí chặt chẽ và hợp lí của Ban Quản Lí di tích nói chung và Gò Tháp nói riêng. Khôi phục lại nét sinh hoạt văn hóa dân gian trong lễ hội, đang còn trong dạng tiềm năng và khai thác như thế nào? vẫn đang là một vấn đề đặt ra cho các di tích, cần có sự kết hợp giữa Ban Quản Lí di tích với ngành Văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh và các cơ quan chuyên môn để mở rộng qui mô lễ hội không chỉ ở khu vực Đồng Tháp mà cả đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn.

2.2.2.2. Nhóm di tích lịch sử cách mạng

- *Tiến hành qui hoạch xây dựng và mở rộng qui mô các di tích.* Thực tế cho thấy, các di tích Vụ Thảm Sát ở Bình Thành, Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung thì Ban Quản Lí di tích chưa được xây dựng hoàn chỉnh, chưa có nhà trưng bày hay đội ngũ thuyết minh viên phục vụ du khách. Bên cạnh đó, thiếu các loại hình dịch vụ để kéo dài thời gian ở lại của du khách, tận dụng các hoạt động dã ngoại ngoài trời, cắm trại đêm... Vì vậy, tổ chức Ban Quản Lí, đầu tư xây dựng nhà trưng bày và các hạng mục khác có tính chất phục dựng quá trình hình thành, phát triển các di tích, một mặt giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống phục vụ tham quan, học tập, nghiên cứu, nhất là sinh viên và học sinh. Mặt khác, thu hút sự đầu tư về các loại hình dịch vụ tại di tích, quảng bá thương hiệu, thu hút ngày càng đông đảo du khách nước ngoài tham quan, nghiên cứu.

Đối với Khu tưởng niệm ngành giao thông liên lạc, mặc dù có nhà trưng bày và thuyết minh viên, nhưng đang hoạt động cùng với bưu điện xã, cho nên không phát huy đúng giá trị của nó. Tách riêng và xây dựng mới Ban Quản Lí di tích là việc làm cần thiết, đồng thời khôi phục lại phòng phát minh vô tuyến điện đầu tiên để làm nơi nghiên cứu học tập cho sinh viên - học sinh. Không dừng lại ở đó, nâng cấp nơi bảo tồn thành nơi phát minh nghiên cứu và là điểm thực tập dành cho sinh viên.

- *Chú trọng bảo tồn, giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống.* Đây là một vấn đề có ý nghĩa lâu dài. Ở Khu di tích Xẻo Quít, mặt cần quan tâm khắc phục là Ban Quản Lí nơi đây có phần nặng nghiêng về du lịch hơn tuyên truyền, giáo dục truyền thống. Ngay việc khắc chữ ở cổng vào là “Khu du lịch Xẻo Quít” thay vì là “Khu di tích Xẻo Quít” phần

nào nói lên ý thức đó. Việc xây dựng cổng chào, bờ kè...bằng bê tông, mà không khai thác thế mạnh là cây lá tại chỗ, vừa đậm chất cảnh quan thôn dã, tươi mát, hấp dẫn hơn là bê-tông cốt thép, sơn trắng lóa mắt. Khu di tích cần xây dựng riêng nhà trưng bày (hiện ghép chung với nơi làm việc), sản xuất nhiều mặt hàng mỹ nghệ cho khách mua về làm quà kỷ niệm, in những tờ bướm, tờ xếp viết ngắn gọn lịch sử Khu di tích; đào tạo thật tốt đội ngũ thuyết minh và cả những cô gái bơi xuồng đưa khách cũng là thuyết minh viên; đặc biệt phải có một số thuyết minh viên giỏi Anh ngữ, giới thiệu với khách nước ngoài. Hiện đại hóa, nhưng không làm mất đi cảnh quan thiên nhiên vốn có của Khu di tích.

- *Cần xây dựng Ban Quản Lý, nhà trưng bày các hiện vật và bố trí đội ngũ thuyết minh viên cho các di tích lịch sử - cách mạng.* Hiện nay, một số di tích như: Vụ Thảm Sát ở Bình Thành, Gò Quản Cung - Giồng Thị Đam, Khu tưởng niệm ngành giao thông liên lạc chưa có sự quan tâm phát triển nên không thu hút nhiều khách tham quan, du lịch. Hay nói cách khác, nếu chỉ đơn thuần là việc tuyên truyền cho thế hệ trẻ về sự hào hùng dân tộc mà cha anh ta đã để lại, thì cũng cần xây dựng hay phục chế lại hiện vật, và đội ngũ thuyết minh viên là người tường thuật làm cho hiện vật vô tri tái hiện lại một giai đoạn lịch sử nhất định. Chính vì vậy, đây là việc cần bắt tay làm kịp thời mới có thể phát huy đúng tiềm năng của loại hình di tích lịch sử - cách mạng.

2.2.2.3. Nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật

- *Tôn tạo xây dựng di tích, nhưng không làm mất đi nét kiến trúc nghệ thuật cổ xưa của nó.* Đối với các công trình kiến trúc nghệ thuật, bảo tồn và tôn tạo là một bài toán khó. Bởi lẽ, chúng ta không thể dùng lối nghệ thuật nay mà gán ghép cho xưa, nhưng nếu muốn trùng tu giữ nguyên hiện trạng thì lại cần chuyên gia. Chính vì vậy, Ban Quản Lý cần có cái nhìn khách quan để việc bảo tồn và tôn tạo có hiệu quả và phát huy đúng giá trị của nó.

Nâng cao và tạo sự chuyển biến nhận thức cho các thành viên trong di tích. Tri thức và nhận thức là một yếu tố không thể thiếu đối với các Phật tử. Bởi vì, có tri thức sẽ giúp cho việc tuyên truyền giáo lý Phật pháp đạt hiệu quả cao trong vấn đề giáo dục con người hướng đến cái thiện. Thứ hai, có tri thức giúp cho họ có khả năng tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng các nguồn vốn được quyên góp từ xã hội hóa cũng như nhiều nguồn vốn hỗ

trợ đầu tư của nhà nước, và vận dụng nó vào việc bảo tồn xây dựng mới, nhưng không làm mất đi nét cổ xưa của các công trình kiến trúc nghệ thuật nơi đây. Thứ ba, họ luôn có một tầm nhìn sâu, rộng trong thời kì hội nhập về phát triển du lịch và bảo tồn di tích.

- *Xây dựng thêm cơ sở hạ tầng để phục vụ khách tham quan du lịch, nghiên cứu.*
Hiện nay, phần lớn là chùa chiền ít được quan tâm đầu tư xây dựng để phục vụ khách tham quan, nghiên cứu chẳng hạn như xây dựng nhà nghỉ, nhà hàng có đủ các món chay, mặn (được sắp xếp hài hòa, trật tự) mang tính dân gian Nam Bộ nói chung, miền Tây nói riêng. Nhưng, cũng cần chú ý là phải dành một khu riêng để phục vụ khách lưu trú. Tuy nhiên, cũng không nên quá xa khu di tích, như vậy chúng ta có thể kéo dài thời gian lưu trú của du khách tham quan, đặc biệt là dành cho đối tượng sinh viên, học sinh và các nhà nghiên cứu.

Đối với Kiến An Cung, đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật Hoa - Việt. Có thể nhân ngày vía tại chùa hàng năm, chúng ta có thể tổ chức những cuộc thi vẽ tranh thủy mặc, làm thơ, viết câu đối. Đây cũng là cách khôi phục lại nét văn hóa mà đường nét nghệ thuật đều thể hiện rõ ở đây. Bên cạnh đó, xây dựng thêm nhà thuốc nam, bốc thuốc khám bệnh hoặc các hình thức châm cứu, trị bệnh bằng các bài thuốc dân gian.

Nhìn một cách tổng quát, đối với bất kì một loại hình di tích nào cũng cần **nâng cao nhận thức của Ban quản lý khu di tích được xếp hạng**: Di tích được xếp hạng là để giới thiệu, truyền bá sự khai hoang mở cõi, truyền thống yêu nước của cha ông, giữ gìn được kiến trúc gốc. Nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ, trùng tu phát huy giá trị của di tích...chứ không phải để được Nhà nước đầu tư kinh phí nhiều, tạo nguồn thu nhiều từ khách tham quan, du lịch.

KẾT LUẬN

Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trong tình hình phát triển kinh tế hiện nay là một vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội. Sự nghiệp bảo tồn ngày càng được phát huy và có sự mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước trong khu vực, điều đó khẳng định, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích ngày càng được chú trọng.

Mọi người đều nhận thức rằng, một khi các giá trị văn hóa bị hủy hoại thì không bất kì một tài khoản chính nào, cho dù có lớn đến đâu và những bộ óc thông minh đến mấy cũng không thể làm lại được. Một sự thật hiển nhiên là giờ đây với khoa học, công nghệ phát triển, người ta có thể xây những công trình cao ốc chọc trời, nhưng không thể tạo ra một đình cổ khi nó bị mất đi. Mặt khác, đầu tư cho các di tích lịch sử - văn hóa không tốn kém như đầu tư cho các dự án xây dựng nhà máy, xí nghiệp, song lại có thể khai thác lâu dài, mãi mãi. Công nghệ tiên tiến sẽ đến lúc lạc hậu, nhưng những di tích có giá trị lịch sử - văn hóa tuổi thọ càng cao càng giá trị và hấp dẫn.

Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện nay, các di tích lịch sử - văn hóa nói chung và ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng, vẫn còn ở dạng tiềm năng chứ chưa được khai thác để phát huy thế mạnh. Cho nên, rất cần sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, ban quản lý di tích, để có thể đưa các di tích về đúng giá trị của nó.

Trong quá trình đổi mới, mở cửa, giao lưu hội nhập hiện nay của đất nước, nhất là trong giai đoạn công nghiệp hóa hiện đại hóa thì du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói. Do đó, việc bảo tồn và tôn tạo các di tích cần có sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, du lịch và các dự án phát triển kinh tế - xã hội khác. Không để khu di tích lịch sử - văn hóa nào đã được xếp hạng, thống kê ở tình trạng hoang dã, mai một, không được chăm sóc, bảo tồn và phát huy giá trị một cách hợp lý, hiệu quả. Một vấn đề nữa không kém phần quan trọng, đó là sự kết hợp giữa Khu di tích với du lịch. Bởi lẽ, bảo tồn, tôn tạo và phát triển du lịch có mối quan hệ bền chặt, tác động qua lại với nhau. Có sự kết hợp này, chúng ta mới phát huy được tiềm năng to lớn của các di tích lịch sử - văn hóa.

Bên cạnh sự gắn kết giữa phát triển du lịch với di tích, điều cần làm và ưu tiên hàng đầu là xây dựng cơ sở kỹ thuật và kết cấu hạ tầng cho các di tích. Đồng thời, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao, mới có thể khai thác hết tiềm năng cũng như thế mạnh của du lịch nói chung và du lịch sinh thái trong từng điểm di tích nói riêng.

Phát triển du lịch ở các điểm di tích được hình thành và phát triển khá sớm trên thế giới. Tuy nhiên, loại hình du lịch này còn mới mẻ ở Việt Nam nói chung và các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Ngành du lịch có một mối quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành kinh tế, việc phát triển du lịch thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác phát triển. Thu nhập du lịch được tính thông qua hệ số nhân do tác động các ngành kinh tế khác từ 1,3 - 1,7 lần, góp phần bổ sung vào nguồn thu nhập cho ngân sách tỉnh.

Từ vấn đề vừa nêu trên, khó khăn và thách thức vẫn đang tồn tại, ít nhiều kéo chậm sự phát triển du lịch - văn hóa ở các điểm di tích. Vì vậy, tác giả mạnh dạn đưa ra một vài kiến nghị sau:

- Phát triển du lịch kết hợp với di tích

Xúc tiến nhanh việc tiến hành nghiên cứu, kiểm kê, ra quyết định xếp hạng di tích, soạn thảo các văn bản quy định nhằm bảo tồn, tôn tạo, tôn vinh giá trị của các di tích.

Giáo dục cộng đồng và du khách góp phần bảo vệ di tích, tham gia vào kinh doanh du lịch góp phần bảo vệ di tích, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho cộng đồng.

Hoạt động du lịch có thể là một nhân tố làm mất ổn định hệ sinh thái ở khu vực du lịch, nếu không được quy hoạch phát triển hợp lý, khoa học. Nhiều dự án quy hoạch du lịch làm suy giảm tài nguyên môi trường. Do những tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch đến tài nguyên môi trường, chất lượng cuộc sống của dân cư nên hiệu quả thấp, cái giá phải trả để khắc phục các tác động tiêu cực trên cao hơn mức đầu tư, làm giảm thành quả kinh tế.

Phát triển tiềm năng du lịch sinh thái ở một số điểm di tích như: Gò Tháp, Xẻo Quýt, đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng. Hệ sinh thái rừng tràm, với vai trò lịch sử - văn hóa - môi trường, nó tạo cảm giác mới cho khách đến tham quan du lịch. Riêng đối với đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng, phát triển hệ sinh thái “miệt vườn” bằng việc nuôi cá và trồng cây ăn quả. Đến nơi đây, một mặt viếng đền, mặt

khác có thể thưởng thức không khí trong lành, đó là những nhà hàng được thiết kế bằng tre, lá nổi trên mặt hồ nuôi cá. Với những món cá chế biến từ nhiều món khác nhau mang hương vị của miền sông nước Tây Nam Bộ.

Hiện nay, hoạt động du lịch sinh thái còn là một lĩnh vực mới, cho nên đội ngũ cán bộ chưa có kinh nghiệm cả về lý luận lẫn thực tiễn. Vì vậy, việc đào tạo một cách có hệ thống từ đội ngũ quản lý di tích và lực lượng lao động trong lĩnh vực này đang là nhu cầu cấp thiết hiện nay. Điều này cần được thể hiện cụ thể bằng các thông tư liên bộ giữa Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và Tổng cục Du lịch.

Các di tích kết hợp với hoạt động du lịch góp phần quảng bá thương hiệu về nét đặc thù và giá trị riêng của từng điểm di tích. Đồng thời, tránh việc trùng tu, tôn tạo không theo quan điểm bền vững và những quy định kỹ thuật đã làm mất giá trị ban đầu của di tích và cổ vật, làm giảm giá trị độc đáo truyền thống của di tích và thương mại hóa văn hóa truyền thống.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

Trang bị máy móc hiện đại cho các điểm di tích. Đặc biệt là các di tích lịch sử - văn hóa (khai quật và bảo tồn) và di tích có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái (đào tạo nguồn nhân lực và kỹ thuật về môi trường sinh thái).

Kiểu dáng và vật liệu công trình phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc bản địa, phù hợp với sinh thái tự nhiên.

Khuyến khích sử dụng công nghệ sinh thái trong thiết kế các công trình dịch vụ du lịch như: thiết lập năng lượng mặt trời, năng lượng gió (để đun nấu sản xuất điện), sử dụng nước mưa... thông gió tự nhiên để thay thế cho điều hòa nhiệt độ.

Quy hoạch các bãi đậu xe công cộng ở những vị trí không gây ô nhiễm, tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường sống, cảnh quan.

Cần có quy hoạch cả về không gian và tổ chức điều hành quản lý.

Xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với từng loại hình di tích có tầm quan trọng to lớn trong vấn đề bảo tồn và phát triển du lịch. Hơn nữa, nó còn là cái nền vững chắc khi áp dụng văn hóa ẩm thực ứng với đặc điểm các di tích.

- Văn hóa ẩm thực dành cho khách du lịch

Đối với khách du lịch, khi đến các vùng miền khác nhau, người ta cũng chú ý nhiều đến món ăn. Việc quan tâm đó không chỉ vì nhu cầu ăn uống thuần túy của khách, mà họ đã quen nhìn nhận món ăn của các địa phương khác nhau như một thành tố quan trọng của văn hóa và làm nên sự khác biệt của văn hóa vùng miền. Vì thế, việc giới thiệu, quảng bá các món ăn đối với khách du lịch là điều rất quan trọng đối với tất cả các địa phương.

Vấn đề đặt ra là, chúng ta phải lấy văn hóa ẩm thực làm một trong những nội dung quan trọng để quảng bá hình ảnh di tích về đặc điểm ẩm thực từng loại hình di tích cho bạn bè quốc tế nói chung, giữa các vùng miền nói riêng. Ở một khía cạnh khác, nó là một trong những nguyên nhân chính khiến khách du lịch hài lòng và muốn quay lại. Vì vậy, chúng ta cần đầu tư có chiều sâu sự am hiểu về ẩm thực, thích hợp cho từng di tích khác nhau.

- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch

Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sẽ góp một phần không nhỏ vào chất lượng của hoạt động, qua đó, du khách có thể tìm thấy những nét văn hóa riêng biệt của khu vực cũng như của một vùng văn hóa thông qua các hoạt động về tín ngưỡng dân gian, cách sinh hoạt, thái độ giao tiếp,...

Ngoài ra, du lịch sẽ góp phần vào nâng cao chất lượng cuộc sống cho phần lớn người dân địa phương xung quanh di tích cũng như một số ít cư dân trong vùng phát triển kinh tế địa phương, đảm bảo được nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.

Để làm được điều này, việc làm trước mắt là cần phải tiến hành xã hội hóa du lịch – làm sao cho người dân hiểu được thế nào là du lịch? lợi ích mà họ nhận được là những gì? và những lợi ích đó có cao hơn công việc hiện thời của họ hay không?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Văn Bé (Vân Sinh), *Khu di tích Gò Tháp*, Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp xuất bản 1991.
2. Ngô Văn Bé (Vân Sinh), *Khu di tích lịch sử văn hóa mộ cụ Nguyễn Sinh sắc*, Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc xuất bản năm 2008.
3. Ngô Văn Bé, *Di tích kiến trúc nghệ thuật Bửu Hưng tự (Chùa Cái Cát)*, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh đồng Tháp, trong “Đặc san Lai Vung”. UBND huyện Lai Vung xuất bản năm 1995.
4. Báo cáo khảo cổ học qua các đợt khảo sát, khai quật tại các di tích (đặc biệt là di tích Gò Tháp) của Trung tâm nghiên cứu khảo cổ, Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh.
5. Công ty du lịch và xuất nhập khẩu Đồng Tháp, *Đồng Tháp điểm hẹn du lịch*, NXB Tổng hợp Đồng tháp.
6. Công ty cổ phần thông tin kinh tế đối ngoại (2008), *Đồng Tháp - thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Hà Nội.
7. Nguyễn Đắc Hiền - *chủ biên* (1990) *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*, Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc.
8. Nguyễn Đắc Hiền - *chủ biên* (1994), *Tiếng sấm đầu mùa (Chiến thắng giồng Thị Đam - Gò Quản Cung 26/9/1959)*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp tái bản tháng 8/2000.
9. Nguyễn Đắc Hiền, *Khu di tích căn cứ Xẻo Quýt*, Báo Văn Nghệ Đồng Tháp số 7 (371), ngày 5/4/2008, tr. 8.
10. Phạm Ngọc Hiếu, *Đo đạc, kẻ vẽ kỹ thuật tại các điểm di tích*
11. Lệnh số 09/2001/L – CTN, ngày 12/07/2001, của Chủ tịch nước “Về việc công bố luật di sản văn hóa”.
12. Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06 tháng 02 năm 2003 của Bộ Văn hóa – Thông tin “Về việc ban hành Quy chế bảo quản tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh”.

13. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và Bảo tàng Đồng Tháp (1997), *Đồng Tháp di tích lịch sử danh lam thắng cảnh*, do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch xuất bản.
14. Nguyễn Thị Kim Thắm (2009), *Căn cứ Xẻo Quít trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Luận văn Thạc sĩ khoa học lịch sử, Trường Đại học Vinh.